



CTCP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năng suất - Chất lượng - Hiệu quả



CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ LIÊN TỤC CẢI TIẾN
ĐÁP ỨNG TỐT NHẤT YÊU CẦU KHÁCH HÀNG

2015

C32 - Vững bước tương lai

2016



Một chặng đường
1993

2015

Phát triển

Mục lục

01	TỔNG QUAN VỀ CIC 3-2		
	Quá trình hình thành và phát triển	03	
	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	09	
	Cơ cấu tổ chức	17	
	Định hướng phát triển	23	
	Rủi ro	27	
04	PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG		
	Quản lý nguồn lực sản xuất	74	
	Bảo vệ và xây dựng môi trường xanh	79	
	Trách nhiệm đối với người lao động và cộng đồng	87	
02	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2015		
	Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015	33	
	Tổ chức và nhân sự	39	
	Hoạt động đầu tư năm 2015	42	
	Các chỉ tiêu tài chính	43	
	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	45	
03	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP		
	Báo cáo của Ban Giám Đốc		49
	Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị		57
	Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị		59
	Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, TGD		66
	Báo cáo của Ban Kiểm Soát		67
05	BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN		
	Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	97	
	Báo cáo kiểm toán độc lập	99	
	Toàn văn Báo cáo tài chính kiểm toán	101	

THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: **CONSTRUCTION INVESTMENT CORPORATION**

Mã số DN: **3700146225**

VỐN ĐIỀU LỆ: 112.000.000.000 VNĐ

Địa chỉ: **45A Nguyễn Văn Tiết – P.Lái Thiêu – TX.Thuận An – Tỉnh Bình Dương**

Điện thoại: **0650 3759446**

Fax: **0650 3755605**

Website: **www.cic32.com.vn**

Tên viết tắt: **CIC 3-2**

Mã cổ phiếu: **C32**

Niêm yết : **HOSE**

Tổng số cổ phần niêm yết: **11.200.000 cp**



01

TỔNG QUAN VỀ CIC 3-2

- QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
- NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
- CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY
- ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
- RỦI RO

22 NĂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Từ những ngày đầu mới thành lập, xây dựng là lĩnh vực kinh doanh duy nhất của công ty. Theo nhu cầu phát triển của xã hội công ty đã từng bước mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh như:

- Năm 1994 Công ty mở rộng sang lĩnh vực khai thác khoáng sản đá và kinh doanh đá xây dựng, năm 2001 bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh bất động sản. Lĩnh vực gia công sản phẩm cơ khí xây dựng, cồng bê tông ly tâm, cấu kiện bê tông đúc sẵn cũng được bổ sung.
- Năm 2009 theo nhu cầu phát triển của thị trường và tận dụng những thế mạnh mà công ty đang có, Công ty đã thành lập được Sàn giao dịch bất động sản để phục vụ cho việc giao dịch bất động sản của công ty với khách hàng, môi giới, xác nhận việc giao dịch của các đối tác và các khách hàng bên ngoài. Thành lập xưởng sản xuất gạch không nung nhằm tận dụng những vật liệu công ty sẵn có như (đá mi bụi) và sản xuất phục vụ một phần các công trình nội bộ công ty đang thi công. Cũng trong năm 2009 công ty thành lập được trung tâm kinh doanh vật liệu xây dựng.

Năm 2011, Công ty đưa xưởng sản xuất bê tông thứ 2 tại xã Long Nguyên - Bến Cát đi vào hoạt động.

1993

Công ty được thành lập với tên gọi công ty Kinh doanh Phát triển nhà Sông Bé (SB.P.Corp)

1997

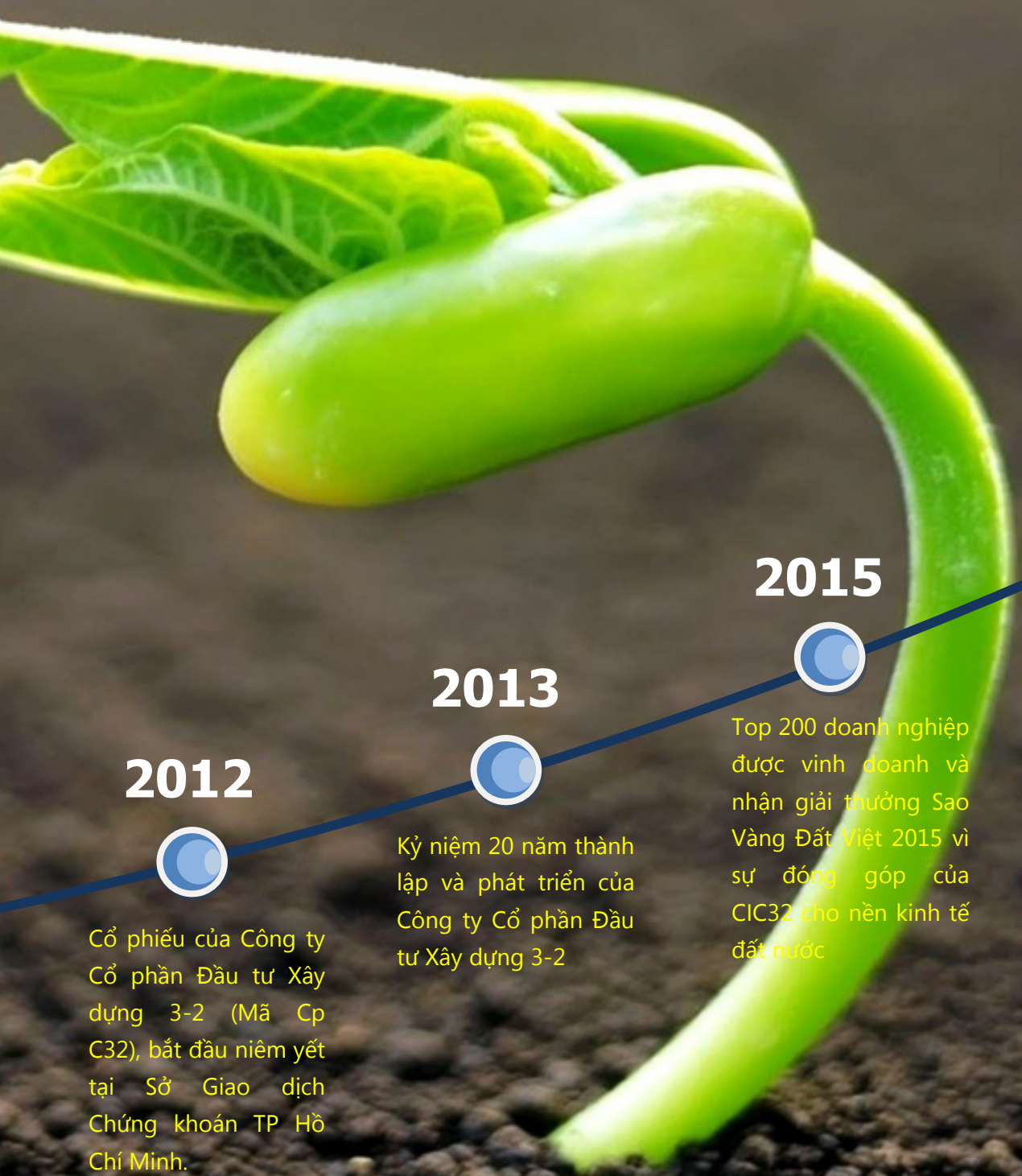
Công ty đã đổi tên thành công ty Đầu tư Xây dựng 3/2

2008

Công ty chính thức chuyển sang loại hình công ty Cổ phần, tên gọi Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 (CIC3-2)

2010

Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 (Mã cổ phiếu là C32), bắt đầu giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.



2012



Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 (Mã Cp C32), bắt đầu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

2013



Kỷ niệm 20 năm thành lập và phát triển của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2

2015



Top 200 doanh nghiệp được vinh danh và nhận giải thưởng Sao Vàng Đất Việt 2015 vì sự đóng góp của CIC32 cho nền kinh tế đất nước

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Công ty CP Đầu tư Xây dựng 3-2 được thành lập từ năm 1993, theo Quyết định số 06/QĐ-UB ngày 08/1/1993 của UBND tỉnh Sông Bé, với chức năng chủ yếu là kinh doanh nhà, kinh doanh vật liệu xây dựng, xây dựng công trình công nghiệp... Ngay từ khi mới thành lập, lĩnh vực xây lắp là hoạt động chính của Công ty, chủ yếu là thi công các công trình nội bộ như các hạng mục trong dự án xây dựng Sân golf Palm Sông Bé, Xưởng may,....



Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 nhiệm kỳ I



Năm 1994, Công ty mở rộng sang lĩnh vực khai thác, sản xuất và kinh doanh đá xây dựng, tại mỏ Đá Đông Hòa – huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Năm 1997, với chủ trương tách tỉnh Sông Bé thành hai tỉnh Bình Dương và Bình Phước, đồng thời để đáp ứng yêu cầu phát triển phù hợp với xu thế mới, Công ty đổi tên là Công ty Đầu tư Xây dựng 3/2.

Năm 2001, Công ty thực hiện chiến lược mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh sang lĩnh vực kinh doanh Bất động sản, kinh doanh nhà ở.

Năm 2003, Công ty tiến hành xây dựng và đưa vào áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 : 2000, nay là ISO 9001 : 2008. Trong lĩnh vực xây dựng Công ty đã được Chủ đầu tư đánh giá chất lượng cao kể từ khi áp dụng hệ thống QLCL vào trong sản xuất. Thành lập Xưởng Cơ khí, chuyên sản xuất gia công sản phẩm cơ khí xây dựng.



Nhà máy sản xuất công Long Nguyên từ ngày đầu thành lập



Đánh cồng khai trương giao dịch cổ phiếu

Năm 2004, nhãn hiệu hàng hóa CIC3-2 đã được nhiều khách hàng biết đến trên thị trường trong và ngoài tỉnh, được Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam cấp giấy chứng nhận theo Quyết định số A5461/QĐ-ĐK ngày 18/8/2004.

Năm 2006, Công ty phát triển thêm lĩnh vực sản xuất cống bê tông cốt thép; Thi công điện nước; dịch vụ vận tải hàng hóa...và thành lập Xí nghiệp cơ khí và cấu kiện bê tông. Những ngành kinh doanh mới đã đánh dấu bước phát triển trong chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty.

Năm 2007, Công ty mở rộng đầu tư sản xuất mở rộng mỏ Đá Tân Đông Hiệp, xin giấy phép trực tiếp khai thác trực tiếp làm chủ đầu tư mỏ đá xây dựng, góp phần củng cố lợi thế doanh nghiệp. Thành lập Sàn Giao dịch bất động sản và Trung tâm VLXD 279 mở rộng thêm lĩnh vực kinh doanh cho thuê CCDC thi công.

Năm 2008, Thực hiện chủ trương của Chính Phủ, UBND tỉnh Bình Dương, Công ty tiến hành các công việc cần thiết để chuyển sang mô hình Công ty Cổ phần vào năm 2007. Đến ngày 11/12/2008, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 được thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 02/1/2009 đã đánh dấu bước phát triển mới của Công ty.

Năm 2011, Công ty mở rộng xây dựng nhà xưởng sản xuất cống Bê tông tại xã Long Nguyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương với tổng diện tích 4ha, công suất 30.000 cống/ năm, đồng thời đưa vào hoạt động dây chuyền sản xuất gạch bê tông tự chèn, gạch block...đưa sản phẩm mới vào thị trường.

Năm 2012, Công ty tiếp tục đầu tư phát triển sản phẩm lắp đặt dây chuyền sản xuất gạch terrazzo ở Xí nghiệp cơ khí và cấu kiện bê tông đưa sản phẩm này xâm nhập vào thị trường trong và ngoài tỉnh.

30/11/2012: Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu lên sàn giao dịch chứng khoán TPHCM (HOSE).

SỰ KIỆN NỔI BẬT TRONG NĂM 2015



CIC 3-2 vinh dự nhận giải thưởng “Sao Vàng đất Việt 2015”

Giải thưởng nhằm mục đích ghi nhận sự đóng góp của các doanh nghiệp Việt Nam cho nền kinh tế đất nước trong thời gian qua, bằng bản lĩnh, trí tuệ, sức phấn đấu bền bỉ vượt qua khó khăn, cũng như ứng dụng khoa học & công nghệ thành công vào sản xuất kinh doanh, phát triển bền vững, chứng minh được năng lực cạnh tranh trong thời kỳ hội nhập.

Trải qua ba vòng sơ tuyển, thẩm định thực tế và chung tuyển, Công ty CP Đầu tư Xây dựng 3-2 (CIC3-2) vinh dự nằm trong Top 200 doanh nghiệp được vinh danh và trao giải thưởng Sao Vàng đất Việt năm 2015. Đây là sự công nhận khách quan về chất lượng, uy tín, khẳng định vị thế thương hiệu CIC3-2 trên thị trường Việt Nam.

Phát huy thành quả đạt được, trong suốt những năm qua, CIC3-2 đã đẩy mạnh phát triển sản xuất sản phẩm như xây dựng công trình dân dụng, giao thông, đá xây dựng, cống bê tông ly tâm, gạch bê tông,với đội ngũ nhân viên lành nghề được đào tạo chuyên môn, có tác phong chuyên nghiệp cùng cam kết chất lượng Công ty đã cung cấp cho thị trường các sản phẩm chất lượng, thẩm mỹ cao với mức giá hợp lý và được khách hàng đánh giá cao.

Giải thưởng Sao Vàng đất Việt góp phần tạo động lực hơn nữa cho Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh và tăng trưởng trong thời gian tới.

NHỮNG GIẢI THƯỞNG CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

BÌNH CHỌN TOP 5 DNNY CÓ HOẠT ĐỘNG IR TỐT NHẤT 2015

TRANG CHỦ | THỂ LỆ | GIẢI THƯỞNG

KẾT QUẢ BÌNH CHỌN DNNY CÓ HOẠT ĐỘNG IR TỐT NHẤT 2015
(Thời gian bình chọn từ ngày 21/11/2015 – 21/12/2015)

STT	MCK	Tên Doanh nghiệp	Tỷ lệ
1	SOL	CTCP Quốc Tế Sơn Hà	27.85%
2	HDL	CTCP Đầu Tư & KD Nhà Khang Điền	20.66%
3	DCH	TCT Phần Bón & Hóa Chất Dầu Khí - CTCP	18.94%
4	EBB	CTCP Sách Giáo Dục Tài Trữ Hà Nội	5.82%
5	LTX	CTCP Đầu Tư Xây Dựng 3-2	5.80%



Giải thưởng "Sao Vàng Đất Việt năm 2015"



Top 50 nhãn hiệu cạnh tranh Việt Nam



Cúp thương hiệu mạnh "Cúp sản phẩm ưu tú hội nhập WTO"



Cúp Giải Bạc chất lượng quốc gia



Cúp thương hiệu vàng 2015



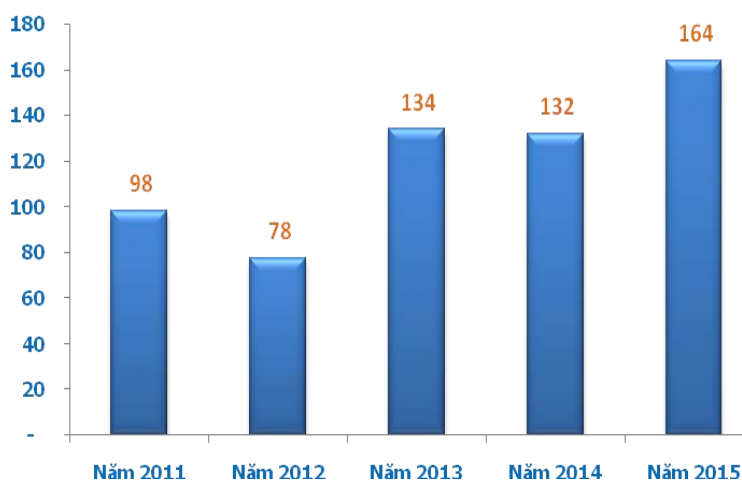
Chứng nhận đánh giá quốc tế độc lập Q MIX 2015

NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH

LĨNH VỰC XÂY DỰNG



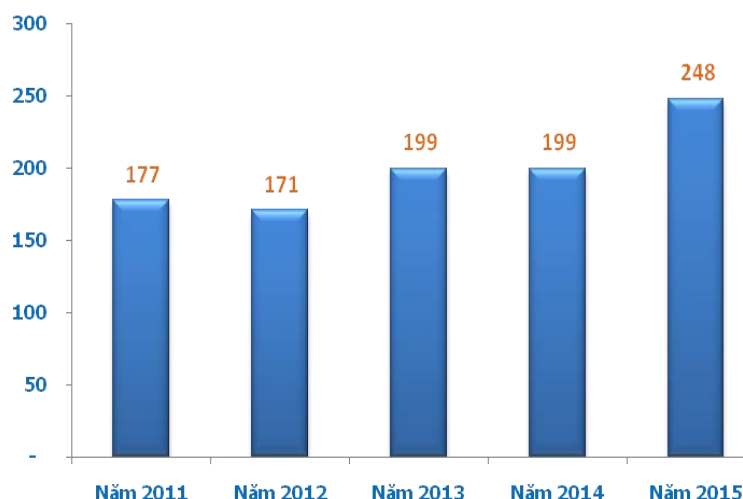
Doanh thu lĩnh vực Xây dựng (tỷ đồng)



LĨNH VỰC KHAI THÁC ĐÁ

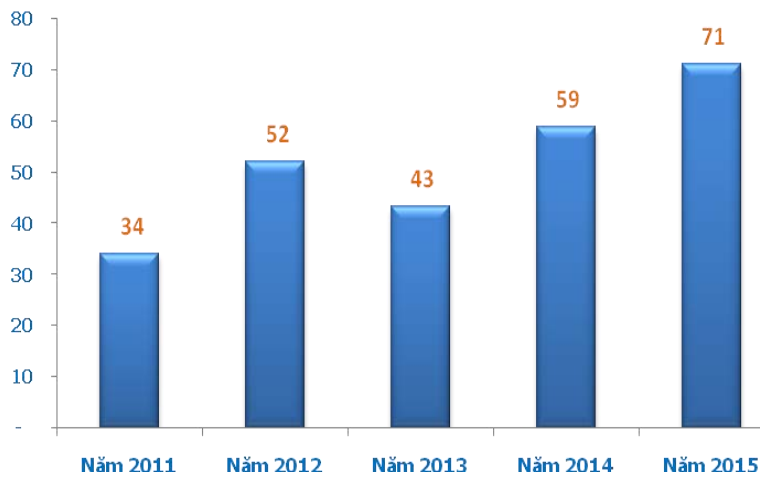


Doanh thu lĩnh vực Đá (tỷ đồng)



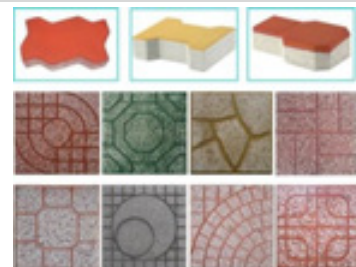
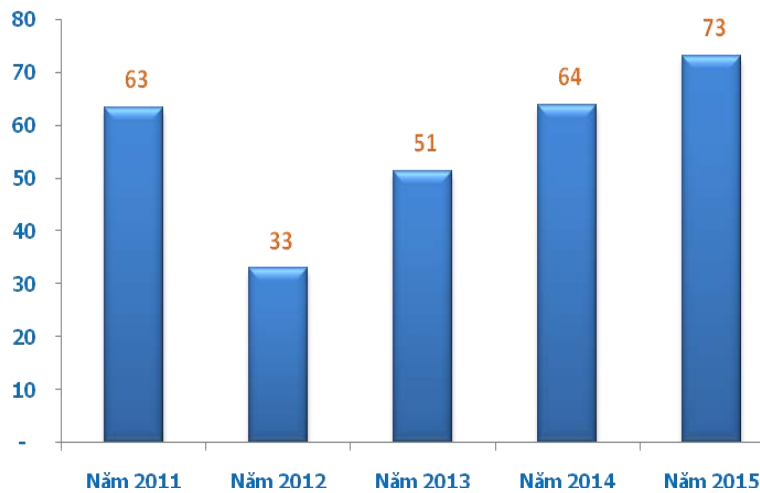
LĨNH VỰC SẢN XUẤT CỐNG BÊ TÔNG

Doanh thu lĩnh vực Cống bê tông (tỷ đồng)



CÁC LĨNH VỰC KINH DOANH KHÁC

Doanh thu các lĩnh vực khác (tỷ đồng)



NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH (tt)

TỔNG QUAN MỘT SỐ SẢN PHẨM CHÍNH



Đá 1x2



Đá 0x4



Đá 4x6



Đá mi sàng



Đá mi bụi



Đá hộc

Đá xây dựng

Sản phẩm đá xây dựng được CIC 3-2 khai thác và chế biến trực tiếp tại mỏ đá Tân Đông Hiệp (thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương) với quy mô khai thác trên diện tích 20 ha. Sản phẩm đá xây dựng của CIC 3-2 gồm nhiều chủng loại với tính chịu lực cao, ít hút nước và độ chống mài mòn cao, được sử dụng rộng rãi trong xây dựng cầu đường, hạ tầng kỹ thuật và sản xuất vật liệu xây dựng. Sản lượng chế biến đạt trên 1.200.000 m³/năm. Sản phẩm được chứng nhận phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 16:2014/BXD.

Cống bê tông ly tâm

Được sản xuất theo thiết kế mẫu từ $\Phi 300$ – $\Phi 2000$ hoặc theo yêu cầu của khách hàng, đáp ứng các TCVN 9113:2012, ISO 9001:2008. Các sản phẩm cống bê tông ly tâm điển hình hiện nay:

Cống H30: Cống bê tông ly tâm chịu lực lắp đặt bằng qua đường hoạt tải H30-XB80;

Cống H10: Cống bê tông ly tâm chịu lực lắp đặt bằng qua đường hoạt tải H30-XB60;

Cống VH: Cống bê tông ly tâm lắp đặt trên vỉa hè hoạt tải người đi bộ 300kg/cm².



Cống hộp bê tông cốt thép

Được sản xuất theo thiết kế định hình có kích thước theo khẩu độ thoát nước từ 1000x1000 mm đến 3000x3000 mm với chiều dài từ 1200-2000 mm, hoặc theo yêu cầu của khách hàng. Sản phẩm đáp ứng các TCVN 9116:2012, ISO 9001:2008.



Lĩnh vực xây lắp

Thi công xây dựng là lĩnh vực hoạt động truyền thống của CIC 3-2 từ khi thành lập vào năm 1993. Với bề dày kinh nghiệm gần 20 năm trong lĩnh vực này, CIC 3-2 là đơn vị thi công xây lắp có uy tín trên địa bàn tỉnh Bình Dương và các tỉnh lân cận. CIC 3-2 cũng có lợi thế cạnh tranh so với các công ty cùng ngành khi tự túc được nguồn nguyên vật liệu như đá, sắt thép, cống bê tông, gạch không nung. Với nguồn lực dồi dào, kinh nghiệm và uy tín trên thị trường, CIC 3-2 có đủ năng lực để thi công những công trình dự án lớn về cả dân dụng, công nghiệp, cầu đường và hạ tầng kỹ thuật. Các công trình do CIC 3-2 thực hiện được khách hàng đánh giá cao về chất lượng, tiến độ.



NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH (tt)

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM



Giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm Đá



Giấy chứng nhận chất lượng Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và cầu đường



Giấy chứng nhận chất lượng sp Cốt tròn



Giấy chứng nhận chất lượng sp Cốt hợp



Giấy chứng nhận chất lượng sp Gạch

CÁC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG TIÊU BIỂU

Công trình Thuận Giao



Trường Phước Vĩnh



Trường Hoa Hướng Dương



Trường Tiểu học Thanh Tân



CT Tương Bình Hiệp



ĐỊA BÀN KINH DOANH

Tỉnh BÌNH DƯƠNG: *Thị trường hoạt động chính*

TP. HỒ CHÍ MINH: *Thị trường tiềm năng*

KHÁCH HÀNG MỤC TIÊU CỦA CIC 3-2:

- Công ty xây dựng, đơn vị thiết kế
- Chủ đầu tư, chủ thầu và Ban quản lý dự án
- Các đơn vị kinh doanh vật liệu xây dựng

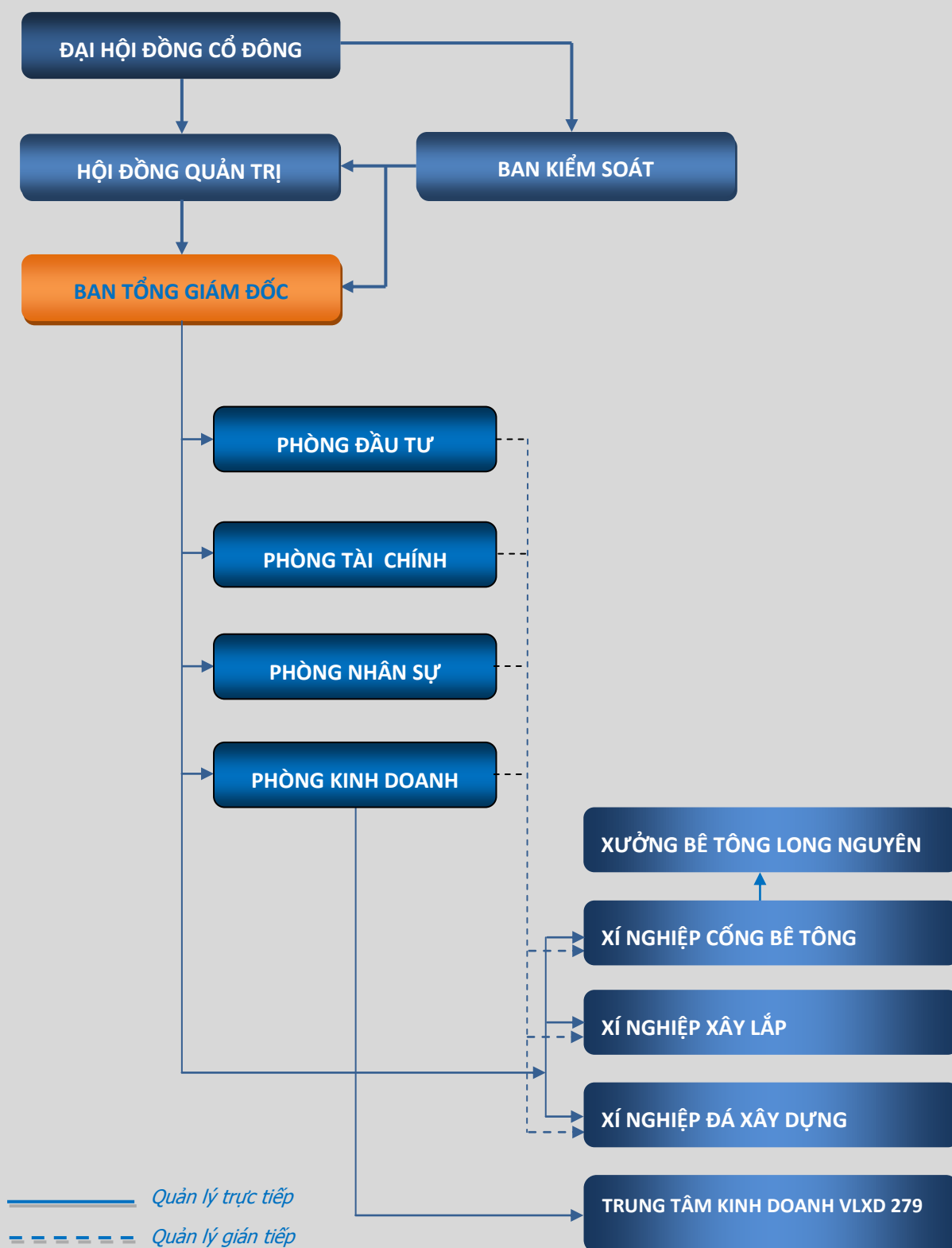
MISSION

CIC3-2 cam kết mang lại cho khách hàng những sản phẩm/dịch vụ có chất lượng cao với chi phí hợp lý, phục vụ tốt cộng đồng và xã hội.

VISSION

CIC3-2 nỗ lực trở thành Công ty chuyên nghiệp, uy tín, chất lượng trong lĩnh vực xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng.

CƠ CẤU TỔ CHỨC CIC 3-2





**“CIC 3-2 không có
Công ty con và
Công ty liên kết”**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CIC 3-2



Ông Võ Văn Lãnh **Chủ tịch HĐQT**

Sinh năm 1963

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Tài chính Xây dựng cơ bản.

Kỹ sư Xây dựng cầu đường bộ.

Quá trình công tác

1985 – 1992: Nhân viên Ủy ban Kế hoạch tỉnh Sông Bé.

1992 – 1995: Kế toán trưởng Công ty Kinh doanh Phát triển nhà Sông Bé.

1995 – nay: Giám Đốc Công ty Kinh doanh phát triển nhà Sông Bé (sau đổi tên thành Công ty Đầu tư Xây dựng 3-2).

Hiện nay: Chủ tịch HĐQT kiêm TGD CTCP Đầu tư Xây dựng 3-2

Số cổ phiếu nắm giữ: 112.200 cổ phần



Ông Huỳnh Hữu Hùng **Ủy viên HĐQT**

Sinh năm 1979

Trình độ chuyên môn

Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác

06/2002 - 08/2004: Công tác tại Công ty vật tư - Vận tải và Xây dựng công trình giao thông - Chi nhánh phía Nam - BỘ GTVT.

Từ 09/2004 - 03/2011: Công tác tại Tổng công ty xây dựng số 1-Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng CIDECO – Bộ xây dựng. Chức vụ: Phó phòng Tư vấn QLDA.

Từ 04/2011 đến nay: Công tác tại Tổng công ty Sản xuất - XNK Bình Dương – TNHH MTV. Chức vụ: Phó giám đốc Ban đầu tư - QLDA.

Hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị – CTCP Đầu tư Xây dựng 3-2

Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phần



Ông Nguyễn Thế Phi
Ủy viên HĐQT

Sinh năm 1974

Trình độ chuyên môn

Cử nhân quản trị kinh doanh.

Cử nhân Quản trị hành chính

Quá trình công tác

1999 – 10/2001: Nhân viên Công ty TNHH Tripple A

11/2002 – 03/2007: Nhân viên hành chính – Quản trị, thuộc Công ty Đầu tư Xây dựng 3-2.

03/2007 – 8/2009: Nhân viên kinh doanh thuộc Công ty Đầu tư Xây dựng 3-2

8/2009 – 7/2014: Trưởng TT VLXD 279

7/2014 – 11/2015: Phó phòng Kinh doanh CTCP Đầu tư Xây dựng 3-2

Hiện nay: Thành viên Hội Đồng Quản trị, trưởng phòng kinh doanh CTCP Đầu tư Xây dựng 3-2

Số cổ phiếu nắm giữ: 25.500 cổ phần

Ông Nguyễn Thế Sự
Ủy viên HĐQT

Sinh năm 1978

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác

05/2000 – 12/2006: Nhân viên kế toán Công ty Sản xuất & Xuất nhập khẩu Bình Dương

01/2007 – 11/2010: Kế toán trưởng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương

12/2010 đến nay: Kiểm soát viên Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – TNHH Một thành viên

Hiện nay: Thành viên Hội Đồng Quản trị – CTCP Đầu tư Xây dựng 3-2

Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phần

Ông Phan Thanh Đức
Ủy viên HĐQT

Sinh năm 1971

Trình độ chuyên môn

Thạc sĩ kinh tế

Quá trình công tác

1991- 2003: Công tác lại XN may mặc hàng XK trực thuộc Công ty SX-XNK Bình Dương. Chức vụ: Kế toán, Phó phòng kế toán (năm 1996).

2004 - 2006: Công tác tại XN may mặc hàng XK thuộc Công ty SX-XNK Bình Dương. Chức vụ: Kế toán trưởng.

Từ năm 2007- 11/2015: Giám đốc tài chính Cty TNHH MTV may mặc Bình Dương.

Từ 12/2015 đến nay TGD CTCP may mặc Bình Dương.

Hiện nay: Thành viên Hội Đồng Quản trị CTCP Đầu tư Xây dựng 3-2

Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phần

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT CIC 3-2



Ông Văn Hoàng Tùng Trưởng Ban kiểm soát

Sinh năm 1966

Trình độ chuyên môn

Đại học tại chức Tài chính kế toán
Thương nghiệp ngắn hạn .

Quá trình công tác

1984 - 1990: Nhân viên kế toán Công
ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Hòa
Thành, Tây Ninh.

5/1995 - 4/2000: Kế toán vật tư Công
ty Đầu tư Xây dựng 3/2.

5/2000 - 8/2004: Trưởng bộ phận Tài
chính - Kinh doanh - Nhân sự, Xí
nghiệp Đá Xây dựng 3-2 thuộc Công
ty Đầu tư Xây dựng 3/2.

9/2004 - 4/2014: Quyền TP.TC - NS
Xí nghiệp Cơ khí & Bê tông.

5/2014 - 12/2015: TTHC Xí nghiệp
Cơ khí & Bê tông.

01/2016 - nay: Nhân viên hành
chánh Xí Nghiệp Cống Bê Tông

Hiện nay: Trưởng ban kiểm soát

**Số cổ phiếu nắm giữ: 2000 cổ
phần**

Ông Lý Thanh Châu TV Ban kiểm soát

Sinh năm 1982

Trình độ chuyên môn

Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

2004-2006: Công tác tại Công ty SX-
XNK Bình Dương.

2006-2007: Công tác tại CTCP Công
nghiệp và Dịch vụ Bình Dương.

2008 - 1/2015: Công tác tại Công ty
TNHH Ascendas -Protrade. Chức vụ:
Kế toán trưởng.

Từ tháng 1/2015 đến nay: Trợ lý TGD
Tổng công ty SX-XNK Bình Dương
TNHH MTV.

Hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát
- CTCP Đầu tư Xây dựng 3-2.

Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phần

Ông Nguyễn Lương Tâm TV Ban kiểm soát

Sinh năm 1979

Trình độ chuyên môn

Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác

2002 - 2009: Nhân viên Ban Xây
dựng Cơ bản (XDCB) Công ty Sản
xuất - XNK Bình Dương.

2009 - 2010: Phó Ban XDCB Công ty
Sản xuất - XNK Bình Dương.

Từ năm 2010 đến nay: Phó Giám đốc
Ban Đầu tư Quản lý Dự án Tổng Công
ty Sản xuất - XNK Bình Dương TNHH
Một Thành Viên.

Hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát
- CTCP Đầu tư Xây dựng 3-2.

Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phần

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH CIC 3-2



Ông Võ Văn Lãnh **Tổng Giám Đốc**

Sinh năm 1963

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Tài chính Xây dựng cơ bản.
Kỹ sư Xây dựng cầu đường bộ.

Quá trình công tác

1985 – 1992: Nhân viên Ủy ban Kế hoạch tỉnh Sông Bé.

1992 – 1995: Kế toán trưởng Công ty Kinh doanh Phát triển nhà Sông Bé.

1995 – nay: Giám Đốc Công ty Kinh doanh phát triển nhà Sông Bé (sau đổi tên thành Công ty Đầu tư Xây dựng 3-2).

Hiện nay: Chủ tịch HĐQT kiêm TGD CTCP Đầu tư Xây dựng 3-2

Số cổ phiếu nắm giữ: 112.200 cổ phần



Ông Trần Văn Bình **Phó Tổng Giám Đốc**

Sinh năm 1965

Trình độ chuyên môn

Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

1987 – 1993: Kế toán Công ty Dầu thực vật Đồng Nai.

1994 – 1998 Kế toán trưởng XN Khai thác & SX VLXD thuộc Công ty Đầu tư Xây dựng 3/2.

1999 – tháng 6 năm 2005 Giám đốc XN Khai thác & SX VLXD thuộc Công ty Đầu tư Xây dựng 3/2.

Từ tháng 07 năm 2005 – 09/05/2014: Kế toán trưởng CTCP Đầu tư Xây dựng 3-2.

Từ ngày 10/05/2014 đến nay Phó TGD CTCP Đầu tư Xây dựng 3-2.

Hiện nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư Xây dựng 3-2.

Số cổ phiếu nắm giữ: 2.500 cổ phần



Ông Nguyễn Xuân Hiếu **Kế toán trưởng**

Sinh năm 1982

Trình độ chuyên môn

Cử nhân kinh tế - chuyên ngành kế toán kiểm toán

Quá trình công tác

Từ tháng 06/2004 – 2008: Nhân viên phòng Tài chính Tổng hợp Công ty Đầu tư Xây dựng 3/2

Từ 2009 – ngày 09/05/2014: Phó trưởng phòng Tài chính CTCP Đầu tư Xây dựng 3-2.

Từ ngày 10/05/2014 đến nay: Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng Tài chính Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2.

Hiện nay: Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng Tài chính Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2.

Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phần

ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH CỦA CIC 3-2 ĐẾN NĂM 2017

THỰC TRẠNG THÁCH THỨC VÀ CƠ HỘI CỦA CIC 3-2

Vấn đề	Tác động
(+) Tốc độ tăng trưởng ngành xây dựng	Tốc độ tăng trưởng nhu cầu ngành xây dựng bắt đầu phục hồi nhưng tốc độ tăng trưởng toàn thị trường không cao (6-7%), tuy nhiên tốc độ tăng trưởng ở khu vực Bình Dương và Đông Nam Bộ vẫn khá cao (10-12%). CIC3-2 có cơ hội tăng trưởng tại địa phương trong cả lĩnh vực xây dựng, sản xuất đá, cấu kiện bê tông.
(-) Sức ép cạnh tranh tăng cao	Sức ép của của đối thủ cạnh tranh tăng cao ở lĩnh vực xây lắp, cấu kiện bê tông, kinh doanh VLXD. Đặc biệt là cạnh tranh về giá.
(+/-) Yêu cầu của khách hàng về chất lượng	Yêu cầu của khách hàng về chất lượng các sản phẩm xây lắp, cấu kiện bê tông ngày càng tăng. Các chủ đầu tư ngày càng khắt khe trong việc lựa chọn các nhà thầu thi công. Xu hướng này vừa là thuận lợi (loại bớt các đối thủ nhỏ), vừa là thách thức (phải nâng cấp năng lực) cho CIC3-2.
(-) Trữ lượng mỏ đá cạn kiệt, khó khăn trong tìm kiếm nguồn mỏ có chất lượng	Nguồn mỏ mới có chất lượng, trữ lượng cao và vị trí thuận lợi hầu như không còn hoặc đang khai thác. Mỏ mới chuyển sang khai thác ở các khu vực xa hơn sẽ làm mất đi lợi thế về chất lượng và chi phí vận chuyển.
(-) Sự thay đổi về chính sách và luật	Luật và chính sách liên quan đến khai thác khoáng sản làm cho CIC3-2 sẽ khó khăn trong việc tiếp cận mỏ đá mới; Chi phí khai thác tăng lên.
(-) Khó khăn trong thu hút nguồn nhân lực chất lượng	<i>CIC 3-2 sẽ đối mặt với khó khăn trong thu hút và giữ chân nhân sự có chất lượng – đặc biệt là đội ngũ quản lý - tại khu vực Bình Dương.</i>

ĐIỂM MẠNH – ĐIỂM YẾU CỦA CIC 3-2

Vấn đề	Tác động
(+) Hệ thống quản lý ở cấp Công ty được hình thành và vận hành tốt	Công ty hoạt động có kế hoạch, có mục tiêu rõ ràng, khả năng phối hợp tổng thể tốt.
(+) Uy tín về chất lượng trong lĩnh vực xây dựng và sản xuất đá xây dựng	Thuận lợi cho việc bán hàng dù lực lượng marketing và bán hàng không đủ mạnh
(+) Tình hình tài chính lành mạnh.	Khả năng huy động vốn tốt từ bên ngoài khi cần để đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh
(-) Năng lực máy móc thiết bị phục vụ thi công xây dựng, sản xuất cấu kiện bê-tông hạn chế	Máy móc thiết bị cho mảng xây lắp có thể tiếp tục thuê ngoài nhưng khi quy mô tăng lên (trên 300 tỷ/năm) thì phải đầu tư bổ sung máy móc thiết bị để đảm bảo chất lượng và tiến độ thi công, đồng thời giảm giá thành.
(-) Nguồn nhân lực cấp trung, đội ngũ kỹ sư/giám sát hạn chế	Do quy mô phát triển nên đội ngũ quản lý cấp trung trong các mảng quản lý dự án, marketing và bán hàng, quản lý cung ứng chưa đáp ứng được.
(+) Thời hạn khai thác mỏ đá Tân Đông Hiệp được gia hạn đến năm 2017	Mỏ đá Tân Đông Hiệp có vị trí thuận lợi khi tiếp giáp với khu vực kinh tế năng động nhất cả nước, có nhu cầu về phát triển hạ tầng kinh tế kỹ thuật cao, mỏ đá có chất lượng tốt nhất khu vực phía Nam. Vì vậy, thời hạn khai thác mỏ đá Tân Đông Hiệp được gia hạn đến năm 2017 sẽ tạo điều kiện tốt cho CIC 32 đảm bảo dự trữ đá sản xuất đến hết năm 2018.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH DOANH CỦA CÔNG TY ĐẾN NĂM 2017

Dựa trên dự báo về ngành xây dựng và thị trường xây dựng Việt Nam, CIC32 đã vạch ra những mục tiêu và định hướng phù hợp với năng lực của Công ty. Với mục tiêu và chiến lược này, CIC32 cam kết đảm bảo được sự phát triển bền vững của Công ty song song với lợi ích của toàn bộ cổ đông công ty.

Cụ thể định hướng của Công ty như sau:

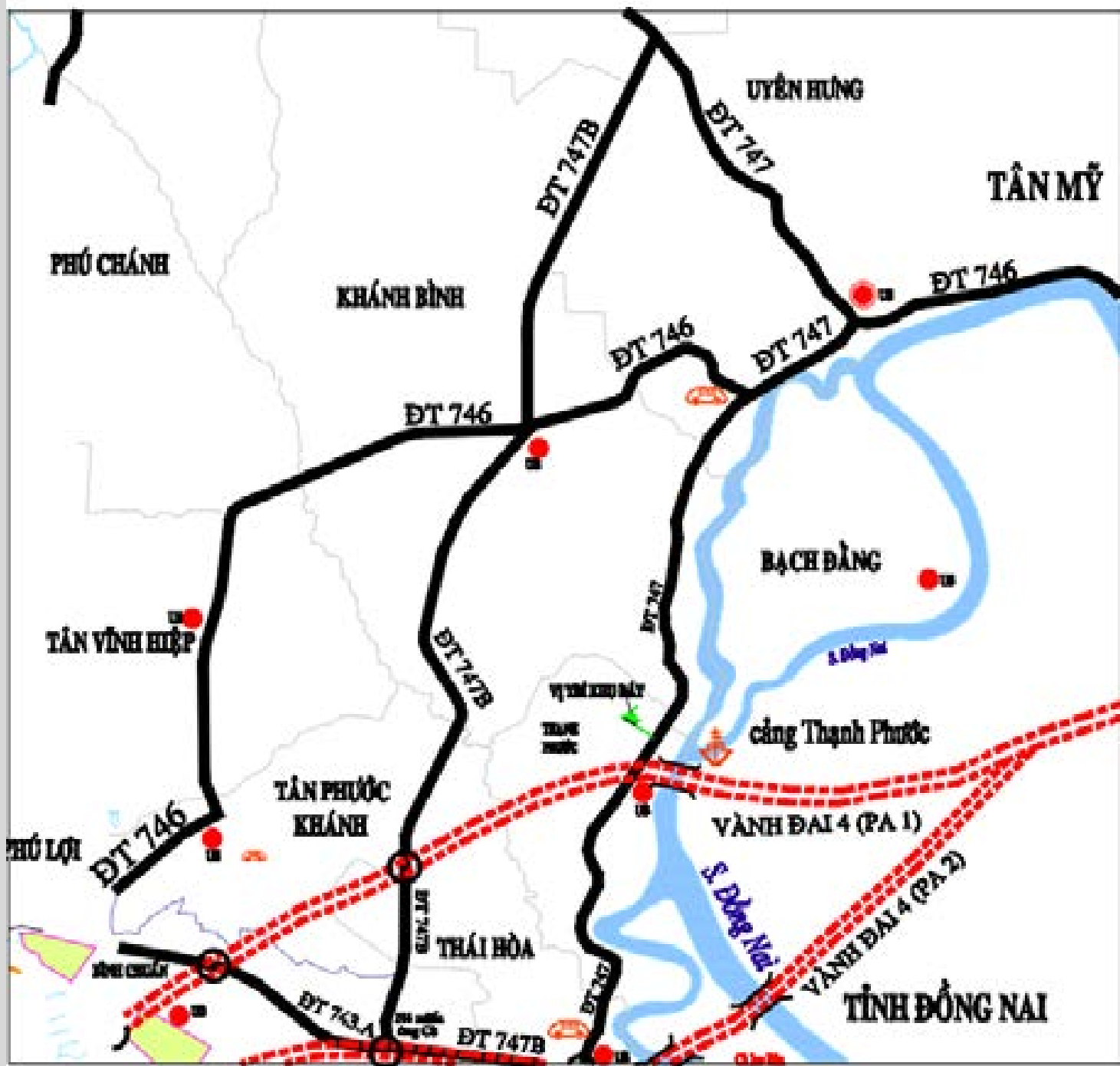
- Tăng quy mô thị trường và thị phần tại các tỉnh miền Đông Nam Bộ, đặc biệt là 03 tỉnh thành là Bình Dương, TP.HCM, Đồng Nai. Phấn đấu nâng tỷ trọng doanh số thị trường ngoài Bình Dương lên trên 50%.
- Công ty đẩy mạnh khai thác mỏ đá Tân Đông Hiệp đến năm 2017 và dự trữ sản xuất đến hết năm 2018. Đầu tư di dời nhà xưởng Thuận Giao đến cảng Thạnh Phước (Tân Uyên – Bình Dương) và mở rộng nhà máy sản xuất cốt bê tông.
- Đầu tư tài chính ngoài doanh nghiệp có hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi cùng ngành nghề của Công ty do lãi suất ngân hàng thấp.
- Tăng trưởng năng suất lao động bình quân 5%/năm thông qua việc tinh gọn bộ máy nhân sự, nâng cao năng lực quản lý, ứng dụng và tích hợp hệ thống thông tin quản lý vào các hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới phù hợp với năng lực và các nguồn lực hiện có của Công ty, chú trọng vào sản phẩm gạch không nung cốt liệu nặng và nghiên cứu lĩnh vực dịch vụ nhằm sử dụng lợi thế về mặt bằng hiện có của Công ty tại nhà xưởng Thuận Giao, nơi giao cắt giữa đường Vành đai 3 và Quốc lộ 13.

Mục tiêu tài chính đến năm 2017

Chi tiêu	Kế hoạch 2016 (Triệu đồng)	Kế hoạch 2017 (Triệu đồng)
Doanh thu	550.000	637.000
Lãi gộp từ hoạt động SXKD	126.000	146.000
Lợi nhuận sau thuế	79.000	91.500
Thu nhập trên mỗi cổ phần (đồng /CP)	7.054	8.170
Tỷ lệ chi trả cổ tức	24%	24%



KHU ĐẤT PHƯỜNG PHƯỚC THẠNH, TX TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG



ĐÂY LÀ VỊ TRÍ KHU ĐẤT MỚI MÀ CIC 3-2 ĐẦU TƯ SẢN XUẤT GẠCH KHÔNG NUNG VÀ DI DỜI XƯỞNG CỐNG THUẬN GIAO VỀ ĐÂY.

RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SX-KD CỦA CIC 3-2

RỦI RO PHÁP LÝ

Rủi ro pháp lý liên quan đến việc thay đổi các chính sách, văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động của ngành xây dựng và vật liệu xây dựng nói chung và của Công ty nói riêng. Việc thay đổi chính sách, quy định mới của Nhà nước Việt Nam liên quan đến hoạt động của ngành xây dựng và vật liệu xây dựng có thể ảnh hưởng tới Công ty.

Hoạt động của Công ty chịu sự chi phối của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán (đối với công ty niêm yết) và các văn bản hướng dẫn liên quan. Những nội dung thay đổi, điều chỉnh hay bổ sung liên quan đến các Luật này sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Để giảm thiểu rủi ro trên Công ty đã và đang thực hiện việc đào tạo các chuyên viên pháp lý kịp thời nắm bắt kiến thức pháp luật.

RỦI RO LÃI SUẤT

Là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

RỦI RO TÍN DỤNG

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.



RỦI RO TỪ NỀN KINH TẾ VĨ MÔ

Tốc độ tăng trưởng kinh tế tác động trực tiếp đến việc tiêu thụ sản phẩm. Do vậy, việc duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam là một yếu tố tác động mạnh mẽ đến kinh doanh địa ốc, đầu tư xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng, từ đó ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty trong năm.

Trong môi trường vĩ mô như vậy, đòi hỏi Công ty phải chủ động, linh hoạt để thích ứng. Công ty luôn chú trọng việc theo dõi sát tình hình kinh tế để có những điều chỉnh về chiến lược, kế hoạch kinh doanh cho phù hợp.

RỦI RO CẠNH TRANH

Tình hình cạnh tranh trên thị trường cạnh tranh gay gắt, vì vậy Công ty phải nâng cao năng lực sản xuất để giảm giá thành sản phẩm và xây dựng chính sách giá bán cạnh tranh, linh hoạt. Đồng thời, Công ty tiếp tục đẩy mạnh các chương trình tiếp thị, chăm sóc khách hàng, nâng cao năng lực tiếp thị - đấu thầu nhằm tăng cường tìm kiếm các đơn hàng mới.

RỦI RO GIÁ CẢ CÁC YẾU TỐ ĐẦU VÀO

Giá một số mặt hàng cơ bản như điện, xăng dầu sẽ từng bước vận hành theo cơ chế thị trường, và diễn biến của giá dầu thô thế giới và ảnh hưởng của nó đến giá cả các hàng hóa trong nước là yếu tố khó lường. Vì vậy, để đảm bảo hiệu quả chi phí Công ty sẽ chủ động xây dựng kế hoạch sản xuất, kế hoạch nguyên vật liệu và lưu kho hợp lý. Đồng thời, tăng cường công tác tìm kiếm các nguồn cung ứng mới để luôn đảm bảo đầu vào ổn định về chủng loại, số lượng và giá cả nhằm giảm tối đa rủi ro có thể xảy ra từ áp lực tăng giá của nhà cung ứng.

Công ty đã có những biện pháp thích hợp để giảm rủi ro như: chủ động xây dựng kế hoạch sản xuất, sử dụng nguyên nhiên liệu và lưu kho hợp lý. Tăng cường công tác tìm kiếm các nguồn cung ứng nguyên vật liệu và hàng hóa dự phòng. Mở rộng, tìm kiếm các nguồn cung ứng thay thế để đảm bảo đầu vào ổn định về chủng loại, số lượng và giá cả,... giảm áp lực tăng giá của các nhà cung ứng, đảm bảo sự bình ổn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Đối với ngành khai thác khoáng sản nói chung, việc ảnh hưởng đến môi trường là yếu tố được các cơ quan chức năng và người dân sinh sống quanh khu vực khai thác quan tâm và kiểm soát rất gắt gao.

Yếu tố chính gây tác động đến môi trường là khai trường của các mỏ, bãi thải, khí độc hại, bụi và nước thải... làm phá vỡ cân bằng điều kiện sinh thái, gây ra sự ô nhiễm nặng nề đối với môi trường và là vấn đề cấp bách mang tính chất xã hội và chính trị của cộng đồng.

Công ty cổ phần Đầu tư – Xây dựng 3-2 hoạt động trong các lĩnh vực có sự tác động lớn môi trường như: Khai thác đá, Xây dựng các công trình đường bộ, Sản xuất các loại cống bê tông. Do đó rủi ro về việc làm ô nhiễm môi trường và bị xử phạt do vi phạm về pháp luật môi trường hoàn toàn xảy ra bất cứ lúc nào. Dù muốn dù không thì những rủi ro liên quan đến môi trường vẫn luôn tồn tại và có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Biện pháp phòng ngừa rủi ro:

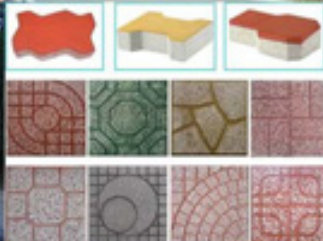
Công ty tiến hành đánh giá xác suất xảy ra rủi ro liên quan đến môi trường cho từng lĩnh vực hoạt động và mức thiệt hại phát sinh khi xảy ra rủi ro để có những biện pháp phòng ngừa và cải thiện thích hợp. Đồng thời Ban lãnh đạo Công ty cũng ra các Quy định về “Việc bảo vệ môi trường” cho từng lĩnh vực hoạt động. Trong Quy định đều nêu rõ Đối tượng thực hiện, Phạm vi áp dụng và các giải pháp cụ thể để hạn chế tối đa việc vi phạm pháp luật môi trường và không gây ảnh hưởng nào nghiêm trọng đến môi trường và cộng đồng xung quanh nơi công ty hoạt động.





02

Hoạt động kinh doanh năm 2015



- **HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015**
- **TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ**
- **HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ NĂM 2015**
- **CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH**
- **CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**



HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015

TỔNG QUAN KINH TẾ VĨ MÔ VÀ THỊ TRƯỜNG XÂY DỰNG



Năm 2015, kinh tế thế giới trải qua nhiều khó khăn và bất định, hai nền kinh tế Mỹ và Trung Quốc có những diễn biến trái chiều, trong khi Mỹ là điểm sáng với nhiều dấu hiệu tăng trưởng tích cực, thì Trung Quốc đối diện với nhiều bất ổn vĩ mô, kinh tế đang trên đà giảm tốc bất chấp nỗ lực kích thích tăng trưởng. Sắc sảm của kinh tế Trung Quốc đã ảnh hưởng đến giá cả hàng hóa, giá dầu thế giới và nhiều nền kinh tế có quan hệ thương mại lớn với Trung Quốc.

Về kinh tế Việt Nam năm 2015, tiếp tục có những chuyển biến tích cực, tăng trưởng GDP 09 tháng đạt mức 6,5%, dự báo cả năm đạt khoảng 6,6% mặc dù gặp bất lợi khi giá dầu thô giảm sâu nhưng sự phục hồi của nhu cầu nội địa, và tăng trưởng ở lĩnh vực sản xuất công nghiệp và xây dựng đã bù đắp và đưa nền kinh tế vượt qua giai đoạn khó khăn. Tuy nhiên, nhiều quan ngại về thâm hụt ngân sách, nợ công đang nổi rộng, các khoản chi trả nợ ngày càng tăng sẽ tạo áp lực lớn đến ngân sách và ảnh hưởng xấu đến việc bố trí vốn đầu tư công giai đoạn 2015-2017.

Về ngành xây dựng: năm 2015 được đánh giá là năm đầu tiên trong chu kỳ tăng trưởng mới 2015-2018, với giá trị ngành xây dựng 09 tháng đầu năm đạt mức 660,9 nghìn tỷ đồng, tăng 12,5% so với cùng kỳ năm 2014, nhờ các công trình có vốn ngân sách, vốn vay ODA được đẩy mạnh triển khai, đặc biệt là sự tăng trưởng mạnh ở khu vực FDI. Riêng ở khu vực Bình Dương, tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công ước đạt 5.000 tỷ đồng, trong đó tập trung vào các công trình quan trọng của Tỉnh như trục thoát nước Chòm Sao – Suối Đờn, đường Mười Muộn – Tân Thành, đường 747A, ĐT 743... Tuy nhiên, nguồn vốn đầu tư còn hạn chế do các quy định về đầu tư công ngày càng siết chặt trong khi nhu cầu đầu tư của Tỉnh ngày càng tăng.

Nhu cầu vật liệu trong năm 2015 tăng nhẹ theo sự ấm lên của lĩnh vực bất động sản và xây dựng khi Chính phủ nới lỏng chính sách, cụ thể NHNN ban hành thông tư 32 và thông tư 36 giúp cho hoạt động giải ngân cho vay bất động sản được đẩy mạnh, hoạt động xây dựng khởi sắc với nhiều dự án cơ sở hạ tầng quy mô lớn được triển khai. Tuy nhiên, diễn biến thị trường cho thấy đang diễn ra sự cạnh tranh gay gắt hơn giữa các doanh nghiệp trong ngành, đặc biệt là cạnh tranh về giá, công nghệ sản xuất.

KẾT QUẢ KINH DOANH CHUNG TOÀN CÔNG TY

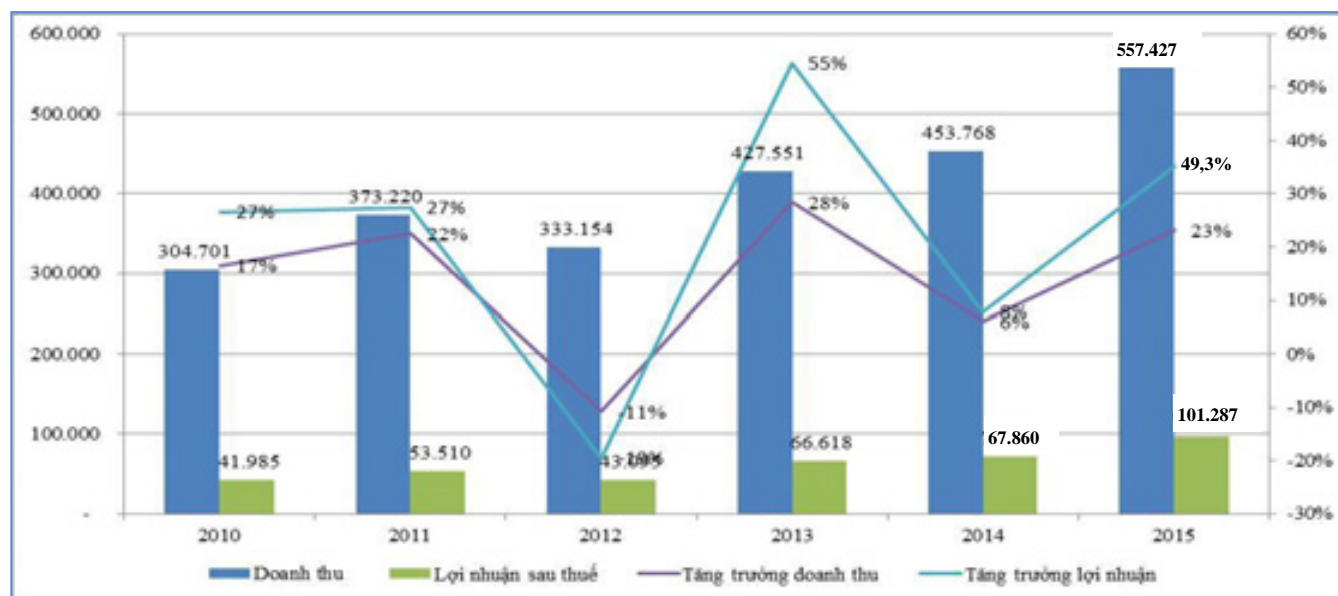
Trong năm 2015, Công ty đã tăng cường công tác tiếp thị, đặc biệt là sản phẩm cống và gạch bê tông đến các chủ đầu tư, ban quản lý dự án tại Bình Dương và các tỉnh lân cận là TP.HCM, Đồng Nai, Tây Ninh. Tuy vậy, việc phát triển thị trường trong năm 2015 vẫn chưa có nhiều tiến triển khả quan. Đặc biệt trong lĩnh vực xây lắp, Công ty đã tham gia đấu thầu một số công trình ở TP.HCM nhưng gặp nhiều rào cản về năng lực và quan hệ. Đối với lĩnh vực cống bê tông, việc phát triển thị trường ngày càng khó khăn do sản phẩm cống rung ép ngày càng được khách hàng ưa chuộng nhờ giá rẻ hơn từ 10-12% và chất lượng đồng đều.

Tuy nhiên nhờ những yếu tố thuận lợi của kinh tế vĩ mô và thị trường xây dựng đã giúp cho tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2015 vẫn duy trì sự ổn định, tỷ trọng doanh thu các sản phẩm vẫn tập trung chủ yếu ở hai thị trường chính là Bình Dương và TP.HCM, chiếm lần lượt là 46% và 32%. Từ những nỗ lực thực hiện theo định hướng và kế hoạch hành động cho năm 2015 đã đề ra, CIC 3-2 đã đạt được kết quả kinh doanh như sau:

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015	Thực hiện/ Kế hoạch
1	Tổng doanh thu	VNĐ	516.000.000.000	557.426.832.741	108%
2	Lợi nhuận sau thuế	VNĐ	76.000.000.000	101.287.113.188	133%
3	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VNĐ	6.786	8.410	124%
4	Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	24%	12%	50%

Doanh thu năm 2015 là 557.426 triệu đồng đạt 108% kế hoạch năm, tăng 23% so với cùng kỳ năm 2014 (doanh thu cùng kỳ là 453.767 triệu đồng). Doanh thu hầu hết các lĩnh vực kinh doanh đều có mức tăng trưởng cao so với cùng kỳ năm 2014, đặc biệt mức tăng trưởng doanh thu bán ngoài ở lĩnh vực đá xây dựng là 25%, xây lắp tăng 24%, cống bê tông tăng 21%.

Lợi nhuận sau thuế đạt là 101.287 triệu đồng, đạt 133% kế hoạch, tăng 49% so với năm 2014. Lợi nhuận tăng cao so với cùng kỳ nhờ lợi nhuận gộp ở lĩnh vực đá xây dựng được duy trì mặc dù hoạt động khai thác gặp khó khăn, đồng thời giá các nguyên vật liệu đầu vào có xu hướng giảm, đặc biệt là giá sắt thép, xăng dầu đã góp phần giảm chi phí giá vốn các sản phẩm. Trong năm, cũng ghi nhận lợi nhuận từ hoạt động tài chính, hoạt động khác đạt 7.385 triệu đồng, tăng 21% so với cùng kỳ năm 2014.



Doanh thu và lợi nhuận giai đoạn 2010 - 2015

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT

Các hoạt động sản xuất của Công ty trong năm được duy trì ổn định, máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất tại các Xí nghiệp được vận hành tốt, nhìn chung chất lượng sản phẩm được đảm bảo. Giá trị sản lượng ước đạt 535.479 triệu đồng, đạt 107% kế hoạch, trong đó sản lượng các sản phẩm đá xây dựng, xây lắp, cống bê tông đạt kế hoạch đề ra. Cụ thể, giá trị sản lượng đá xây dựng là 242.778 triệu đồng (chiếm 45%), xây lắp 171.225 triệu đồng (chiếm 32%), cống bê tông 56.205 triệu đồng (chiếm 11%), sản phẩm khác là 64.124 triệu đồng (chiếm 12%).

STT	Sản phẩm	ĐVT	Sản lượng Sản xuất & Kinh doanh			Giá trị sản lượng		
			KH 2015	TH 2015	%TH	KH 2015	TH 2015	%TH
Sản xuất								
1	Đá xây dựng	m3	1.160.000	1.285.732	111%	202.001	242.778	120%
2	Xây lắp	Tr.đồng	178.263	171.225	96%	178.263	171.225	96%
3	Cống bê tông các loại	Cái	21.723	30.117	139%	58.786	56.205	96%
4	Gối cống các loại	Cái	14.636	29.913	204%	1.953	2.102	108%
5	Gạch tự chèn	Viên	1.862.000	1.327.236	71%	3.913	2.811	72%
6	Gạch terrazzo	Viên	151.658	178.165	117%	2.048	1.849	90%
7	Vận tải – ca máy	Tr.đồng	2.500	3.588	144%	2.500	4.166	167%
8	Bất động sản	m2	-	-	-	-	-	-
Thương mại								
9	Kinh doanh VLXD	Tấn	2.501.909	4.047.041	162%	30.500	37.120	122%
10	Kinh doanh nhiên liệu	Lít	1.175.000	1.185.828	101%	22.700	17.224	76%
Tổng giá trị sản lượng						502.664	535.479	107%

Lĩnh vực đá xây dựng:

Hoạt động khai thác trong năm gặp rất nhiều khó khăn do phải khai thác xuống cote-100m và khu vực cải tạo để tận thu sản lượng được cấp phép. Tuyến đường vận chuyển mới và mặt bằng phục vụ chế biến chật hẹp, nguy cơ sạt lở cao do phải bàn giao mặt bằng để thi công đường Mỹ Phước - Tân Vạn, làm giảm hiệu suất các máy móc thiết bị. Tuy nhiên, năm 2015 được đánh giá là năm thành công với lĩnh vực này khi nhu cầu thị trường tăng cao nên sản lượng khai thác và tiêu thụ đều vượt xa kế hoạch đề ra. Cụ thể, sản lượng khai thác đạt 1.285.732 m³, đạt 111% kế hoạch, sản lượng tiêu thụ đạt 1.334.827 m³, đạt 115% kế hoạch. Giấy phép khai thác tại mỏ đá Tân Đông Hiệp được gia hạn vào giữa tháng 2/2016, việc gia hạn giấy phép đã không mất nhiều thời gian như dự kiến ban đầu. Do đó công tác khai thác đá để phục vụ sản xuất trong năm 2016 vẫn được duy trì tính liên tục và đảm bảo cho doanh thu và hiệu quả hoạt động toàn Công ty.



Lĩnh vực xây dựng:

Trong năm, Công ty chú trọng việc áp dụng các biện pháp cơ giới hóa công tác thi công để tăng năng suất xây lắp và giảm giá thành công trình. Tăng cường các biện pháp an toàn lao động tại công trình, bao gồm việc bao che, che chắn theo quy định. Tình hình triển khai thi công tại các công trình nhìn chung khó khăn, mặc dù giá trị khối lượng công trình

CT Nhà văn hóa Dầu Tiếng



chuyển năm 2015 là 140 tỷ đồng và tổng giá trị trúng thầu khởi công trong năm là 128,9 tỷ đồng gồm 03 công trình dân dụng (90.183 triệu đồng) và 03 công trình giao thông (31.692 triệu đồng). Nhưng một số công trình chuyển tiếp có tiến độ giải phóng mặt bằng rất chậm như đường Mười Muộn, Chiêu Liêu - An Phú, công trình Khu di tích Hồ Lang vương điều chỉnh thiết kế đã ảnh hưởng đến tiến độ, khối lượng thi công. Việc ký xác nhận khối lượng và lên doanh thu cũng gặp khó khăn, do Chủ đầu tư thực hiện theo kế hoạch bố trí vốn, nhưng nguồn vốn bố trí thấp nên mức nợ phải thu tăng cao. Trong năm, hoạt động đầu thầu đã chuyển sang mô hình Tổ đấu thầu chuyên trách nhưng do năng lực thi công còn hạn chế, đặc biệt là khi áp dụng Thông tư 03 Quy định chi tiết lập hồ sơ mời thầu Xây lắp theo Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 06/05/2015 đã gây nhiều khó khăn như việc phải kê khai thầu phụ, yêu cầu năng lực tài chính, thiết bị, nhân lực của nhà thầu cao hơn, do đó Công ty đã đầu tư bổ sung thêm các nguồn lực mới có thể đáp ứng quy định.

Lĩnh vực cống bê tông:

Diễn biến kinh doanh lĩnh vực cống bê tông năm 2015 đã có những thuận lợi và khó khăn đan xen. Cụ thể như khối lượng đơn hàng chuyển tiếp từ năm 2014 thấp nhưng tình hình kinh doanh đã đạt nhiều kết quả khả quan ngay những tháng đầu năm.

Tuy nhiên trong những tháng cuối năm thì các đơn hàng mới giảm và một số hợp đồng đã ký tạm ngưng lấy hàng nên làm gia tăng đáng kể hàng tồn kho, phải giảm ca sản xuất. Về công tác sản xuất, nhìn chung sản lượng và chất lượng còn chưa ổn định, máy móc thiết bị thường xuyên hư hỏng.



Công ty tiếp tục tăng cường rà soát, cải tiến cấp phối và định mức sản xuất, bao gồm việc chuyển đổi chất đốt từ than đá sang củi, thiết kế các cấp phối bê tông phối khác nhau dựa trên các nguồn vật liệu thay thế khác nhau như đá, cát, xi măng bren Sunfat và phụ gia nhằm cải thiện chất lượng và hạ giá thành sản phẩm. Nhưng, với công nghệ sản xuất còn bán thủ công, chất lượng sản phẩm còn phụ thuộc vào tay nghề của công nhân nên tỷ lệ sản phẩm lỗi vẫn ở mức từ 3-5%. Trong năm, tình hình vận tải tiếp tục khó khăn, ảnh hưởng đến việc phát triển, mở rộng các thị trường giáp với Bình Dương như Tây Ninh, Bình Phước, mặc dù Công ty đã đầu tư bổ sung xe máy nhưng vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu. Hiệu quả kinh doanh đã được cải thiện với mức lãi gộp trên doanh thu đạt 23% nhờ các biện pháp cải tiến định mức, cấp phối và giá nguyên liệu đầu vào giảm.

Các lĩnh vực kinh doanh khác:

Sản xuất gạch bê tông (gạch Tự chèn, gạch Terrazzo):

Gạch Terrazzo: Mặc dù kết quả kinh doanh năm 2015 ước đạt vượt kế hoạch đề ra, tuy nhiên hoạt động kinh doanh nhìn chung vẫn tiềm ẩn nhiều thách thức để có thể tăng trưởng mạnh do sản phẩm của Công ty chưa cạnh tranh trên thị trường cả về giá và mẫu mã.

Gạch Tự chèn: Hoạt động kinh doanh gặp khó khăn khi tình hình tiêu thụ sản phẩm thấp, nguyên nhân do giá thành sản xuất cao, giá bán chưa cạnh tranh. Bên cạnh đó, sản phẩm có trọng lượng lớn nên chi phí vận chuyển cao gây khó khăn trong quá trình thương thảo hợp đồng. Trong năm, hàng tồn kho cao gây gián đoạn sản xuất, Công ty cũng đã bổ sung thêm sản phẩm gạch Block trên dây chuyền sản xuất hiện có để đa dạng sản phẩm.



Cho thuê thiết bị xây dựng:

Tình hình cho thuê trong năm khá thuận lợi, đặc biệt là dàn giáo, chèo, riềng tole sàn, khung xương, coffa cho thuê chậm do thị trường thay đổi sang các thiết bị nhẹ hơn. Công ty tiếp tục đầu tư bổ sung 1.700 khung giàn giáo, chèo mới và thực hiện kiểm định, công bố chất lượng thiết bị phù hợp theo TCVN 6052:1995.

Hiện các thiết bị của Công ty chủ yếu phục vụ các công trình có quy mô nhỏ, không yêu cầu khắc khe về chất lượng. Trong năm, Công ty cũng đã tăng cường các biện pháp thu hồi nợ để hạn chế phát sinh nợ khó đòi.

Kinh doanh vật liệu xây dựng:

Trong năm, hoạt động kinh doanh sắt thép xây dựng phải cạnh tranh trực tiếp với các nhà phân phối, sản xuất lớn như SMC, Pomina, Fico... Bên cạnh đó, giá thép năm 2015 giảm mạnh, cụ thể giá thép Trung Quốc giảm 23%, Pomina giảm 15% so với đầu năm đã ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh lĩnh vực này. Nhưng với việc tăng cường các hoạt động tiếp thị đến các Công ty, Nhà thầu xây dựng ở khu vực Bình Dương, TP.Hồ Chí Minh đã đảm bảo mục tiêu đề ra. Cùng với đó là việc siết chặt điều kiện thanh toán, tăng cường thu hồi công nợ cũng ảnh hưởng đến việc phát triển doanh số.

Kinh doanh nhiên liệu:

Hoạt động kinh doanh nhiên liệu mặc dù ổn định nhưng giá dầu đã giảm hơn 29% so với đầu năm làm ảnh hưởng đến doanh thu lĩnh vực này. Mặc dù, sản lượng tiêu thụ ước đạt 1.185.828 lít, đạt 101% kế hoạch nhưng doanh thu chỉ đạt 17.224 triệu đồng, đạt 76% kế hoạch. Hiện các khách hàng tập trung chủ yếu là các thầu phụ tại Xí nghiệp Đá.

Kinh doanh bất động sản:

Năm 2015, Công ty tiếp tục bán diện tích đất thương mại còn lại tại khu dân cư Nguyễn Văn Tiết, với tình hình thị trường bất động sản khởi sắc nên đã bán hết 1.053 m2 đất còn lại. Đồng thời, tập trung làm các thủ tục để cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho các khách hàng còn lại tại hai khu dân cư.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



Tổng hợp số liệu tình hình nhân sự năm 2015

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Theo trình độ			
1	Đại học	84	21%
2	Cao đẳng	23	6%
3	Trung cấp	31	8%
4	Nghề & LĐPT	261	65%
Theo Giới tính			
1	Nam	372	93,2%
2	Nữ	27	6,8%
Theo tính chất hợp đồng			
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	109	66,9%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	267	27,3%
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	23	5,8%
Tổng Cộng		399	100%

Đánh giá tình hình nhân sự năm 2015

- Năm 2015 công tác tuyển dụng nhìn chung đã đáp ứng được yêu cầu sản xuất, kinh doanh của các đơn vị. Trong năm đã tuyển được 94/71 lao động đạt 132% so với kế hoạch chủ yếu tập trung tuyển dụng lao động kỹ thuật, công nhân sản xuất cố gắng, bảo trì nhằm thay thế lao động nghỉ việc. Đối với lao động gián tiếp trong năm tuyển được 15 lao động chủ yếu là bổ sung lao động cho XN Xây lắp và thay thế bộ phận kỹ thuật tại XN Cống.

- Tổng số lao động giảm 2,5% so với lao động đầu kỳ (399/409), và đạt 97.5% so với kế hoạch (399/423 lao động), số lượng giảm tập trung chủ yếu tại XN Cống bộ phận sản xuất bê tông.
- Thu nhập bình quân đầu người đạt 108% so với kế hoạch (ước thu nhập bình quân 8,7 triệu đồng so với mức bình quân 8 triệu đồng theo kế hoạch), các chế độ lương thưởng được thực hiện đầy đủ và kịp thời đảm bảo cuộc sống người lao động.
- Công tác đào tạo trong năm đạt kết quả hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra, cụ thể đã tổ chức được 18/17 khoá đạt 106% kế hoạch, chi phí đào tạo là 193.3 triệu đồng đạt 147% kế hoạch.

Số liệu các chỉ tiêu theo kế hoạch tuyển dụng

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	% so với Kế hoạch
1	Kế hoạch tuyển dụng	Người	71	94	132%
2	Kế hoạch đào tạo	Khóa	17	18	106%
3	Chi phí tuyển dụng	Triệu đồng	10	7.5	75%
4	Chi phí đào tạo	Triệu đồng	131.5	193.3	147%
5	Phúc lợi (CB_NV)	Triệu đồng	300	344.6	115%

Tóm tắt chính sách lao động và tổ chức

- Công tác tổ chức:

Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý cấp trung kế thừa đưa vào quy hoạch và thực hiện kế hoạch đào tạo nâng cao kỹ năng quản lý cho các lao động trong quy hoạch. Thực hiện điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ và tên gọi XN Cơ khí và bê tông thành XN Cống bê tông nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất và kinh doanh của đơn vị. Bổ nhiệm vị trí TP.Kinh doanh, soát xét điều chỉnh, bổ sung chức năng nhiệm vụ các đơn vị, nghiên cứu các văn bản pháp luật có liên quan để tham mưu, đề xuất để các hoạt động của Công ty đảm bảo tuân thủ các yêu cầu của pháp luật hiện hành.





- Triển khai thực hiện các chương trình sáng kiến chiến lược:

Soát xét chuẩn hóa chức năng nhiệm vụ của XN Cống bê tông và điều chỉnh tên gọi Xí nghiệp, thực hiện đạt mục tiêu chương trình chiến lược về đào tạo đối với cán bộ quản lý cấp trung và nhân viên nhóm kỹ thuật, quản lý dự án, kinh doanh, hoàn tất xây dựng và đưa vào thực hiện quy định giao mục tiêu và đánh giá kết quả công việc theo KPI.

- Công tác đào tạo:

Trong năm đạt 108% kế hoạch đề ra, trong đó tổ chức được 14/17 khóa đào tạo theo kế hoạch (Khóa Kỹ năng quản lý cấp trung, Kỹ năng quản lý kho, huấn luyện ALTĐ định kỳ cho công nhân và cán bộ quản lý, các lớp nhận thức ISO-OHSAS,...) 4 khóa đào tạo phát sinh (2 khóa cập nhật Thông tư 200/TT-BTC, Giám sát bán hàng, Lái xe nâng) với tổng số 267 lượt nhân viên tham dự đào tạo với tổng chi phí hơn 193 triệu đồng. Công tác lập báo cáo theo QT Đào tạo các đơn vị thực hiện tương đối đầy đủ theo quy định, về chất lượng báo cáo vẫn còn nhiều hạn chế. Công tác huấn luyện an toàn lao động cho đội ngũ cán bộ tiếp tục được duy trì thực hiện định kỳ.

- Công tác tuyển dụng:

Trong năm tuyển dụng đạt 132 % so với kế hoạch đề ra, đối với các vị trí gián tiếp đã tuyển được 15/17 vị trí so với yêu cầu các đơn vị.

- Công tác tiền lương:

+ Hoàn chỉnh và ban hành Quy chế lương XN Đá, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định trả lương trong toàn Công ty.

+ Thực hiện Nghị định 122/2015/NĐ-CP ngày 16/11/2015 của Chính phủ đã thực hiện điều chỉnh thang lương cơ bản Công ty áp dụng cho năm 2016, chuyển đổi mức lương CB mới cho toàn thể nhân viên, điều chỉnh đơn giá nhân công theo thang lương cơ bản mới.

- Công tác chăm lo đời sống cho nhân viên:

Công ty đã thăm hỏi, hỗ trợ kịp thời các trường hợp ốm đau, hữu sự góp phần động viên tinh thần cho người lao động, thể hiện sự quan tâm của Lãnh đạo Công ty đến đời sống nhân viên. Trong năm 2015 đã thực hiện hỗ trợ 344.600.000 đồng cho nhân viên và gia đình nhân viên có hữu sự.



Financial Investment

CIC 3-2

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TRONG NĂM 2015

Trong năm 2015, Công ty đã tăng cường công tác đầu tư máy móc thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất ở các lĩnh vực xây lắp, cống bê tông, bước đầu triển khai các dự án đầu tư mở rộng xưởng sản xuất cống bê tông, đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp.

Tổng giá trị đầu tư năm 2015 thực hiện là 19.052 triệu đồng, đạt 182% kế hoạch đề ra. Trong đó, tập trung đầu tư máy móc thiết bị để phục vụ và nâng cao hiệu quả hoạt động tại các đơn vị như đầu tư xe lu rung, xe ben, khuôn cống... Riêng về việc tìm kiếm đầu tư mỏ đá mới có vị trí, chất lượng và giá phù hợp rất khó khăn, cụ thể trong năm Công ty đã xem xét việc mua mỏ đá Đồi Chùa 1 nhưng chất lượng đá không đạt. Nhìn chung công tác đầu tư trong năm đã được chú trọng nhưng chưa đạt các mục tiêu kế hoạch đề ra.



CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
1	Tổng tài sản	373.926.004.921	445.495.618.668	19,1%
2	Doanh thu thuần	453.660.817.396	557.407.301.657	22,9%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	89.209.657.907	124.735.660.000	39,8%
4	Lợi nhuận khác	705.272.196	2.723.884.057	286,2%
5	Lợi nhuận trước thuế	89.914.930.103	127.459.544.057	41,8%
6	Lợi nhuận sau thuế	67.860.093.543	101.287.113.188	49,3%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	39,6%	13,3%	

Các chỉ tiêu và hệ số tài chính chủ yếu

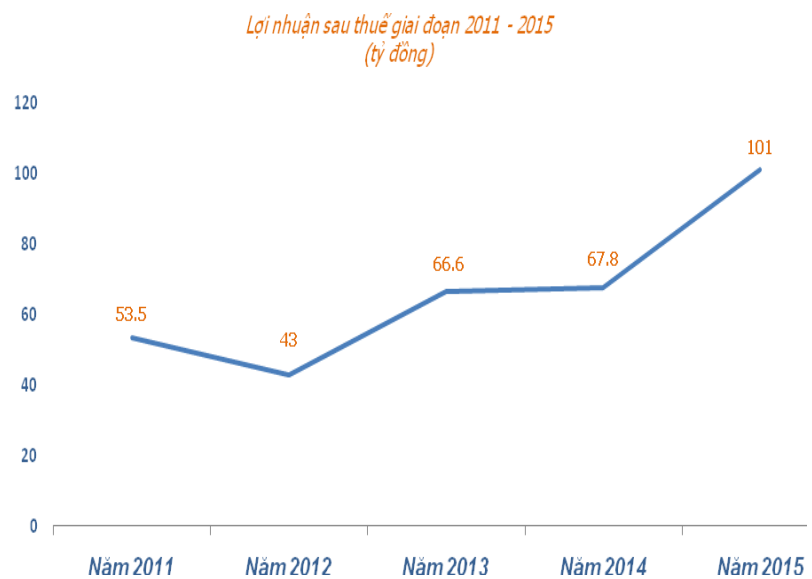
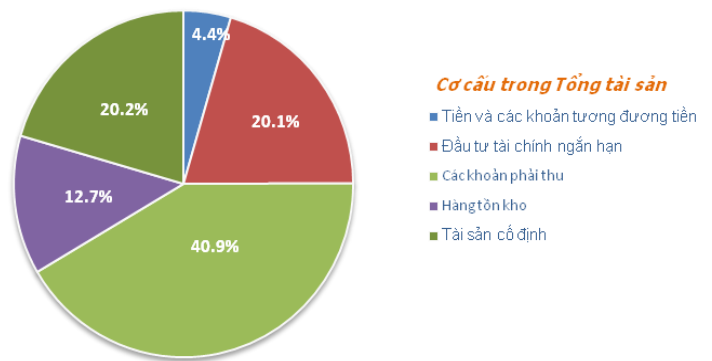
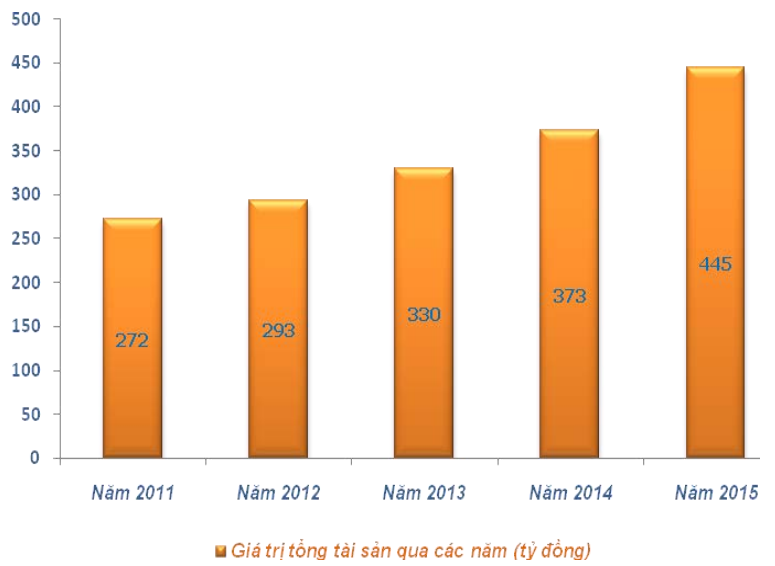
Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,42	2,89	19,4%
Hệ số thanh toán nhanh	1,90	2,42	27,4%
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	31,46	26,89	-14,5%
Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	45,89	36,79	-19,8%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	5,53	7,09	28,2%
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,29	1,36	5,4%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
ROS	14,96%	18,17%	21,5%
ROE	28,4%	34,8%	22,5%
ROA	19,2%	24,72%	28,8%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	19,66%	22,38%	13,8%

Trong năm 2015 tài chính Công ty rất ổn định, nguồn vốn phục vụ các nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty được đảm bảo.

Hoạt động kinh doanh Đá xây dựng, Xây lắp và Cống bê tông luôn là điểm mạnh trong hoạt động kinh doanh toàn công ty. Mức tăng trưởng doanh thu ở các lĩnh vực này lần lượt là: Đá xây dựng tăng 25%, Xây lắp tăng 24%, Cống bê tông tăng 21%.

Tình hình tài sản, nguồn vốn năm 2015 tăng 19,3% lên thành 445.495 triệu đồng. Tuy nhiên, tình hình nợ phải thu cao do tình hình thanh toán khối lượng các công trình chậm. Giá trị tổng tài sản giai đoạn 2011 – 2015 có mức tăng trưởng rất ấn tượng. Với mức tăng đến 163% sau 5 năm. Điều này thể hiện hoạt động của Công ty rất tốt và cho thấy sự phát triển của Công ty trong giai đoạn rất khó khăn của nền kinh tế.

Các chỉ số tài chính tiếp tục được duy trì ở mức tốt (*bảng Các chỉ tiêu và hệ số tài chính chủ yếu*) và năm sau luôn được cải thiện và tốt hơn so với năm trước. Đặc biệt là các chỉ tiêu về khả năng sinh lời đều có xu hướng tăng dần qua các năm do lợi nhuận sau thuế luôn có sự tăng trưởng.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG & THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU



THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Tính đến ngày 31/12/2015



Tổng số cổ phiếu niêm yết:
11.200.000 Cổ phần

Cổ phiếu Quý:
0 cổ phần

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành:
11.200.000 Cổ phần

Loại cổ phần:
Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá:
10.000 VNĐ

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	Số CMND/ Hộ chiếu/ ĐKKD	Số lượng cổ phần (cổ phần)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)/VĐL
1	Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương TNHH MTV	3700148166	5.712.000	57.120.000.000	51%
2	America LLC	CA5883	770.930	7.709.300.000	6,88%
3	PYN ELITE FUND (NON-UCITS)	CA5604	616.400	6.164.000.000	5,5%



THỐNG KÊ CỔ ĐÔNG

STT	Loại cổ đông	Số lượng CP sở hữu		Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu CP/VĐL
		Tự do chuyển nhượng	Hạn chế chuyển nhượng		
I	Cổ đông Nhà nước	5.712.000		5.712.000	51%
II	Cổ đông nội bộ	142.200		142.200	1,27%
III	Cổ đông trong nước				
	Cá nhân	2.479.385		2.479.385	22,137%
	Tổ chức	6.034.535		6.034.535	53,8%
IV	Cổ đông nước ngoài				
	Cá nhân	365.140		365.140	3,2%
	Tổ chức	2.178.740		2.178.740	19,4%
Tổng cộng		11.200.000		11.200.000	100%

- **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Trong năm Công ty không có hoạt động mua, bán cổ phiếu quỹ.
- **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không có
- **Các chứng khoán khác:** Không có



03

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, TGD

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2015 đã hoàn thành các mục tiêu đề ra. Doanh thu và lợi nhuận vượt kế hoạch và tăng trưởng cao so với cùng kỳ năm 2014. Kết quả cho thấy nỗ lực của Ban Lãnh đạo, công nhân viên Công ty trong việc triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh để đảm bảo các mục tiêu kế hoạch, trong bối cảnh môi trường kinh doanh năm 2015 vẫn còn nhiều thách thức trong việc giải quyết các vướng mắc tại các công trình trọng điểm, tìm kiếm đơn hàng mới ở một số lĩnh vực xây lắp, cống bê tông.

Tình hình kinh doanh các lĩnh vực kinh doanh có những thuận lợi và khó khăn đan xen. Cụ thể:

- Lĩnh vực đá xây dựng

Năm 2015, được đánh giá là năm thành công với lĩnh vực này khi nhu cầu thị trường tăng cao nên sản lượng khai thác, chế biến và tiêu thụ đều vượt xa kế hoạch đề ra.

- Lĩnh vực xây lắp:

Trong năm, Công ty chú trọng việc áp dụng các biện pháp cơ giới hóa công tác thi công để tăng năng suất xây lắp và giảm giá thành công trình. Tình hình triển khai thi công tại các công trình nhìn chung khó khăn do vướng mặt bằng ở công trình đường Mười Muộn, Chiêu Liêu - An Phú, vướng điều chỉnh thiết kế ở công trình Khu di tích Hồ Lang đã ảnh hưởng đến tiến độ, khối lượng thi công. Tình hình bố trí vốn và thanh toán khối lượng của các Chủ đầu tư chậm nên mức nợ phải thu tăng cao.

557 Tỷ đồng **108%**

Tổng Doanh Thu

101 Tỷ đồng **133%**

Tổng lợi nhuận sau thuế





- Lĩnh vực cốt bê tông:

Kết quả kinh doanh trong năm vượt kế hoạch đề ra nhờ khối lượng các đơn hàng cao và tương đối ổn định. Về công tác sản xuất, sản lượng và chất lượng còn chưa ổn định, máy móc thiết bị thường xuyên hư hỏng; Công ty tiếp tục tăng cường rà soát, cải tiến cấp phối và định mức sản xuất, bao gồm việc chuyển đổi chất đốt từ than đá sang củi, thiết kế các cấp phối bê tông phối khác nhau dựa trên các nguồn vật liệu thay thế khác nhau nhằm cải thiện chất lượng và hạ giá thành sản phẩm. Hiệu quả kinh doanh đã được cải thiện với mức lãi gộp trên doanh thu đạt 24% nhờ các biện pháp cải tiến định mức, cấp phối và giá nguyên liệu đầu vào giảm.

- Các lĩnh vực khác:

Hoạt động kinh doanh vật liệu, cho thuê thiết bị xây dựng nhìn chung thuận lợi và đạt mức tăng trưởng cao so với cùng kỳ. Lĩnh vực nhiên liệu, do ảnh hưởng của giá dầu giảm nên doanh thu đạt thấp so với kế hoạch đề ra, sản lượng tiêu thụ thì đạt kế hoạch. Lĩnh vực gạch Tự chèn, gạch Terrazzo tình hình kinh doanh khó khăn do sản phẩm chưa cạnh tranh trên thị trường về giá, mẫu mã.



VỚI PHƯƠNG CHÂM:

"NĂNG SUẤT – CHẤT LƯỢNG – HIỆU QUẢ NHẤT"

CÁC SẢN PHẨM CỦA CIC 3-2 KHI RA THỊ TRƯỜNG LUÔN ĐÁP ỨNG CÁC YÊU CẦU CỦA KHÁCH HÀNG VỀ MẪU MÃ VÀ CHẤT LƯỢNG.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Về tình hình tài chính: Trong năm, ổn định, nguồn vốn phục vụ các nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty được đảm bảo. Tuy nhiên, nợ phải thu ở mức cao do tình hình thanh toán khối lượng các công trình chậm. Tình hình tài sản, nguồn vốn năm 2015 tăng 19% lên thành 445.496 triệu đồng. Các chỉ số tài chính gồm chỉ số thanh toán, hệ số nợ tiếp tục được duy trì ở mức tốt.

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
	(đồng)	(đồng)	
Tài sản ngắn hạn	282.272.936.946	346.329.349.085	22,7%
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.861.328.609	21.859.220.439	121,7%
Hàng tồn kho	60.010.575.556	56.422.082.148	-6%
Các khoản phải thu ngắn hạn	152.401.032.781	178.935.899.779	17,4%
Tài sản dài hạn	91.653.067.975	99.166.269.583	8,2%
Tài sản cố định	85.986.930.618	89.350.661.644	3,9%
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>	753.452.925	3.568.327.741	373,6%
TỔNG TÀI SẢN	373.926.004.921	445.495.618.668	19,1%

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
	(đồng)	(đồng)	
Nợ ngắn hạn	116.682.957.480	119.808.544.697	2,1%
Nợ dài hạn	936.801.360	-	-100%
TỔNG NỢ	117.619.758.840	119.808.544.697	1,9%

BÁO CÁO VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ

- Năm 2015, Công ty tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động tại các đơn vị, rà soát, cải tiến cấp phối và định mức sản xuất như thiết kế nhiều cấp phối bê tông khác nhau dựa trên các nguồn nguyên liệu khác nhau, sử dụng phụ gia bê tông nhằm cải thiện chất lượng và hạ giá thành sản phẩm. Triển khai xây dựng quy hoạch cán bộ quản lý, lao động kế thừa toàn Công ty. Triển khai việc giao mục tiêu và đánh giá kết quả công việc theo KPI. Rà soát định hướng chiến lược kinh doanh của Công ty trong giai đoạn 2014-2018. Quản lý hiệu quả hơn đơn giá tiền lương công nhân trực tiếp theo định mức, nâng cao hiệu quả của việc trả lương theo sản phẩm.
- Hoàn tất và đưa vào sử dụng phần mềm kế toán online FAST, giúp chuyển đổi hệ thống kế toán cũ sang hệ thống kế toán mới với việc tính giá thành, xác định kết quả kinh doanh nhanh chóng để phục vụ công tác quản trị. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động tại các đơn vị, trong đó chú trọng kiểm soát định mức sản xuất, cải tiến quy trình, an toàn vệ sinh lao động.

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 2016

Định hướng kinh doanh

- Nâng cao năng lực cạnh tranh các lĩnh vực kinh doanh thông qua việc nâng cao năng lực và công nghệ sản xuất, năng lực thi công. Đảm bảo chất lượng và tiến độ cam kết các công trình, sản phẩm nhằm gia tăng lợi ích cho khách hàng.
- Thực hiện đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp, hoặc hợp tác sản xuất ở lĩnh vực đá xây dựng. Chú trọng công tác đầu tư máy móc thiết bị, dự án mở rộng sản xuất lĩnh vực cốt bê tông.
- - Nâng cao năng lực tiếp thị và bán hàng nhằm gia tăng thị trường, thị phần tại các thị trường Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận.
- Nâng cao mức độ quan hệ của cấp Lãnh đạo với các Chủ đầu tư, Nhà thầu để tạo thuận lợi cho việc tiếp cận với các dự án, công trình trong và ngoài tỉnh Bình Dương.
- Tăng cường nghiên cứu phát triển sản phẩm mới phù hợp với năng lực và các nguồn lực hiện có, chú trọng vào sản phẩm gạch không nung cốt liệu nặng.
- Tăng cường công tác quản lý nội bộ, công tác giá thành và định mức nhằm kiểm soát chi phí, tiết kiệm tối đa các chi phí đầu vào để giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm nhằm tăng tính cạnh tranh về giá trên thị trường.

Mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016

- Doanh thu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ là **550.000** triệu đồng.
- Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh là **100.500** triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế là **79.000** triệu đồng.
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu là **7.054** đồng/cổ phiếu.
- Tỷ lệ chi trả cổ tức là **24%** vốn điều lệ.



ĐỊNH HƯỚNG CỦA CIC 3-2 LÀ ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THEO CHIỀU SÂU, XÂY DỰNG CHUỖI GIÁ TRỊ CÙNG NHAU LỚN MẠNH. ĐỊNH HƯỚNG NÀY NGÀY CÀNG ĐƯỢC HOÀN THIỆN VÀ CỨNG CỐ MỘT CÁCH MẠNH MẼ VÌ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, TẠO RA GIÁ TRỊ LÂU DÀI CHO CỔ ĐÔNG VÀ CÁC CHỦ THỂ KHÁC CỦA XÃ HỘI.



03.



Kế hoạch sản xuất:

Giá trị sản lượng sản xuất và kinh doanh năm 2016 là 544.209 triệu đồng. Trong đó, đá xây dựng 219.000 triệu đồng (chiếm 40%), xây lắp 187.800 triệu đồng (chiếm 35%), cồng bê tông 56.711 triệu đồng (chiếm 10%), sản phẩm khác là 80.698 triệu đồng (chiếm 15%).

Kế hoạch doanh thu:

Doanh thu 2016 dự kiến đạt 550.000 triệu đồng. Trong đó, ghi nhận sự tăng trưởng doanh thu ở lĩnh vực xây lắp là 10%, cồng bê tông 5%, kinh doanh vật liệu 27%, riêng doanh thu kế hoạch lĩnh vực vực đá xây dựng giảm 13%. Kế hoạch doanh thu năm 2016 không tăng trưởng so với năm 2015 do doanh thu sản phẩm đá sứt giảm 13%, trong khi triển vọng thị trường các lĩnh vực khác như xây lắp, cồng bê tông, kinh doanh vật liệu còn nhiều khó khăn nên chưa “gánh vác” được vai trò động lực tăng trưởng của Công ty.

Kế hoạch đầu tư:

Tổng giá trị đầu tư năm 2016 là 129.857 triệu đồng, gồm các hạng mục sau: Đầu tư xây dựng cơ bản là 57.220 triệu đồng, đầu tư máy móc, thiết bị tại các Xí nghiệp là 17.637 triệu đồng, đầu tư tài chính giai đoạn 1 là 55.000 triệu đồng.

Kế hoạch nhân sự:

Tổng số lao động năm 2016 dự kiến tăng 2% so với năm 2015 từ 396 lao động lên 403. Kế hoạch đào tạo là 20 khóa, trong đó tiếp tục thực hiện đào tạo theo chương trình sáng kiến chiến lược gồm các khóa đào tạo về nâng cao năng lực quản lý dự án, tiếp thị bán hàng và các khóa an toàn bắt buộc theo yêu cầu pháp luật. Thu nhập bình quân của người lao động năm 2016 dự kiến là 8.500.000 đồng/người/tháng.

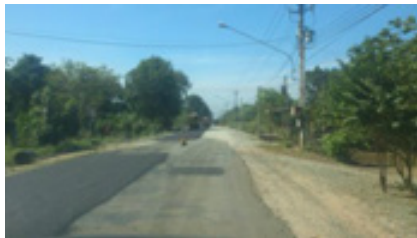
CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Công tác sản xuất kinh doanh

Lĩnh vực đá xây dựng: Hoàn tất việc gia hạn giấy phép khai thác tại mỏ đá Tân Đông Hiệp. Tối ưu hóa vận hành sản xuất thông qua việc tăng cường xử lý triệt để khu vực mỏ có nguy cơ sạt lở, tập trung chế biến các sản phẩm có nhu cầu và giá trị gia tăng cao. Duy trì chính sách bán hàng linh hoạt theo từng thời điểm.



Lĩnh vực xây lắp: Tăng cường công tác tiếp thị đấu thầu tại thị trường Bình Dương và TP.HCM, trong đó chú trọng vào các công trình dân dụng, công trình được bố trí vốn để triển khai thi công trong năm 2016-2017. Hoàn thiện công tác tổ chức đấu thầu, hệ thống dữ liệu đấu thầu. Nâng cao năng lực quản lý dự án thông qua việc xây dựng đồng bộ các quy trình quản lý, ứng dụng phần mềm quản lý dự án... Tăng cường cải tiến và tối ưu hóa các biện pháp thi công để rút ngắn tiến độ.



Lĩnh vực cống bê tông: Đẩy mạnh công tác tiếp thị vào các thị trường mục tiêu là Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh. Tăng cường quản lý chất lượng sản phẩm bằng việc chú trọng kiểm soát, định lượng về chất lượng theo quá trình sản xuất. Rà soát, hoàn thiện và thực hiện theo dõi các định mức kinh tế kỹ thuật trên cơ sở đảm bảo chất lượng sản phẩm nhưng vẫn tối ưu hóa chi phí. Chú trọng công tác bảo trì máy móc thiết bị để luôn duy trì trong trạng thái vận hành tốt. Tăng cường việc cải tiến công nghệ sản xuất.



Lĩnh vực gạch bê tông: Đẩy mạnh tiếp thị, giới thiệu sản phẩm và xây dựng chính sách bán hàng linh hoạt, giá bán cạnh tranh. Cải tiến định mức sản xuất để giảm giá thành sản phẩm, đa dạng mẫu mã sản phẩm để thu hút nhiều đối tượng khách hàng, tăng tính cạnh tranh cho sản phẩm.

Lĩnh vực cho thuê thiết bị xây dựng: Tăng cường công tác tiếp thị, tìm kiếm khách hàng mới để duy trì mức độ luân chuyển các thiết bị cho thuê ở mức cao nhất. Đảm bảo số lượng cung cấp cho khách hàng thông qua việc duy trì tốt công tác bảo trì, đầu tư thiết bị. Tăng cường công tác quản lý và thu hồi nợ.

Lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng: Đẩy mạnh công tác tiếp thị, tập trung tiếp cận các đối tượng khách hàng là các nhà thầu, Công ty xây dựng. Nghiên cứu biến động giá sắt thép thế giới và trong nước để chủ động nhập hàng nhằm phục vụ kinh doanh hiệu quả. Đồng thời, tăng cường công tác thu hồi công nợ, đảm bảo mức nợ phải thu các khách hàng phù hợp với quy định của Công ty.





Công tác đầu tư

- Tập trung triển khai ngay từ đầu năm các chương trình, dự án đầu tư trong năm 2016, trong đó ưu tiên đầu tư cho các chương trình đầu tư phát triển là dự án đầu tư xưởng sản xuất Tân Uyên, đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp.
- Cải thiện công tác lập chương trình, kế hoạch đầu tư. Trong đó, chú trọng công tác đánh giá hiệu quả dự án đầu tư, xác định nhu cầu vốn để bố trí cho từng dự án nhằm chủ động trong việc triển khai, thực hiện dự án.
- Cải thiện công tác theo dõi, đánh giá các chương trình đầu tư bằng việc giao mục tiêu đầu tư và kết quả triển khai cụ thể cho từng bộ phận, cá nhân liên quan.

Công tác quản lý

- Hoàn thiện hệ thống quản lý gồm: Xây dựng và tối ưu hóa hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO, hệ thống OHSAS 18001:2007.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp theo định hướng năng suất, chất lượng: Xây dựng văn hóa cam kết chất lượng, đúng hạn và hợp tác, hoàn thiện và đưa vào hoạt động nhóm quản lý chất lượng (QCC).
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát định mức sản xuất các sản phẩm cho phù hợp với thực tế, chú trọng công tác kiểm tra, giám sát an toàn lao động tại các đơn vị.

Công tác tài chính

- Năm 2016, kế hoạch vay vốn là 149.857 triệu đồng để phục vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư. Vì vậy, Công ty sẽ tăng cường công tác kiểm soát tài chính, quản lý công nợ phải thu để đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn. Sử dụng các khoản vay ngắn hạn để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh và trung dài hạn cho hoạt động đầu tư tài sản, đảm bảo dòng tiền cho các hoạt động và tài chính lành mạnh.

Công tác nhân sự

- Nâng cấp hệ thống quản lý nhân sự gồm: Xây dựng hoàn thiện, triển khai thực hiện kế hoạch tăng năng suất lao động, cải tiến nâng cao hiệu quả hệ thống đánh giá kết quả công việc theo KPI, đưa vào áp dụng phần mềm quản lý nhân sự tiền lương.
- Chính sách tiền lương: Duy trì việc trả lương theo kết quả KPI, xây dựng và tổ chức thực hiện thống kê, theo dõi, đánh giá định mức lao động, quản lý hiệu quả hơn đơn giá tiền lương.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Căn cứ tình hình khách quan của nền kinh tế và diễn biến hoạt động của CIC 3-2 trong năm 2015, Hội đồng quản trị đưa ra những ý kiến đánh giá như sau:

- Kết quả kinh doanh:** Hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2015 được duy trì tốt và đạt được kết quả tốt so với năm 2014. máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất tại các Xí nghiệp được vận hành tốt, nhìn chung chất lượng sản phẩm được đảm bảo.
- Vị thế cạnh tranh của Công ty trên thị trường đối với các lĩnh vực xây lắp, cồng bê tông ở mức trung bình – thấp so với các đối thủ cạnh tranh trực tiếp.** Đáng chú ý là hầu hết các tiêu chí đánh giá năm 2015 đều thấp hơn so với năm 2014, cho thấy vị thế cạnh tranh của Công ty chưa được cải thiện. Cụ thể, đối với lĩnh vực xây lắp Công ty yếu kém về năng lực kinh nghiệm, nguồn nhân lực, thiết bị thi công và năng lực tiếp thị đấu thầu; Đối với lĩnh vực cồng bê tông Công ty hạn chế ở năng lực sản xuất, thương hiệu, giá bán và vận chuyển. Riêng ở lĩnh vực đá xây dựng, nhờ chất lượng và vị trí thuận lợi nên Công ty có vị thế cạnh tranh cao trên thị trường.
- Công tác tiếp thị:** Thực hiện tốt việc triển khai xây dựng brochure các sản phẩm, đẩy mạnh công tác tiếp thị trực tiếp với các nhà thầu, Công ty xây dựng ở khu vực Bình Dương, TP.HCM. Triển khai tìm kiếm các thông tin dự án, khách hàng tiềm năng trên hệ thống dữ liệu bciasian.com. Về công tác tiếp thị - đấu thầu, Công ty đang từng bước tiếp cận các công trình bên ngoài tỉnh Bình Dương nhằm tìm kiếm cơ hội để mở rộng thị trường. Tuy nhiên, công tác tiếp thị còn thiếu một chương trình tổng thể và hiệu quả chưa cao.



Ông Võ Văn Lãnh
– Chủ tịch HĐQT
kiêm TGD của CIC
3-2 đang chủ trì
một buổi họp
định kỳ của HĐQT

- Công tác quản lý:** Ghi nhận kết quả trong công tác quản lý là hiệu quả hoạt động của Công ty được duy trì và tốt hơn so với năm 2014, Công ty thuộc top 200 doanh nghiệp đạt giải thưởng Sao Vàng Đất Việt năm 2015.
- Công tác nhân sự:** Trong năm, Công ty đã thực hiện công tác quy hoạch cán bộ quản lý, lao động kế thừa toàn Công ty. Triển khai việc giao mục tiêu và đánh giá kết quả công việc theo KPI. Quản lý hiệu quả hơn đơn giá tiền lương công nhân trực tiếp theo định mức, nâng cao hiệu quả của việc trả lương theo sản phẩm. Về công tác an toàn lao động, sau sự cố lao động tại Xưởng Bê tông Long Nguyên, Công ty đã tăng cường thực hiện triệt để quy định về an toàn trong sản xuất, triển khai các khóa đào tạo nhận thức về vệ sinh an toàn lao động. Công ty thực hiện tốt các chế độ, chính sách đảm bảo quyền lợi cho người lao động, như duy trì các chương trình chăm sóc sức khỏe cho người lao động, cán bộ quản lý hàng năm, tổ chức 18 khóa đào tạo về phát triển tay nghề, chuyên môn nghiệp vụ, và không ngừng cải thiện môi trường làm việc tạo động lực cho người lao động gắn bó với Công ty.

- **Công tác IR_Quan hệ cổ đông:** Công ty chủ động CBTT theo đúng quy định của UBCKNN và chủ động CBTT những thông tin có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty. Cung cấp cho cổ đông thông tin tình hình kinh doanh, những khó khăn, cách thức giải quyết, các phân tích, nhận định về triển vọng trong tương lai của công ty.



KẾT QUẢ BÌNH CHỌN DNNY CÓ HOẠT ĐỘNG IR TỐT NHẤT 2015
(Thời gian bình chọn từ ngày 21/11/2015 – 21/01/2016)

STT	MCK	Tên Doanh nghiệp	Tỷ lệ
1	C32	CTCP Quốc Tế Sơn Hà	27.85%
2	C10	CTCP Đầu Tư & KD Nhà Khang Điền	20.66%
3	C19	TGT Phân Bón & Hóa Chất Dầu Khí - CTCP	15.94%
4	E80	CTCP Sách Giáo Dục Tại Tp Hà Nội	5.82%
5	C32	CTCP Đầu Tư Xây Dựng 3-2	5.68%

- C32 tự hào được các cổ đông và nhà đầu tư đánh giá cao về hoạt động quan hệ nhà đầu tư (IR). Trong năm qua, Công ty đón tiếp các nhà đầu tư đến và tìm hiểu cơ hội đầu tư tại Công ty và vinh dự được bình chọn là doanh nghiệp niêm yết có hoạt động quan hệ nhà đầu tư tốt nhất năm 2015.

Đánh giá kết quả hoạt động của Ban Giám Đốc

- Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động và sự phát triển của Công ty, HĐQT đã thực hiện giám sát, chỉ đạo đối với Tổng Giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết ĐHCĐ, HĐQT, đồng thời thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Cổ đông.

- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với TGD công ty thông qua báo cáo định kỳ hàng tháng của các Tiểu ban thuộc HĐQT và báo cáo chi tiết, đầy đủ, kịp thời của TGD về tiến độ thực hiện, định hướng triển khai, những khó khăn, vướng mắc... Tại các cuộc họp định kỳ hàng tháng và đột xuất của HĐQT. Qua đó nắm bắt sát tình hình của công ty, đề ra các quyết định kịp thời, đúng đắn, điều tiết trôi chảy và hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh, để đạt được chỉ tiêu theo kỳ vọng.

- Chủ tịch HĐQT, đồng thời là TGD nên rất thuận lợi trong công tác quản trị công ty, tạo ra mối quan hệ chặt chẽ giữa HĐQT và Ban TGD, đem lại tính thống nhất và hiệu quả cao trong hoạt động quản lý điều hành của Công ty, thuận lợi trong quá trình triển khai và thực thi các Nghị quyết của HĐQT, nắm bắt sâu hơn tình hình hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty để kịp thời có sự điều chỉnh, hỗ trợ, chỉ đạo phù hợp.

- Dưới sự chỉ đạo của HĐQT, Ban TGD đã triển khai hiệu quả các hoạt động kinh doanh tại công ty, kết quả kinh doanh năm 2015 nhìn chung đạt được các mục tiêu đề ra, hầu hết các lĩnh vực kinh doanh đều tăng trưởng cao so với cùng kỳ năm 2014.

- Trong hoạt động điều hành, Ban Tổng Giám đốc thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, có trình độ, năng lực và phẩm chất; được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách, có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành công ty; tuân thủ chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; các định hướng chiến lược của Hội đồng quản trị, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được Tổng Giám đốc triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TT	Thành viên HĐQT (NK 2014 – 2019)	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự
1	Võ Văn Lãnh	Chủ tịch HĐQT, kiêm TGD	12/12	100%
2	Nguyễn Thế Phi	TV HĐQT điều hành	12/12	100%
3	Phan Thành Đức	TV HĐQT không điều hành	11/12	91,7%
4	Nguyễn Thế Sự	TV HĐQT không điều hành	10/12	83,3%
5	Huỳnh Hữu Hùng	TV HĐQT không điều hành	10/12	83,3%

Tóm tắt nội dung các cuộc họp của Hội đồng quản trị

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Các nội dung được thông qua
1	01/NQ-HĐQT	26/01/2015	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo của TGD về tình hình hoạt động SXKD tháng 12/2014 và phương hướng hoạt động tháng 01/2015; Báo cáo tình hình Quản trị công ty năm 2014; Cho thuê quyền sử dụng đất khu nhà ở công nhân Khu dân cư An Phú để kinh doanh khu chợ; Tạm ứng 80% thù lao năm 2014 cho HĐQT, BKS và Thư ký công ty; Mức thưởng lãnh đạo cơ sở năm 2014; Mức thưởng tiết kiệm Xí nghiệp Đá năm 2014.
2	02/NQ-HĐQT	07/03/2015	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông và ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.
3	03/NQ-HĐQT	07/03/2015	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo của TGD về tình hình hoạt động SXKD năm 2014 và Kế hoạch SXKD năm 2015; Báo cáo của TGD về tình hình hoạt động SXKD tháng 01/2015 và phương hướng hoạt động tháng 02/2015; Quỹ lương thực hiện của Ban TGD điều hành năm 2014 và Quỹ lương kế hoạch năm 2015;
4	04/NQ-HĐQT	08/04/2015	<ul style="list-style-type: none"> Các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 theo quy định và các nội dung quan trọng khác.

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Các nội dung được thông qua
5	05/NQ-HĐQT	08/04/2015	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo của TGD về tình hình hoạt động SXKD tháng 02/2015 và phương hướng hoạt động tháng 03/2015; Báo cáo thường niên năm 2014; Đầu tư cần cầu xếp đã qua sử dụng cho Xí nghiệp Cơ khí và Bê tông; Thế chấp tài sản của Công ty cho Ngân hàng và ủy quyền cho Tổng Giám đốc ký kết một số nội dung chi tiết trong tờ trình số 117/TTr-TGD ngày 24/3/2015; Chủ trương đi tìm kiếm các dự án xây dựng hạ tầng giao thông theo Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP).
6	06/NQ-HĐQT	20/5/2015	<ul style="list-style-type: none"> Thay đổi tên gọi chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 - Xí nghiệp Cơ khí và Bê tông: <ul style="list-style-type: none"> + Tên gọi cũ: Xí nghiệp Cơ khí và Bê tông + Tên gọi mới: Xí nghiệp Cống bê tông + Địa điểm (không thay đổi): số 5/138 Đại lộ Bình Dương, khu phố Hòa Lân 1, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
7	07/NQ-HĐQT	20/05/2015	<ul style="list-style-type: none"> Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông và ngày chi trả cổ tức công ty còn lại của năm 2014 bằng tiền.
8	08/NQ-HĐQT	20/05/2015	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo của TGD về tình hình hoạt động SXKD tháng 03&04/2015; phương hướng hoạt động tháng 05/2015; Bổ nhiệm lại Giám đốc XN Cơ khí và Bê tông đối với Ông Huỳnh Ngọc Hùng, thời hạn bổ nhiệm là 03 (ba) năm, kể từ ngày 01/06/2015.
9	09/NQ-HĐQT	17/06/2015	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo của TGD về tình hình hoạt động SXKD tháng 05/2015 và phương hướng hoạt động tháng 06/2015; Đầu tư 01 (một) xe lu rung 02 bánh lốp hiệu BOMAG (đã qua sử dụng) cho Xí nghiệp Xây lắp.
10	10/NQ-HĐQT	21/07/2015	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo của TGD về tình hình hoạt động SXKD tháng 06/2015 và phương hướng hoạt động tháng 07/2015;

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Các nội dung được thông qua
			<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo tình hình quản trị Công ty 6 tháng đầu năm 2015; Xử lý nợ khó đòi theo thông tư, hướng dẫn của Bộ Tài chính đã tồn đọng từ năm 2011 đến nay không có khả năng thu hồi, cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Công ty TNHH Xây dựng Đồng Long: 33.505.980 đồng + Công ty TNHH Xây dựng Vân Hải: 484.735.894 đồng + Công ty TNHH Tư vấn Khai Nam: 35.185.130 đồng + CTCP Thiết kế XD Nam Trung Việt: 78.833.844 đồng <p style="text-align: center;">Tổng cộng: 632.260.848 đồng</p> <p>Công ty tiếp tục theo dõi khoản nợ đã xử lý trên theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.</p>
11	11/NQ-HĐQT	22/08/2015	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo của TGD về tình hình hoạt động SXKD tháng 07/2015 và phương hướng hoạt động tháng 08/2015; Đầu tư 02 (hai) xe tải ben 15 tấn mới 100% hiệu Hyundai HD270 (máy cơ) cho XN Xây lắp; Ủy quyền cho Tổng Giám đốc công ty toàn quyền quyết định về hồ sơ bồi thường, giải phóng mặt bằng, thủ tục nhận tiền và bàn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bàn giao mặt bằng thuộc dự án xây dựng đường Mỹ Phước - Tân Vạn với Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.
12	12/NQ-HĐQT	19/10/2015	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo của TGD về tình hình hoạt động SXKD tháng 09/2015 và phương hướng hoạt động tháng 10/2015; Đầu tư 01 (một) Máy hàn bán tự động sản xuất lồng thép cổng tròn bê tông ly tâm cho XN Cổng bê tông. Model SMS 220/24 (mới 100%), do Đức sản xuất theo Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 quy định về đầu tư tài sản trên 1 tỷ đồng đối với Doanh nghiệp có vốn Nhà nước trên 30% và Nghị định số 63/2014/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.
13	13/NQ-HĐQT	19/10/2015	<ul style="list-style-type: none"> Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông và ngày chi tạm ứng cổ tức công ty đợt 1 năm 2015 bằng tiền.
14	14/NQ-HĐQT	19/10/2015	<ul style="list-style-type: none"> Bổ nhiệm Trưởng phòng Kinh doanh công ty đối với ông Nguyễn Thế Phi, thời gian bổ nhiệm là 03 (ba) năm.
15	15/NQ-HĐQT	23/11/2015	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo của TGD về tình hình hoạt động SXKD tháng 10/2015 và phương hướng hoạt động tháng 11/2015; Đầu tư 01 (một) xe tải ben 30 tấn đã qua sử dụng, hiệu Hyundai

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Các nội dung được thông qua
			<p>HD370 do Hàn Quốc sản xuất năm 2010 cho XN Cống bê tông;</p> <ul style="list-style-type: none"> • Điều chỉnh chuyển đổi đầu tư 02 (hai) xe tải Ben 15 tấn mới 100% hiệu Hyundai HD270/340ps (máy cơ) theo Nghị quyết HĐQT số 11/NQ-HĐQT ngày 22/08/2015. Sang đầu tư 01 (một) xe tải ben 15 tấn mới 100% hiệu Hyundai HD270/380ps (máy điện) và 01 (một) xe tải Ben 25,5 tấn đã qua sử dụng, hiệu Hyundai Gold - TRAGO (máy điện) do Hàn Quốc sản xuất năm 2009; • Giao cho TGD công ty đầu tư tài chính ngoài doanh nghiệp vào một số công ty có tiềm năng theo hạn mức cho phép; • Quy hoạch nhân sự cấp cao, cho đi đào tạo các chức danh từ Giám đốc các XN; Trưởng các phòng, Kế toán trưởng và Phó Tổng Giám đốc Công ty.
16	16/NQ-HĐQT	07/12/2015	<ul style="list-style-type: none"> • Đầu tư 01 (một) xe tải ben 15 tấn mới 100% hiệu Hyundai HD270/380HP (Ga điện) cho XN Xây lắp; • Giao cho TGD công ty nguồn ngân sách không vượt quá 15% trên tổng tài sản của công ty tại Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2015 để đầu tư tài chính ngoài doanh nghiệp. TGD chịu trách nhiệm triển khai đầu tư phù hợp với Điều lệ Công ty và pháp luật Việt Nam; đảm bảo lợi ích của Công ty.
17	17/NQ-HĐQT	08/12/2015	<ul style="list-style-type: none"> • Bổ sung ngành nghề kinh doanh vào Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 về (Cân hàng hóa, liên quan đến vận tải).
18	18/NQ-HĐQT	22/12/2015	<ul style="list-style-type: none"> • Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016.



HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tiểu ban chính sách phát triển

Tình hình hoạt động năm 2015:

- Theo dõi, tham mưu triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015, đảm bảo các mục tiêu kế hoạch đã đề ra trong năm; đeo bám, theo dõi tình hình kinh doanh từng lĩnh vực và điều chỉnh kế hoạch phân bổ doanh thu theo từng tháng cho phù hợp. Kết quả kinh doanh năm 2015 đã vượt các mục tiêu đề ra một cách xuất sắc
- Thực hiện các chương trình tiếp thị như xây dựng brochure các sản phẩm; thu thập thông tin dự án khách hàng trên các trang web có đăng ký quyền truy cập; tiếp thị trực tiếp đến các khách hàng là công ty, nhà thầu xây dựng, Ban quản lý dự án ở khu vực TP.HCM, Bình Dương, Đồng Nai.
- Tìm kiếm khu đất ở khu vực Tân Uyên, Bình Dương để đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất cốt bê tông đúc sẵn và gạch không nung các loại; đề xuất phương án đầu tư vốn vào các doanh nghiệp cùng ngành nghề và có tiềm năng phát triển;
- Triển khai xây dựng và áp dụng hệ thống đánh giá kết quả công việc theo KPI; rà soát chiến lược kinh doanh của Công ty giai đoạn 2014-2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016...

Phương hướng nhiệm vụ năm 2016:

- Theo dõi, tham mưu tình hình triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 nhằm đảm bảo các mục tiêu kế hoạch đề ra.
- Chú trọng việc tham mưu tìm kiếm phương án đầu tư mặt bằng để thực hiện dự án nhà máy sản xuất gạch không nung và di dời Xưởng Bê tông Thuận Giao.

- Tiếp tục thực hiện công tác đầu tư vốn ngoài doanh nghiệp, đồng thời tìm kiếm doanh nghiệp có tiềm năng để phát triển vốn đầu tư.
- Tìm kiếm đối tác, nhà thầu xây dựng có năng lực, kinh nghiệm để liên danh, liên kết trong công tác đấu thầu công trình nhằm nâng cao năng lực đấu thầu và thi công các công trình của Công ty.
- Tiếp tục cập nhật brochure các sản phẩm, in ấn và phục vụ công tác tiếp thị năm 2016; triển khai chương trình tiếp thị các sản phẩm đến các Công ty Xây dựng, Bất động sản, Ban Quản lý dự án ở khu vực TP.HCM và Bình Dương.
- Tham mưu công tác rà soát xây dựng định hướng và triển khai chiến lược kinh doanh, kế hoạch kinh doanh năm 2016. Chú trọng công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm, dịch vụ và công tác xây dựng phương án đầu tư.

Tiểu ban Kiểm soát nội bộ

Tình hình hoạt động năm 2015:

Năm 2015, Tiểu ban Kiểm soát nội bộ đã thực hiện 9 lần kiểm tra tại các xí nghiệp trực thuộc công ty như sau:

- Lần 1 ngày 03/2/2015: Kiểm tra tại Xí nghiệp Đá về mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh quý I/2015, các giải pháp chính để thực hiện kế hoạch; xây dựng giá bán đá năm 2015; tình hình ký kết hợp đồng bán hàng và ký kết hợp đồng thuê các nhà thầu phụ, kiểm soát giá thuê ngoài.
- Lần 2 ngày 26/3/2015: Kiểm tra tại Xí nghiệp Xây lắp về tình hình sản xuất kinh doanh quý I/2015; công tác tham gia dự thầu và kết quả đấu thầu đáp ứng mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2015; tình hình triển khai các công trình xây dựng; quản lý thu hồi công nợ.

- Lần 3 ngày 06/5/2015: Kiểm tra tại Xí nghiệp Cơ khí & Bê tông về kết quả sản xuất kinh doanh quý I/2015 và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý II/2015; tình hình ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm; công tác định mức chi phí tính giá thành sản phẩm; đầu tư mua sắm tài sản; quản lý thu hồi công nợ.
- Lần 4 ngày 12/6/2015: Kiểm tra tại Trung tâm kinh doanh vật liệu xây dựng 279 về kết quả sản xuất kinh doanh từ tháng 1/2015 đến tháng 5/2015 và kế hoạch tháng 6/2015; tình hình nhập-xuất-tồn kho vật tư hàng hóa; xây dựng giá bán và giá cho thuê; mua sắm công cụ dụng cụ, phân bổ công cụ dụng cụ và khấu hao tài sản cố định; quản lý thu hồi công nợ; phương hướng tiếp thị tăng doanh thu cho các tháng còn lại.
- Lần 5 ngày 14/7/2015: Kiểm tra tại Xí nghiệp Đá về tình hình sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2015 và kế hoạch SXKD quý III/2015; thực hiện giá bán, giá thuê ngoài; tình hình mua sắm quản lý khấu hao TSCĐ, công cụ dụng cụ; quản lý công nợ.
- Lần 6 ngày 7/8/2015: Kiểm tra tại Văn phòng Công ty về thực hiện các quy trình quản lý bao gồm: qui trình mua vật tư cung ứng cho các xí nghiệp, qui trình mua sắm mới, qui trình thanh lý tài sản cố định và công cụ dụng cụ, qui trình kiểm soát doanh thu bán hàng và kiểm soát công nợ phải thu, qui trình thanh toán nợ phải trả nhà cung cấp.
- Lần 7 ngày 23/9/2015: Kiểm tra tại Xí nghiệp Xây lắp về kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2015 và kế hoạch SXKD quý IV/2015; tình hình thực hiện các giải pháp để nâng cao năng lực đấu thầu; tình hình triển khai các công trình.
- Lần 8 ngày 26/10/2015: Kiểm tra tại Xí nghiệp Cống bê tông về kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng năm 2015 và kế hoạch SXKD quý IV/2015; tình hình triển khai xây dựng kế hoạch năm 2016 theo thông báo số 444/TB-CTY ngày 05/9/2015; tình hình thu hồi công nợ.
- Lần 9 ngày 04/12/2015: Kiểm tra tại Trung tâm kinh doanh VLXD 279 về kết quả sản xuất kinh doanh 11 tháng và ước thực hiện cả năm 2015; kế hoạch kinh doanh năm 2016, giải pháp thực hiện; tình hình thu hồi công nợ.

Qua kiểm tra, Tiểu ban Kiểm soát nội bộ ghi nhận ở tất cả các đơn vị trực thuộc đều tuân thủ nghiêm túc các qui định, qui trình do Công ty ban hành về xây dựng định mức chi phí giá thành đề xuất giá bán, xây dựng và quyết toán định mức vật tư, kiểm soát giá thuê ngoài, quản lý công nợ phải thu, mua sắm công cụ và tài sản cố định... Đồng thời cũng qua kiểm tra, Tiểu ban Kiểm soát nội bộ cũng đã góp ý một số vấn đề về kiểm soát tiến độ thi công, kiểm soát chi phí để nâng cao hiệu quả kinh doanh, tăng cường quản lý công nợ phải thu, xử lý nợ khó đòi, rà soát hợp lý hệ thống báo cáo khi sử dụng phần mềm kế toán mới, điều chỉnh một số nội dung về qui trình quản lý nợ phải thu, qui trình thanh lý tài sản được chặt chẽ hơn.

Trong năm 2015, mặc dù môi trường kinh doanh còn khó khăn, nhưng qua kiểm tra cho thấy hầu hết lãnh đạo các đơn vị đều nỗ lực cao trong việc tiếp thị tìm kiếm hợp đồng, tạo việc làm ổn định cho người lao động, kiểm soát tiết kiệm chi phí. Các lĩnh vực như Đá xây dựng, Cống bê tông, Kinh doanh vật liệu xây dựng đều vượt so kế hoạch và tăng trưởng so với năm 2014.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ! (tt)

Tiểu ban Kiểm soát nội bộ (tt)

Phương hướng nhiệm vụ năm 2016:

Năm 2016, Tiểu ban Kiểm soát nội bộ tiếp tục thực hiện chương trình kiểm soát từng tháng, tuần tự ở các đơn vị trực thuộc công ty về: Tình hình thực hiện doanh thu; kiểm soát định mức vật tư, kiểm soát chi phí; tình hình đầu tư và hiệu quả đầu tư; quản lý công nợ bán hàng; việc tuân thủ các qui trình của công ty ban hành...

Tiểu ban nhân sự:

Tình hình hoạt động năm 2015:

- Tham gia tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2015, trình thông qua thù lao HĐQT, BKS, Thư ký công ty năm 2014 và kế hoạch năm 2015; quyết toán quỹ lương thực hiện năm 2014 và quỹ lương kế hoạch năm 2015 của Ban Tổng Giám đốc; quỹ lương kế hoạch của Công ty năm 2015; mức thưởng đối với lãnh đạo cơ sở đạt thành tích hoạt động năm 2014.
- Thông qua Hướng dẫn quy hoạch cán bộ quản lý, lao động kế thừa và giám sát việc lập danh sách quy hoạch cán bộ quản lý, nhân sự kế thừa; thực hiện kế hoạch đào tạo nâng cao năng lực, kỹ năng quản lý cho đội ngũ lao động kế thừa.
- Theo dõi việc xây dựng và thực hiện các quy chế lương, thưởng; theo dõi diễn biến tình hình nhân sự, tiền lương để kịp thời báo cáo HĐQT có hướng xử lý điều hành.
- Thông qua việc bổ nhiệm lại đối với Giám đốc XN Cống bê tông và bổ nhiệm mới chức danh Trưởng phòng Kinh doanh.

- Giám sát việc thực hiện các quy định, quy chế, chế độ chính sách về nhân sự, tiền lương tại Công ty; giám sát việc thực hiện sáng kiến chiến lược xây dựng và triển khai áp dụng Quy định về giao mục tiêu và đánh giá kết quả công việc theo KPI.
- Làm cầu nối thông tin giữa cổ đông lớn và HĐQT để đáp ứng các yêu cầu của cổ đông.

Chương trình hoạt động năm 2016:

Tiếp tục theo dõi diễn biến nhân sự, tiền lương để tham mưu cho HĐQT khi cần thiết; giám sát việc thực hiện các quy định, quy chế và chính sách về nhân sự tiền lương; tập trung kiểm tra việc thực hiện các sáng kiến chiến lược liên quan đến mảng nhân sự tại Công ty; theo dõi việc thực hiện các kế hoạch đào tạo, tuyển dụng, đánh giá năng lực nhân viên theo quy định.

- Giám sát việc xây dựng và thực hiện chương trình quản lý năng suất, sửa đổi Quy trình đánh giá năng lực nhân viên.
- Tham gia các công tác chuẩn bị, phục vụ và tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2016.
- Trình quyết toán thù lao 2015 của HĐQT, BKS, Thư ký công ty và kế hoạch thù lao năm 2016; quỹ lương thực hiện của Ban Tổng Giám đốc năm 2015 và kế hoạch 2016; quỹ lương kế hoạch của Công ty năm 2016.



Tình hình chung của Công ty năm 2015 đã cơ bản hoàn thành các mục tiêu đề ra. Doanh thu và lợi nhuận vượt kế hoạch và tăng trưởng khá so với năm 2014, ghi nhận nhiều nỗ lực của Ban Lãnh đạo và nhân viên Công ty trong việc triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh để đảm bảo các mục tiêu đề ra.

THÙ LAO, CHỨNG CHỈ QUẢN TRỊ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT

STT	Họ và tên	Chức danh	Số tháng công tác	Thù lao HĐQT	Lương TGD	Thưởng TGD	ABC, phép năm, ăn giữa ca TGD
1	Võ Văn Lãnh	CT. HĐQT, kiêm TGD	12	343.580.000	665.016.000	757.025.000	30.871.000
2	Nguyễn Thế Phi	TV HĐQT	12	180.832.000			
3	Nguyễn Thế Sự	TV HĐQT	12	180.832.000			
4	Phan Thành Đức	TV HĐQT	12	180.832.000			
5	Huỳnh Hữu Hùng	TV HĐQT	12	180.832.000			

Danh sách HĐQT, Ban TGD có chứng chỉ quản trị Công ty do UBCK cấp

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Võ Văn Lãnh	CT. HĐQT, kiêm TGD
2	Nguyễn Thế Phi	TV HĐQT
3	Nguyễn Thế Sự	TV HĐQT
4	Phan Thành Đức	TV HĐQT
5	Huỳnh Hữu Hùng	TV HĐQT
6	Trần Văn Bình	Phó TGD
7	Nguyễn Xuân Hiếu	Kế toán trưởng
6	Lữ Minh Quân	Thư ký Công ty

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên Ban kiểm Soát	Chức vụ	Thù lao (VNĐ)	Chứng chỉ QTCT
1	Văn Hoàng Tùng	Trưởng BKS	194.460.000	Có chứng chỉ
2	Lý Thanh Châu	Thành viên BKS	136.123.000	Có chứng chỉ
3	Nguyễn Lương Tâm	Thành viên BKS	136.123.000	Có chứng chỉ

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu hoặc không còn là TV BKS	Số buổi họp BKS năm 2015	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Văn Hoàng Tùng	Trưởng BKS	Ngày bắt đầu là TV BKS: 11/12/2008	05	100%
2	Ông Nguyễn Lương Tâm	Thành viên BKS	Ngày bắt đầu là TV BKS: 25/4/2014	04	80%
3	Ông Lý Thanh Châu	Thành viên BKS	Ngày bắt đầu là TV BKS: 25/4/2014	05	100%

Trong năm 2015, BKS tổ chức được 05 cuộc họp, bao gồm:

Lần 1: Ngày 19/5/15, họp kiểm tra kiểm soát các mặt hoạt động tại: Phòng Nhân sự, Phòng Tài chính và Phòng Kinh doanh, tham dự có 02 thành viên là: Ông Văn Hoàng Tùng, Trưởng BKS và ông Lý Thanh Châu, Thành viên BKS, vắng mặt ông Nguyễn Lương Tâm, Thành viên Ban kiểm soát, lý do bệnh.

Lần 2: Ngày 28/7/15, họp kiểm tra kiểm soát các mặt hoạt động tại: XN Xây lắp, tham dự có: Ông Văn Hoàng Tùng, Trưởng BKS và ông Lý Thanh Châu và ông Nguyễn Lương Tâm là Thành viên BKS.

Lần 3: Ngày 23/9/15, họp kiểm tra kiểm soát các mặt hoạt động tại: XN Đá xây dựng, tham dự đủ 03 người trong BKS.

Lần 4: Ngày 24/11/15, họp kiểm tra kiểm soát các mặt hoạt động tại: XN Cống bê tông, tham dự đủ 03 người trong BKS.



Lần 5: Ngày 23/12/15, họp kiểm tra kiểm soát các mặt hoạt động tại: Phòng Tài chính, Phòng Kinh doanh và Phòng Đầu tư, tham dự đủ 03 người trong BKS.

Hoạt động khác của BKS:

- Ban kiểm soát ban hành 05 thông báo tổ chức kiểm tra kiểm soát tại các đơn vị và chuyển biên bản làm việc báo cáo kiểm tra các hoạt động SXKD tại các đơn vị phòng, xí nghiệp trực thuộc Cty. Tất cả các văn bản trên đều được chuyển đến thành viên Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo Cty, thành viên ban kiểm soát và các đơn vị có liên quan.
- Ban kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp do HĐQT tổ chức hàng tháng tại Văn phòng Cty, theo nội dung thông qua báo cáo tình hình SXKD hàng tháng của Cty, báo cáo và kế hoạch làm việc của các Tiểu ban Chính sách phát triển, Tiểu ban Kiểm soát nội bộ và Tiểu ban Nhân sự của HĐQT, công việc phát sinh khác,...
- Thành viên trong BKS được phụ cấp thù lao hàng tháng và quyết toán sau khi có kết quả quyết toán trong năm được duyệt thông qua.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁM SÁT, PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS VỚI HĐQT VÀ BAN LÃNH ĐẠO CTY.

- Từ sau ĐHĐ Cổ đông thường niên ngày 27/4/15, Ban kiểm soát đã nhận được các văn bản là: Nghị quyết, quyết định, báo cáo của HĐQT, Báo cáo các Tiểu ban của HĐQT, Ban lãnh đạo Cty trong quá trình tổ chức thực hiện, Ban kiểm soát đã được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT Cty được tổ chức hàng tháng.
- Trong năm qua Ban kiểm soát không có nhận đơn thư khiếu nại, tố cáo, không thấy điều gì bất thường trong hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo Cty và lãnh đạo quản lý điều hành tại các chi nhánh thuộc Cty.
- Ngày 05/01/2015 thành viên BKS cùng với HĐQT đi thăm dò dự án mỏ đá mới tại huyện Vĩnh Cửu tỉnh Đồng Nai, do trong quá trình phân tích đánh giá dự án không khả thi nên HĐQT không triển khai thực hiện.



TAN THANH TRAILER

61R
006.00

04

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TAN THANH

CIC 3-2

*"Phát triển bền vững gắn liền với
bảo vệ và xây dựng môi trường
sạch, sạch vì tương lai cộng đồng"*



HÀNH TRÌNH TIẾN TỚI **SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

Trong giai đoạn hiện nay, sự tồn tại và phát triển của bất kỳ doanh nghiệp nào cũng phải gắn kết với sự tồn tại, phát triển của môi trường và cộng đồng xã hội. Bởi thế giới hiện nay đang phải đối mặt với những vấn đề mang tính toàn cầu về ô nhiễm môi trường, cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên, biến đổi khí hậu,... Hiểu rõ tầm quan trọng của yếu tố môi trường ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ đến sự phát triển bền vững trong tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội, CIC 3-2 xác định rõ quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ảnh hưởng đến môi trường như thế nào, từ đó Công ty đã đầu tư xây dựng hoàn thiện các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị giảm thiểu tác động đến môi trường, đặc biệt là các hoạt động khai thác đá, sản xuất vật liệu xây dựng.



HÀNH TRÌNH TIẾN TỚI **SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

3 MỤC TIÊU HÀNH ĐỘNG TIẾN TỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



QUẢN LÝ NGUỒN LỰC SẢN XUẤT

- Quản lý nguồn nguyên liệu
- Quản lý tiêu thụ nguồn năng lượng
- Quản lý tiêu thụ nguồn nước



BẢO VỆ VÀ XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG XANH

- Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường
- Các biện pháp bảo vệ môi trường hiệu quả



TRÁCH NHIỆM VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CỘNG ĐỒNG

- Chính sách và trách nhiệm đối với Người lao động
- Trách nhiệm với xã hội và cộng đồng địa phương

HÀNH TRÌNH TIẾN TỚI **SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

CTCP Đầu tư Xây dựng 3-2 đang duy trì một hệ thống 03 Xí nghiệp sản xuất chính.
Bao gồm:

XÍ NGHIỆP
CỐNG BÊ
TÔNG



XÍ NGHIỆP
XÂY LẮP



XÍ NGHIỆP
SẢN XUẤT ĐÁ
XÂY DỰNG



VIỆC VẬN HÀNH HỆ THỐNG NÀY YÊU CẦU MỘT KHỐI LƯỢNG KHÔNG NHỎ CÁC NGUỒN NGUYÊN LIỆU, NGUỒN NĂNG LƯỢNG (NHIÊN LIỆU, ĐIỆN,...) VÀ TÀI NGUYÊN NƯỚC, ĐỒNG THỜI SẼ TẠO RA MỘT LƯỢNG PHÁT THẢI LỚN. ĐÓ LÀ LÝ DO QUAN TRỌNG CỦA CIC 3-2 VÌ KHÔNG NHỮNG TIÊU TỐN MỘT KHOẢN CHI PHÍ LỚN MÀ CÒN LÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CIC 3-2 VỚI CÁC VẤN ĐỀ VỀ MÔI TRƯỜNG, SỰ NÓNG LÊN CỦA TRÁI ĐẤT, SỰ Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG SỐNG CỦA CON NGƯỜI.

HÀNH TRÌNH TIẾN TỚI **SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

QUẢN LÝ NGUỒN LỰC SẢN XUẤT

Nền kinh tế và cạnh tranh toàn cầu đã và đang ảnh hưởng và tác động tiêu cực đến môi trường sản xuất kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp trong quá trình hội nhập. Rõ ràng các doanh nghiệp Việt Nam không thể đứng ngoài vòng xoáy của cuộc chơi đầy thử thách và cam go này, mà phải đối mặt với nhiều thách thức: giá nguyên vật liệu, năng lượng đầu vào không ngừng gia tăng.



QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN LIỆU

Nguyên liệu là một trong những yếu tố cấu thành giá thành của quá trình sản xuất, chất lượng sản phẩm. Do đó, Công ty đã đề ra những giải pháp quản lý tốt nguồn nguyên liệu trong sản xuất theo các tiêu chí sau đây:

- Đảm bảo cung cấp nguyên liệu kịp thời cho quá trình sản xuất sản phẩm, nguyên liệu cho xây lắp các công trình. Đảm bảo tính liên tục, tiết kiệm nhưng đầy đủ để không làm sản xuất gián đoạn.
- Số lượng, chất lượng, chủng loại và quy cách được đảm bảo tính chính xác và đầy đủ. Đây là một trọng trong những yêu cầu quan trọng trong công tác phục vụ việc sản xuất, về mặt quy cách

và chủng loại càng là yếu tố quan trọng vì nếu đủ số lượng và chất lượng nhưng sai quy cách và chủng loại sẽ gây thiệt hại lớn cho sản xuất, gây lãng phí lớn cho Công ty.



- Đảm bảo tính đồng bộ và cân đối trong sản xuất, xây lắp. Đó chính là tỷ lệ do định mức tiêu hao cho một đơn vị sản phẩm quyết định. Tính đồng bộ trong cung ứng được thể hiện qua kế hoạch tiến độ mua sắm nguyên

vật liệu.

- Cải tiến và vận hành các phương pháp “Quản lý chi phí dòng nguyên liệu” để cắt giảm sự lãng phí và sử dụng nguyên liệu một cách có hiệu quả giúp Công ty kiểm soát được giá thành và tối ưu chi phí về nguyên liệu đầu vào trong các quá trình sản xuất. Việc giảm thiểu lãng phí nguyên liệu và năng lượng trong quá trình sản xuất giúp Công ty nâng cao năng suất, gia tăng lợi nhuận cho cổ đông, đồng thời đáp ứng được mục tiêu thân thiện với môi trường và phát triển bền vững của Công ty.

HÀNH TRÌNH TIẾN TỚI **SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**



Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty trong năm 2015 là:

- Thép xây dựng: 2.193.912 kg
- Xi măng: 9.493.549 kg
- Dầu D.O: 531.339 lít
- Sỏi đỏ: 28.284 m³
- Cát: 21.352 m³
- Đá: 61.659 m³
- Phế liệu thu hồi từ CCDC hỏng: 11.323 kg.

QUẢN LÝ TIÊU THỤ NGUỒN NĂNG LƯỢNG

Việc thiết lập và triển khai hệ thống quản lý năng lượng trong sản xuất không hề dễ dàng với các doanh nghiệp đa ngành như CIC 3-2. Tuy nhiên Ban lãnh đạo Công ty đã hoàn toàn nhận thức được lợi ích của việc quản lý năng lượng và quyết tâm theo đuổi bằng các giải pháp hiệu quả và phù hợp với quy mô hiện tại của Công ty

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp của CIC 3-2 trong năm 2015

STT	Bộ phận	Đơn vị	Đvt	Số lượng điện
1	Văn phòng	Điện năng tiêu thụ	kw	69.761
2	Xí nghiệp công	Điện năng tiêu thụ	kw	633.894
4	Xí nghiệp đá	Điện năng tiêu thụ	kw	4.894.500
Tổng cộng				5.598.155



HÀNH TRÌNH TIẾN TỚI **SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

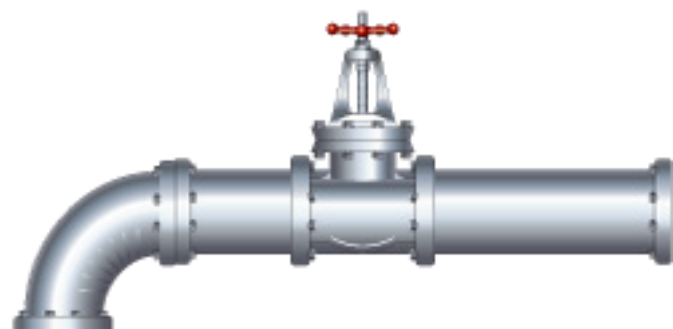
Biện pháp quản lý nguồn năng lượng

- Tại các trạm điện XN lắp tủ bù tránh lệch pha sụt áp trên đường dây, để đảm bảo chỉ số cosφ lớn hơn 0.85
- Hạn chế sử dụng điện trong giờ cao điểm
- Đổi mới các công cụ, dụng cụ, thiết bị chiếu sáng tiết kiệm năng lượng trong hoạt động sản xuất.
- Lắp đặt hệ thống các loại máy đo lường mức độ tiêu thụ năng lượng. Lên kế hoạch kiểm tra bảo trì bảo dưỡng hệ thống điện tại các Xí nghiệp
- Đào tạo các cán bộ phụ trách các lĩnh vực hoạt động của Công ty về kiến thức chuyên môn về năng lượng và kiểm soát năng lượng như: Xây dựng các chỉ số hiệu quả năng lượng, đưa ra những giải pháp và biện pháp cải thiện hiệu suất sử dụng năng lượng, đánh giá mức độ cải thiện,...
- Quản lý tốt chi phí vận hành, bảo trì máy móc.
- Nâng cao nhận thức người sử dụng máy móc theo hướng hiệu quả mà vẫn tiết kiệm được năng lượng.
- Cải tiến phương pháp đốt lò, phương pháp hấp sấy cồng nhằm tận dụng hết nhiệt sinh ra từ việc đốt củi.



HÀNH TRÌNH TIẾN TỚI **SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

QUẢN LÝ TIÊU THỤ NGUỒN NƯỚC



- Nước - nguồn tài nguyên thiết yếu cho cuộc sống của con người, sự phát triển bền vững của mọi quốc gia và là ưu tiên hàng đầu để phát triển bền vững. Theo đánh giá của nhiều cơ quan nghiên cứu về tài nguyên nước, hiện tại có khoảng 1/3 số quốc gia trên thế giới bị thiếu nước và đến 2025 con số này sẽ là 2/3 với khoảng 35% dân số thế giới sẽ rơi vào tình cảnh thiếu nước nghiêm trọng. Ở một số quốc gia, lượng nước cho mỗi đầu người đang bị giảm đáng kể.
- Việt Nam luôn khẳng định "*nước là tài nguyên đặc biệt quan trọng, là thành phần thiết yếu của sự sống và môi trường, quyết định sự tồn tại, phát triển bền vững của đất nước*" và vì vậy, Chính phủ Việt Nam luôn nỗ lực tăng cường và kiện toàn, thể chế, chính sách trong lĩnh vực tài nguyên nước, đẩy mạnh hợp tác với các quốc gia có chung nguồn nước với Việt Nam cũng như hợp tác và tranh thủ sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, các quốc gia trên thế giới và khu vực để quản lý, bảo vệ hiệu quả tài nguyên nước nhằm góp phần vào tiến trình phát triển bền vững của đất nước cũng như của thế giới và khu vực.

HÀNH TRÌNH TIẾN TỚI **SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**



Hiện tại, CIC 3-2 đang sử dụng 2 nguồn nước chính để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

Nước sinh hoạt:

- Công ty sử dụng nguồn nước được cung cấp từ Công ty Cấp nước Bình Dương

Diễn giải	Đvt	Văn phòng Cty	Xí nghiệp Cống	Xí nghiệp Đá	Tổng cộng
Lượng nước sử dụng từ Công ty Cấp nước Bình Dương	m ³	344	414	52,621	53,379

Nước cho hoạt động sản xuất, khai thác:

- Được tận dụng từ nguồn nước mưa và nước ngầm tự nhiên.

Sử dụng và tiết kiệm nước :

- Công ty đã thực hiện việc tận dụng nước thải sau xử lý để tái sử dụng trong việc tưới cây xanh, chống bụi quanh khu vực hoạt động sản xuất và khai thác.
- Sử dụng lại nguồn nước vệ sinh tại khu vực sản xuất đã qua hệ thống xử lý lắng, lọc để tưới bảo dưỡng bê tông cốt.
- Đồng thời Công ty cũng thực hiện lộ trình giảm thiểu việc sử dụng nguồn nước ngầm tự nhiên để thay thế bằng các nguồn nước tái sử dụng sau xử lý.



HÀNH TRÌNH TIẾN TỚI **SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

BẢO VỆ VÀ XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG XANH

C32 nhận thức rằng mọi hoạt động sản xuất của Công ty đều tác động không nhỏ đến môi trường xung quanh các khu vực mà Công ty triển khai các công tác khai thác và xây dựng. Do đó việc tuân thủ pháp luật, hướng dẫn bảo vệ môi trường của Chính Phủ đều được Công ty nghiên cứu và thực hiện rất chặt chẽ.



HÀNH TRÌNH TIẾN TỚI **SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

Công ty đã ban hành Quy định riêng về việc bảo vệ môi trường cho từng đối tượng và phòng ban thực hiện nghiêm túc. Quy định bao gồm những nội dung: Kiểm soát ô nhiễm tiếng ồn, ô nhiễm khói bụi, rác thải và xử lý vệ sinh môi trường nước thải với mục tiêu bảo vệ môi trường hiệu quả nhất.



Lấy mẫu nước để thực hiện giám sát môi trường

HÀNH TRÌNH TIẾN TỚI **SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

Các biện pháp bảo vệ môi trường hiệu quả của C32

Bảo vệ môi trường tại công trường xây lắp và xí nghiệp Cống Bê Tông:

- Trước khi thi công phải tiến hành thi công hàng rào tạm bao che công trình đối với các công trình gần các khu đông dân cư. Thực hiện chằng dây, đặt biển báo cảnh báo toàn bộ chu vi quanh công trình.
- Rào tạm phải cách ly được khu vực thi công và khu dân cư xung quanh.
- Đường công vụ phải đảm bảo thoát nước ổn định.
- Kiểm soát tiếng ồn, bụi:
 - Công trình thi công phải giảm thiểu tiếng ồn trong quá trình thi công. Với các công tác có thể gây tiếng ồn lớn phải lựa chọn thời gian hợp lý tránh ảnh hưởng đến cộng đồng xung quanh.
 - Công trình phải được che chắn kỹ để giảm thiểu tối đa khói bụi phát tán rộng đồng thời bảo vệ nguyên vật liệu tránh rơi vãi thất thoát.
 - Bố trí các máy móc trong dây chuyền sản xuất tránh để các máy gây ồn cùng hoạt động một lúc gây cộng hưởng tiếng ồn.
 - Thường xuyên kiểm tra máy móc, độ mài mòn các chi tiết máy luôn tra dầu mỡ bôi trơn các máy và thay thế các chi tiết bị mài mòn.
 - Đối với các máy ép có độ rung lớn được đặt trên móng bê tông với chiều sâu móng là 0,5m.
 - Trang bị các thiết bị chống ồn cho công nhân lao động tại các khu vực có tiếng ồn lớn.
- Đất đá được đào lên được phun nước làm ẩm tránh gây bụi. Phương tiện chở nguyên vật liệu, đất đá khai thác phải được phủ vải che chắn kỹ tránh rơi vãi gây ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường.



Rào chắn che công trình đảm bảo an toàn lao động và môi trường xung quanh khu vực xây dựng



Xe bồn tưới nước chống bụi và cung cấp nước cho khu vực thi công công trình.

HÀNH TRÌNH TIẾN TỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Tưới nước đá học trước khi đưa ra khỏi khu vực khai thác, tránh gây bụi trên đường vận chuyển

Hàng rào an toàn quanh bờ moong – trồng cây chắn bụi phát tán

Bảo vệ môi trường tại các mỏ đá:

- Giảm thiểu ô nhiễm không khí với hệ thống chống ô nhiễm và trồng cây xanh. Cụ thể:
 - Hệ thống phun sương tại các trạm nghiền sàng: 11 hệ thống.
 - Số cây xanh C32 trồng quanh khu vực khai thác: 4.162 cây
 - Số cây xanh xung quanh khu nghiền sàng: 8.776 cây
 - Xe bồn phun nước giảm thiểu bụi trên đường vận chuyển: 1 xe bồn 10m³.
- Các thông số ô nhiễm không khí như bụi, CO, SO₂, NO₂ đo tại các mỏ và trong quá trình giám sát định kỳ hầu như đều nằm trong giới hạn TCVSLD. Chứng tỏ các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí Công ty đang áp dụng đạt hiệu quả cao.
- Thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.
- Giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước: Nước tại mỏ phát sinh chủ yếu từ nước mưa và nước ngầm xuất lộ giải pháp hiện nay tại mỏ của C32 là bố trí 1 hồ thu nước có diện tích là 1.780 m², đầu tư máy bơm và đường ống dẫn để bơm nước từ hồ thu ra mương dẫn ra bên ngoài.
- Nước mưa phát sinh trong khu vực sản xuất đã được thu gom, lắng trước khi thải ra bên ngoài và phục vụ cho hoạt động sản xuất mỏ.
- Đối với nước thải sinh hoạt: hiện tại các mỏ của Công ty đều đã có hệ thống bể tự hoại tại khu vực văn phòng, do vậy toàn bộ nước thải sinh hoạt được xử lý qua bể tự hoại
- Các mỏ của CIC 3-2 trong cụm đã tiến hành xin phép xả nước thải vào nguồn nước.

"Công ty đã thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động đối với môi trường nước, và không khí, ô nhiễm môi trường đối với chất thải rắn, tác động do mìn nổ và các biện pháp phòng chống sự cố môi trường trong hoạt động khai thác mỏ"

HÀNH TRÌNH TIẾN TỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

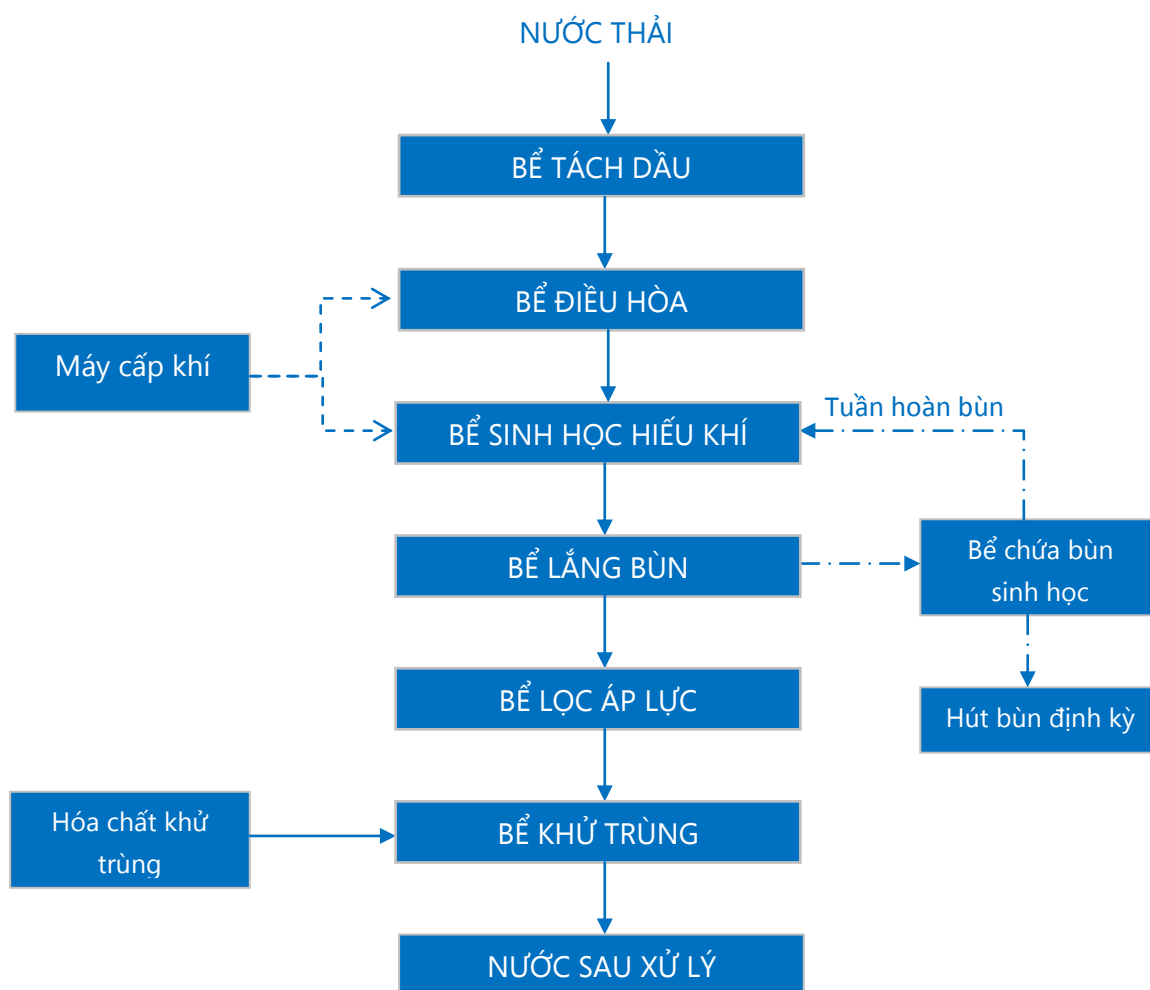
Công tác xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn sau đó đưa về trạm xử lý nước thải trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.
- Nước thải sản xuất: được tập trung lại đưa vào bể lắng sau đó mới thải ra bên ngoài môi trường.

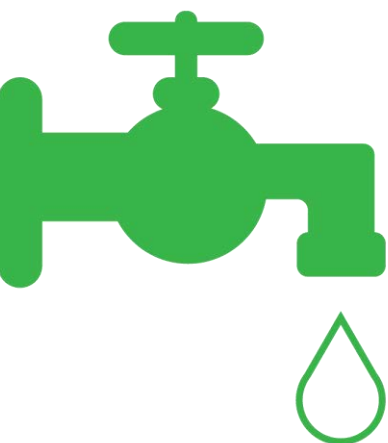
Công ty đã xây dựng một hệ thống xử lý nước thải tại các xí nghiệp như sau:



Bể xử lý nước thải tại xưởng Long Nguyên



HÀNH TRÌNH TIẾN TỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



- Sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, nước thải được đưa qua bể điều hòa. Bể điều hòa làm nhiệm vụ điều hòa nồng độ và lưu lượng nước thải cho quá trình sinh học, trong bể điều hòa được bố trí các thiết bị sục khí nhằm tránh quá trình tích tụ sinh học gây phân hủy kỵ khí tạo thành mùi hôi ảnh hưởng đến các hoạt động SX.
- Từ bể điều hòa, nước thải theo cụm bơm thứ 1 đưa qua bể sinh học hiếu khí, đây là bước xử lý quan trọng nhằm xử lý chất hữu cơ có trong nước thải dựa vào hoạt động của vi sinh vật hiếu khí được cung cấp ban đầu qua bùn hoạt tính.
- Trong bể xử lý sinh học thực hiện thổi khí liên tục nhằm luôn tạo môi trường hiếu khí trong bể đồng thời khuấy trộn tăng quá trình tiếp xúc giữa vi sinh vật, chất hữu cơ và oxy hòa tan, giúp cho quá trình phản ứng sinh học diễn ra hiệu quả hơn.
- Đối với nước thải từ nhà hàng thì chỉ cần áp dụng quá trình sinh học lơ lửng hiếu khí cổ điển là đủ để xử lý nồng độ chất hữu cơ đạt yêu cầu khi thải ra môi trường mà không cần bổ sung thêm giá thể vi sinh hoặc các công đoạn sinh học khác gây tốn kém không cần thiết.
- Sau quá trình phản ứng sinh học (thông thường từ 6-8 giờ), nồng độ chất hữu cơ giảm đến dưới ngưỡng cho phép với hiệu quả xử lý trong điều kiện vận hành bình thường có thể đạt 95%. Lúc này nước thải và vi sinh vật đang là một khối hỗn hợp đồng nhất, hỗn hợp này được đưa qua bể lắng, thời gian lưu nước của bể lắng không quá 3 giờ sẽ tách hỗn hợp thành 2 thành phần. Phần nước trong được tiếp tục đưa qua xử lý tại bể khử trùng, phần bùn được tuần hoàn lại cho bể sinh học để đảm bảo tỷ lệ F/M (foods/microorganisms) luôn nằm trong ngưỡng an toàn cho quá trình xử lý. Lượng bùn dư được đưa qua bể chứa bùn, bể chứa này đồng thời làm nhiệm vụ phân giải kỵ khí chất hữu cơ trong bùn nhằm phân hủy bùn thành phân bón cho cây trồng.
- Từ bể lắng, nước thải được chuyển qua bể trung gian, tại đây bố trí cụm bơm thứ 2 là dạng bơm trực ngan có nhiệm vụ bơm nước qua bể lọc áp lực; quá trình lọc để loại bỏ hoàn toàn bùn hoạt tính chưa lắng và các chất bẩn còn lại. Vật liệu lọc sử dụng cho bể chủ yếu là cát thạch anh kết hợp lớp sỏi, nước sau khi lọc được đưa qua bể khử trùng.
- Quá trình xử lý trong bể khử trùng với tác nhân khử trùng là Cl_2 dạng bột được pha chế theo tỷ lệ thích hợp sẽ loại bỏ hoàn toàn các loại vi sinh vật gây hại có trong nước thải trước thải ra môi trường theo đường ống thoát nước của khu vực. với quy trình trên, nước thải đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp theo QCVN 14:2008/BTNMT.

HÀNH TRÌNH TIẾN TỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

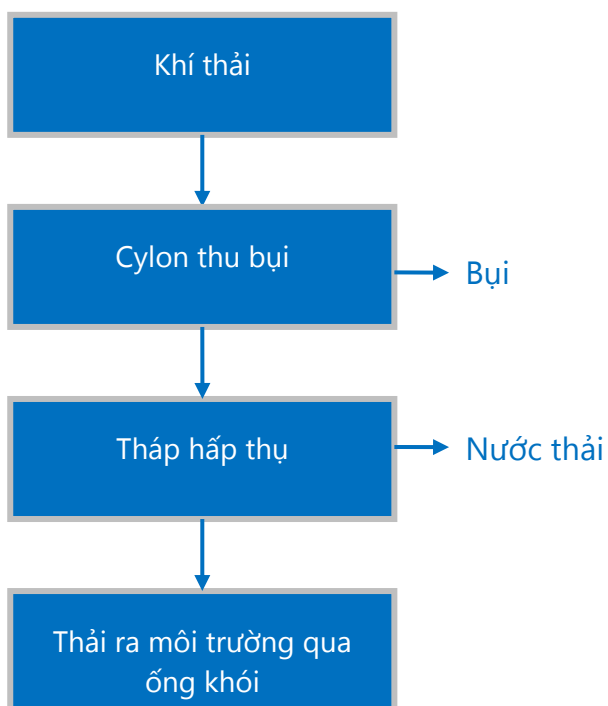


Hồ chứa nước xử lý bụi

Công tác xử lý nguồn khí thải

Quy trình xử lý khí thải lò hơi

Hiện nay Công ty đã trang bị hệ thống thu gom và xử lý khí thải như sau:



Bảng lưu lượng khí thải phát sinh

Loại khí thải	Đơn vị	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4
Khí thải lò hơi	m ³ /h	1.745	1.632	1.670	1.720

Hàng năm, Công ty luôn thực hiện chương trình giám sát chất lượng môi trường định kỳ. Giảm thiểu tối đa việc ảnh hưởng đến môi trường sống xung quanh khu vực khai thác, sản xuất.

HÀNH TRÌNH TIẾN TỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Công ty đã thực hiện và đảm bảo lượng khí thải thải ra môi trường đáp ứng yêu cầu tối thiểu của tiêu chuẩn theo quy định:

STT	Thông số đo	Đơn vị	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	QCVN 19: 2009/BTN MT cột A	QCVN 19: 2009/BTN MT cột B
01	Lưu lượng	P(m3/h)	P<20.000				-	-
02	Nhiệt độ	(C0)	120	110	95	105	-	-
03	Bụi	mg/Nm3	116	140	94	102	200	400
04	CO	mg/Nm3	625	460	480	520	1000	1000
05	SO2	mg/Nm3	136	122	150	132	500	1500
06	NOx	mg/Nm3	186	215	180	185	850	1000

Công tác xử lý chất thải rắn:

- Chất thải rắn sinh hoạt: được đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.
- Chất thải rắn công nghiệp: Phát sinh tại mỏ khá ít và đã được tái sử dụng.
- Chất thải nguy hại: Công ty đã tiến hành đăng ký quản lý CTNH và được đơn vị chức năng thu gom và xử lý theo quy định.



CHI PHÍ CIC 3-2 ĐÃ CHI ĐỂ THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Khoản mục	ĐVT	Giá trị
Phí bảo vệ môi trường năm 2015	đồng	2,643,654,425
Hỗ trợ bụi cho các hộ dân	đồng	625,200,000
Chi phí rửa đường hút bụi dọn dẹp vệ sinh	đồng	359,862,845
Ký quỹ phục hồi môi trường năm 2015	đồng	826,988,355

HÀNH TRÌNH TIẾN TỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CỘNG ĐỒNG

Trách nhiệm đối với người lao động

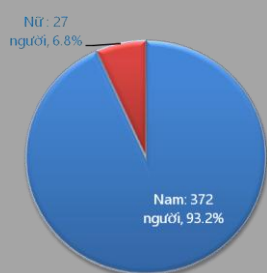
CIC 3-2 luôn giữ vững quan điểm tôn trọng và đối xử bình đẳng đối với nhân viên, không phân biệt đối xử về giới tính, vùng miền, tôn giáo. Mỗi người, dù ở lĩnh vực hay trình độ nào đều được tạo điều kiện để thể hiện giá trị của mình và là một phần trong thành công chung của tổ chức.



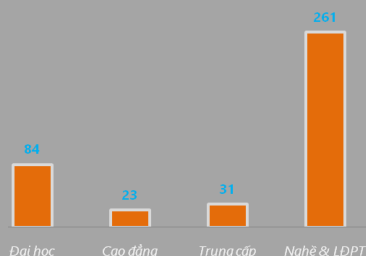
Số lao động có mặt đến ngày 31/12/2015 là: **399 lao động**



Mức lương trung bình đối với người lao động trong năm 2015 là: **8.700.000 đồng/ lao động**



Trình độ học vấn



Độ tuổi trung bình:

Độ tuổi lao động trung bình toàn Công ty là 34,8, riêng lao động dưới 40 tuổi là 324 lao động chiếm 81% tổng lao động, đây là độ tuổi trong giai đoạn phát huy cao nhất khả năng làm việc đóng góp trí lực, sức lực cho quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.



Quan hệ lao động:

- Mối quan hệ của Công ty với người lao động được xác lập trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật.
- Tất cả Cán bộ, công nhân viên được xác lập hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật và yêu cầu của vị trí công việc.
- Mọi quyền lợi của người lao động theo Bộ Luật lao động đều được đảm bảo.
- Công ty tuyệt đối không sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức.
- Thỏa ước lao động được áp dụng cho toàn bộ người lao động toàn Công ty.

HÀNH TRÌNH TIẾN TỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Chính sách lương:

- Duy trì việc trả lương theo kết quả KPI, xây dựng và tổ chức thực hiện thống kê, theo dõi, đánh giá định mức lao động, quản lý hiệu quả hơn đơn giá tiền lương.
- Tiếp tục duy trì việc khoán lương cho bộ phận gián tiếp các đơn vị tạo được động lực tốt cho người lao động nâng cao năng suất làm việc, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả.
- Thực hiện Nghị định 122/2015/NĐ-CP ngày 16/11/2015 của Chính phủ đã thực hiện điều chỉnh thang lương cơ bản Công ty áp dụng cho năm 2016, chuyển đổi mức lương CB mới cho toàn thể nhân viên, điều chỉnh đơn giá nhân công theo thang lương cơ bản mới.
- Các chế độ lương thưởng được thực hiện đầy đủ và kịp thời đảm bảo cuộc sống người lao động.



Chính sách bảo hiểm & chăm sóc sức khỏe

- Công tác theo dõi và báo cáo tăng, giảm về các chế độ bảo hiểm bắt buộc thực hiện kịp thời, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.
- Áp dụng hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp theo OHSAS 18001:2007, tiến tới đánh giá chứng nhận chính thức trong năm 2016. Thực hiện đo môi trường lao động để kiểm tra các yếu tố của môi trường điều kiện làm việc tại Công ty ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động, từ đó đưa ra các biện pháp bồi dưỡng, bù đắp và tổ chức thăm khám cho các lao động làm việc trong môi trường chịu nhiều tác động của môi trường.
- Hàng năm tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.
- Thực hiện công tác BHLĐ trong năm: Công ty đã tiến hành thực hiện ký hợp đồng may đồ BHLĐ và quần áo bảo vệ cho công nhân năm 2015 với số lượng 960 bộ đồ BHLĐ, 72 bộ đồng phục bảo vệ, 400 cái nón BHLĐ phát cho các đơn vị.
- Đo môi trường lao động, duy trì chế độ phụ cấp độc hại bằng hiện vật.
- Thường xuyên có chế độ thăm hỏi người lao động khi gia đình có hữu sự, ốm đau, hỗ trợ các nhân viên gặp khó khăn góp phần động viên tinh thần cho người lao động, thể hiện sự quan tâm của Lãnh đạo Công ty đến đời sống nhân viên. Trong năm 2015 đã thực hiện hỗ trợ 344.600.000 đồng cho nhân viên và gia đình nhân viên có hữu sự.

HÀNH TRÌNH TIẾN TỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Chính sách đào tạo

- Trong năm đạt 108% kế hoạch đề ra, trong đó tổ chức được 14/17 khóa đào tạo theo kế hoạch (Khóa Kỹ năng quản lý cấp trung, Kỹ năng quản lý kho, huấn luyện ALTD định kỳ cho công nhân và cán bộ quản lý, các lớp nhận thức ISO-OHSAS,...) 4 khóa đào tạo phát sinh (2 khóa cập nhật Thông tư 200/TT-BTC, Giám sát bán hàng, Lái xe nâng) với tổng số 267 lượt nhân viên tham dự đào tạo với tổng chi phí hơn 193 triệu đồng. Công tác lập báo cáo theo QT Đào tạo các đơn vị thực hiện tương đối đầy đủ theo quy định. Công tác huấn luyện an toàn lao động cho đội ngũ cán bộ tiếp tục được duy trì thực hiện định kỳ.
- Tổ chức các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo hoàn thành công việc và phát triển sự nghiệp:
- Tổ chức các khóa học bổ sung các kỹ năng cần thiết phục vụ công việc như: vận hành xe nâng, lò hơi, cầu trục, soạn thảo hợp đồng, quản lý kho. Khuyến khích người và có chính sách hỗ trợ người lao động tự nâng cao trình độ chuyên môn phục vụ công tác.

Văn hóa bổ nhiệm và xây dựng lớp cán bộ kế thừa.

Trong những năm gần đây Công ty đã và đang triển khai xây dựng quy hoạch lớp cán bộ quản lý, lao động kế thừa toàn Công ty và triển khai việc giao mục tiêu và đánh giá kết quả công việc theo KPI. Hiện tại Công ty đã thu được những kết quả bước đầu với việc phát hiện nhiều cán bộ có năng lực để phục vụ cho định hướng phát triển chung của Công ty.

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:
 - + Số giờ đào tạo trung bình: 10,3 giờ/người
 - + Số giờ đào tạo quản lý cấp trung: 17,4 giờ/người
 - + Số giờ đào tạo nhóm quản lý dự án, tiếp thị: 7 giờ/người

Hình ảnh một buổi tập huấn cho CB CNV



HÀNH TRÌNH TIẾN TỚI **SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

Tổ chức công đoàn Công ty

Công đoàn là tổ chức đại diện cho quyền lợi của người lao động. Mọi nhân viên đều được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia vào công đoàn.

- **Cơ chế ghi nhận thông tin phản hồi từ người lao động:**

Mọi nhân viên có thể phản ánh thắc mắc, khiếu nại của mình thông qua các kênh:

+ Phòng nhân sự Công ty.

+ Tổ chức công đoàn Công ty.

- **Cơ chế giải quyết tranh chấp lao động:**

Cơ chế giải quyết lao động được Công ty xác lập thành quy định chính thức và phổ biến đến từng nhân viên. Việc giải quyết luôn đảm bảo sự công bằng và có sự tham gia của Công đoàn để đảm bảo tính minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật.

- **Trân trọng giá trị lao động:**

Các chính sách về tiền lương, tiền thưởng cho nhân viên luôn được xem xét và cập nhật để đảm bảo duy trì được các giá trị:

- ✦ Đáp ứng được nhu cầu cuộc sống của người lao động.
- ✦ Tương xứng với những đóng góp của người lao động vào thành quả của Công ty.
- ✦ Là một yếu tố quan trọng để khích lệ tinh thần làm việc của người lao động và phát huy tốt nhất năng lực của bản thân.



HÀNH TRÌNH TIẾN TỚI **SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng:

- Trong năm Công ty vận động nhân viên ủng hộ 1 ngày lương cho quỹ Ngày Vì Người Nghèo.



- Ủng hộ Quỹ bảo trợ trẻ em Tỉnh Bình Dương cho trẻ em vượt khó học giỏi, trao học bổng cho các học sinh nghèo, hiếu học Thị xã Thuận An



- Trao học bổng cho sinh viên nghèo vượt khó, có thành tích tốt.



- Trao học bổng cho trẻ em nghèo có hoàn cảnh khó khăn.



Công tác đền ơn đáp nghĩa, xã hội và từ thiện:

- Công ty tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện, phát triển cộng đồng, bảo vệ môi trường.
- Ủng hộ xây dựng nhà tình thương trên địa bàn xã Tân Phước Khánh-Huyện Tân Uyên



- Ủng hộ cho các tổ chức nhân đạo chăm lo tết cho trẻ em, người già, người tàn tật như ủng hộ cho Trung tâm nhân đạo Quê Hương, Trung tâm Bảo trợ người già neo đơn Tỉnh Bình Dương, Trung tâm Bảo trợ xã hội Chánh Phú Hòa, Bình Dương, Trung tâm dạy nghề người tàn tật tỉnh Bình Dương, Hội nạn nhân chất độc da cam,...

HÀNH TRÌNH TIẾN TỚI **SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

Trong năm 2015
Công ty đã ủng hộ
tổng cộng trên 600
triệu đồng cho các
tổ chức xã hội, từ
thiện, nhân đạo.



05

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

TOÀN VĂN BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN







BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 39
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 39

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Đầu tư Xây dựng 3-2 theo Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 21 tháng 04 năm 2008 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Bình Dương.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3700146225 ngày 24 tháng 12 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 05 tháng 06 năm 2015

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Văn Lân	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thế Phi	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Sự	Thành viên
Ông Huỳnh Hữu Hùng	Thành viên
Ông Phan Thành Đức	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Văn Lân	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Bình	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Văn Hoàng Tùng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Lương Tâm	Thành viên
Ông Lý Thanh Châu	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Bình Dương, ngày 13 tháng 02 năm 2016





Số: 63/2016/BC.KTTC-AASC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 được lập ngày 13 tháng 02 năm 2016, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C). Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính của Công ty.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2016



Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0522-13-002-1

Kiểm toán viên

Ngô Minh Quý

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2434-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		346,329,349,085	282,272,936,946
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	21,859,220,439	9,861,328,609
111	1. Tiền		6,845,887,106	9,861,328,609
112	2. Các khoản tương đương tiền		15,013,333,333	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	89,112,146,719	60,000,000,000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		2,902,583,363	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		86,209,563,356	60,000,000,000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		178,935,899,779	152,401,032,781
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	156,642,476,188	135,373,715,273
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		3,587,109,861	950,177,571
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	06	19,944,841,314	17,654,445,958
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1,238,527,584)	(1,577,306,021)
140	IV. Hàng tồn kho	08	56,422,082,148	60,010,575,556
141	1. Hàng tồn kho		56,603,352,153	60,264,243,062
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(181,270,005)	(253,667,506)
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		99,166,269,583	91,653,067,975
220	II. Tài sản cố định		89,350,661,644	85,986,930,618
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	42,518,664,910	38,227,231,208
222	- Nguyên giá		109,600,844,056	98,202,770,015
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(67,082,179,146)	(59,975,538,807)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	46,831,996,734	47,759,699,410
228	- Nguyên giá		79,099,887,427	78,805,887,427
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(32,267,890,693)	(31,046,188,017)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		3,568,327,741	753,452,925
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	3,568,327,741	753,452,925
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	200,887,800	200,887,800
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		200,887,800	200,887,800
260	VI. Tài sản dài hạn khác		6,046,392,398	4,711,796,632
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	3,872,573,852	4,711,796,632
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31	2,173,818,546	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		445,495,618,668	373,926,004,921

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	01/01/2015	
			31/12/2015	(Đã điều chỉnh)
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		119,808,544,697	117,619,758,840
310	I. Nợ ngắn hạn		119,808,544,697	116,682,957,480
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	27,469,393,428	28,677,728,872
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		5,312,753,991	8,505,807,030
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	33,429,264,795	34,579,606,217
314	4. Phải trả người lao động		10,721,930,632	10,028,204,569
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	16,460,369,845	7,339,991,028
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	7,886,900,657	5,346,512,583
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	12,154,496,722	16,372,825,193
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	18	-	272,201,146
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		6,373,434,627	5,560,080,842
330	II. Nợ dài hạn		-	936,801,360
341	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31	-	936,801,360
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		325,687,073,971	256,306,246,081
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	325,687,073,971	256,306,246,081
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		112,000,000,000	112,000,000,000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		112,000,000,000	112,000,000,000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		75,176,884,813	55,789,784,378
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		138,510,189,158	88,516,461,703
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		37,223,075,970	20,656,368,160
421b	LNST chưa phân phối năm nay		101,287,113,188	67,860,093,543
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		445,495,618,668	373,926,004,921

Người lập,

Đỗ Việt Cường

Kế toán trưởng,

Nguyễn Xuân Hiếu

Bình Dương, ngày 13 tháng 02 năm 2016
Tổng Giám đốc

Vũ Văn Lãnh


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	
			Năm 2015 VND	(Đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	557,426,832,741	453,767,633,639
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	19,531,084	106,816,243
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		557,407,301,657	453,660,817,396
11	4. Giá vốn hàng bán	23	413,001,085,974	347,967,404,922
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		144,406,215,683	105,693,412,474
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	4,987,857,415	5,963,816,459
22	7. Chi phí tài chính	25	325,805,793	590,072,664
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>325,805,793</i>	<i>590,072,664</i>
25	8. Chi phí bán hàng	26	8,905,486,481	8,816,530,427
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	15,427,120,824	13,040,967,935
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		124,735,660,000	89,209,657,907
31	11. Thu nhập khác	28	3,012,937,922	1,380,306,629
32	12. Chi phí khác	29	289,053,865	675,034,433
40	13. Lợi nhuận khác		2,723,884,057	705,272,196
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		127,459,544,057	89,914,930,103
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	29,283,050,775	21,118,035,200
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	31	(3,110,619,906)	936,801,360
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		101,287,113,188	67,860,093,543
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	8,410	6,059

Người lập,

Đỗ Việt Cường

Kế toán trưởng,

Nguyễn Xuân Hiếu

Bình Dương, ngày 13 tháng 02 năm 2016
Tổng Giám đốc

Vũ Văn Lãnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		588,644,543,401	427,134,586,832
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(381,886,232,666)	(279,354,369,202)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(50,365,327,483)	(46,762,941,625)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(325,805,793)	(1,074,407,176)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(22,948,944,465)	(29,329,518,183)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2,571,870,154	6,456,914,938
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(55,740,327,350)	(42,818,466,907)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		79,949,775,798	34,251,798,677
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(14,506,948,857)	(3,928,497,833)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	715,563,636
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(87,833,630,561)	(60,000,000,000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		61,624,067,205	34,800,000,000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3,861,816,716	4,409,740,088
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(36,854,695,497)	(24,003,194,109)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		40,010,635,421	126,932,767,805
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(44,228,963,892)	(138,559,942,612)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(26,878,860,000)	(26,878,800,000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(31,097,188,471)	(38,505,974,807)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		11,997,891,830	(28,257,370,239)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		9,861,328,609	38,118,698,848
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	21,859,220,439	9,861,328,609

Người lập

Đỗ Việt Cường

Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Hiếu



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Đầu tư Xây dựng 3-2 theo Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 21 tháng 04 năm 2008 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Bình Dương.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3700146225 ngày 24 tháng 12 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 05 tháng 06 năm 2015

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ của Công ty là 112.000.000.000 VND tương đương với 11.200.000 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, xây dựng dân dụng

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Kinh doanh bất động sản; cho thuê đất; văn phòng; nhà xưởng (thực hiện theo quy hoạch);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ môi giới bất động sản, môi giới chứng khoán, môi giới kết hôn có yếu tố nước ngoài, môi giới nhận cha, mẹ, con, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài);
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; sản xuất gạch, ngói (theo công nghệ Tuynel);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Lắp đặt trang thiết bị: bảo vệ, báo động; hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống chống sét cho các công trình xây dựng;
- Hoạt động kho bãi (trừ than đá, phế liệu, hóa chất);
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Khai thác đá; cát; sỏi; đất; đất sét (chỉ được khai thác khi có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền);
- Chế biến đá;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại, đấu giá tài sản;
- Tư vấn công trình (trừ thiết kế công trình);
- Hoạt động trung gian tiền tệ khác: góp vốn, mua cổ phần;

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 - Xí nghiệp Đá xây dựng	Số 635/1A QL 1K, khu phố Tân An, phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương	Khai thác, chế biến đá
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 - Xí nghiệp Công Bê tông	5/138 Đại Lộ Bình Dương, khu phố Hòa Lân 1, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Sản xuất và kinh doanh Công bê tông ly
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 - Xí nghiệp Xây lắp	9C Nguyễn Văn Tiết, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Xây lắp
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 - Sàn giao dịch Bất động sản	45A Nguyễn Văn Tiết, P. Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Bất động sản

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC tại Thuyết minh số 39.

2.4 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.8 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.10 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.11 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Đối với hoạt động xây lắp: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.
- Đối với hoạt động sản xuất cơ khí và công bê tông: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành..

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.12 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo **phương pháp đường thẳng** với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 08 năm
- Quyền sử dụng đất	Theo thời hạn quyền sử dụng đất
- Phần mềm	03 - 08 năm

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.16 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính.

2.22 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.23 . Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán Bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.)

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.24 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.25 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chi trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chi trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong năm và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

2.26 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.27 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi lập Bảng cân đối kế toán.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

2.28 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp Phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	207,700,849	221,566,985
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6,638,186,257	9,639,761,624
Các khoản tương đương tiền	15,013,333,333	-
	<u>21,859,220,439</u>	<u>9,861,328,609</u>

Tại ngày 31/12/2015, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng có giá trị 15,013 tỷ VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,5%/năm đến 4,6 %/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	86,209,563,356	86,209,563,356	60,000,000,000	60,000,000,000
	86,209,563,356	86,209,563,356	60,000,000,000	60,000,000,000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản tiền gửi có kỳ hạn có giá trị 86,209 tỷ VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng, lãi suất từ 5,5%/năm đến 6,3%/năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản tiền gửi có kỳ hạn có giá trị 38 tỷ VND đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay thấu chi từ Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương (xem chi tiết tại Thuyết minh 14).

b) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị cổ phiếu	2,902,583,363	3,059,100,000	-	-	-	-
<i>Cổ phiếu mã DHA</i>	2,902,583,363	3,059,100,000	-	-	-	-
	2,902,583,363	3,059,100,000	-	-	-	-

Trong năm 2015 Công ty đăng ký mua thành công số lượng 148.500 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hóa An (mã chứng khoán DHA). Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2015.

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác				
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Tổng hợp Bình Dương	200,887,800	-	200,887,800	-
	200,887,800	-	200,887,800	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Ban quản lý dự án Thị xã Thủ Dầu Một	43,575,454,000	15,716,162,000
- Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh Bình Dương	17,666,064,000	23,099,845,000
- Ban quản lý dự án huyện Dầu Tiếng	5,386,694,000	13,480,180,040
- Ban quản lý dự án huyện Phú Giáo	27,900,814,000	29,532,784,000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	62,113,450,188	53,544,744,233
	156,642,476,188	135,373,715,273

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phải thu về tạm ứng	13,230,424,107	-	12,170,159,707	-
- Ký cược, ký quỹ	3,986,558,698	-	2,882,349,236	-
- Phải thu BHXH	12,613,117	-	47,677,435	-
- Lãi dự thu	2,617,747,548	-	1,491,706,849	-
- Tạm ứng cho BQL của công trình nâng cấp mở rộng đường	-	-	984,764,000	-
- Phải thu khác	97,497,844	-	77,788,731	-
	19,944,841,314	-	17,654,445,958	-

7 . NỢ XẤU

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi:				
Công ty TNHH Quang Phước	264,782,117	-	264,782,117	79,434,635
Công ty TNHH Phát triển GS Cù Chi	-	-	308,272,347	154,136,173
Công ty TNHH Xây dựng Vân Hải	-	-	484,735,894	-
Công ty TNHH Xây dựng Dũng Duy	-	-	171,545,682	-
Công ty TNHH TMXD Hoàng Minh Tâm	211,738,124	63,521,437	211,738,124	105,869,062
Công ty Cổ phần TM XD Đình Nghiệp	519,829,757	363,880,830	170,075,307	-
Công ty CP XL Vật tư Hoàng Ngân	138,088,984	84,662,289	199,431,384	-
Đối tượng khác	750,422,130	134,268,972	445,057,366	338,892,330
	1,884,861,112	646,333,528	2,255,638,221	678,332,200

Thông tin về các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu:

Trong số dư nợ các khoản nợ xấu tại ngày 31/12/2015 bao gồm 205,836 triệu VND là công nợ phải thu khách hàng đã được lập hồ sơ khởi kiện, 1,679 tỷ VND công nợ phải thu khách hàng đã khởi kiện và đã có phán quyết của toàn án với kết quả tiền lãi chậm trả chưa được ghi nhận số tiền 239,077 triệu VND và 358,941 triệu VND tiền bồi thường tài sản.

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6,757,858,073	(55,719,277)	7,457,845,834	(149,090,970)
Công cụ, dụng cụ	157,436,810	-	157,436,810	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18,676,560,357	-	18,614,037,368	-
Thành phẩm	30,030,303,580	(125,550,728)	34,034,923,050	(104,576,536)
Hàng hoá	23,237,865	-	-	-
Hàng gửi đi bán	957,955,468	-	-	-
	56,603,352,153	(181,270,005)	60,264,243,062	(253,667,506)

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Công trình thi công Trường mẫu giáo An Phú (*)	3,188,295,846	49,885,455
- Công trình khác	380,031,895	703,567,470
	3,568,327,741	753,452,925

(*) Đây là dự án trường mẫu giáo An Phú được Công ty đầu tư với mục đích an sinh xã hội theo Quyết định số 82/QĐ-CTY ngày 13 tháng 10 năm 2012 của Tổng Giám đốc Công ty, Công trình có tổng vốn đầu tư ban đầu là 6,207 tỷ VND tại phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Sau khi hoàn thành, Trường mẫu giáo An Phú sẽ được Công ty cho thuê lại để kinh doanh bất động sản đầu tư. Công trình dự kiến hoàn thành trong năm 2016.

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	22,124,963,255	53,689,933,034	21,292,261,463	1,095,612,263	98,202,770,015
- Mua trong năm	51,500,000	2,474,869,090	7,959,658,182	-	10,486,027,272
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	644,157,899	267,888,870	-	-	912,046,769
Số dư cuối năm	22,820,621,154	56,432,690,994	29,251,919,645	1,095,612,263	109,600,844,056
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	8,729,216,899	38,664,642,642	11,651,103,107	930,576,159	59,975,538,807
- Khấu hao trong năm	1,534,567,291	3,557,458,693	1,881,806,314	132,808,041	7,106,640,339
Số dư cuối năm	10,263,784,190	42,222,101,335	13,532,909,421	1,063,384,200	67,082,179,146
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	13,395,746,356	15,025,290,392	9,641,158,356	165,036,104	38,227,231,208
Tại ngày cuối năm	12,556,836,964	14,210,589,659	15,719,010,224	32,228,063	42,518,664,910

Trong đó

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 38,059,838,528 VND

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	78,581,967,427	223,920,000	78,805,887,427
- Mua trong năm	-	294,000,000	294,000,000
Số dư cuối năm	78,581,967,427	517,920,000	79,099,887,427
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	30,880,184,679	166,003,338	31,046,188,017
- Khấu hao trong năm	1,098,180,456	123,522,220	1,221,702,676
Số dư cuối năm	31,978,365,135	289,525,558	32,267,890,693
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	47,701,782,748	57,916,662	47,759,699,410
Tại ngày cuối năm	46,603,602,292	228,394,442	46,831,996,734

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Phân bổ công cụ dụng cụ	3,305,702,793	1,518,008,307
- Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	-	2,129,094,000
- Chi phí sửa chữa xe, nhà kho XN Xây lắp	377,847,453	426,761,381
- Chi phí tư vấn chiến lược	189,023,606	378,047,222
- Chi phí khảo sát, thăm dò trữ lượng	-	246,171,654
- Chi phí nhà tạm công nhân	-	13,714,068
	3,872,573,852	4,711,796,632

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

năm tài chính kết

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	2,386,859,066	55,691,370,610	54,223,091,840	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	6,855,390,155	29,283,050,775	22,948,944,465	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	415,091,515	1,356,734,565	1,314,225,442	-
- Thuế tài nguyên	-	8,322,285,668	14,171,784,898	19,712,927,634	-
- Thuế bảo vệ môi trường	-	-	37,259,925	37,259,925	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác ^(*)	-	16,599,979,813	11,359,641,312	14,813,734,201	-
	-	34,579,606,217	111,899,842,085	113,050,183,507	-

^(*) Số tại ngày 31/12/2015 bao gồm 10,951 tỷ VND phí cấp quyền khai thác khoáng sản (thông tin bổ sung tại thuyết minh số 36)

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

14 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2015		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Bình Dương	16,372,825,193	16,372,825,193	29,539,387,098	33,757,715,569	12,154,496,722	12,154,496,722
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	-	-	10,471,248,323	10,471,248,323	-	-
	16,372,825,193	16,372,825,193	40,010,635,421	44,228,963,892	12,154,496,722	12,154,496,722

Thông tin bổ sung khoản vay ngắn hạn:

Hợp đồng thấu chi số 0126/15/87982/HĐ ngày 01/12/2015, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức thấu chi: 60 tỷ VND;
- Mục đích thấu chi
 - + *Bù đắp thiếu hụt thanh toán (vốn ngắn hạn) tạm thời;*
 - + *Thanh toán Chi phí vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất - kinh doanh*
- Thời hạn thấu chi: 17/03/2016; Thời hạn hiệu lực của hạn mức thấu chi: tối đa đến ngày 30/11/2016;
- Lãi suất thấu chi: 5%/ năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay:
 - + *Sử dụng doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ vay thấu chi tại ngân hàng;*
 - + *Cầm cố các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng BIDV - CN Nam Bình Dương để đảm bảo các khoản vay;*
- Dư nợ thấu chi tại thời điểm 31/12/2015 là 12.154.496.722 VND;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- TCT Vật liệu XD số 1 - TNHH MTV	758,202,119	758,202,119	5,666,361,421	5,666,361,421
- Hợp tác xã Phúc Tài	2,382,082,923	2,382,082,923	1,306,444,319	1,306,444,319
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng B.M.T	4,051,397,688	4,051,397,688	2,665,082,330	2,665,082,330
- Phải trả các đối tượng khác	20,277,710,698	20,277,710,698	19,039,840,802	19,039,840,802
	27,469,393,428	27,469,393,428	28,677,728,872	28,677,728,872

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Trích trước chi phí công trình	12,339,671,197	2,158,693,324
- Chi phí phục hồi môi trường mỏ đá	4,050,632,039	3,542,337,874
- Chi phí thuê đất	-	1,578,959,830
- Chi phí phải trả khác	70,066,609	60,000,000
	16,460,369,845	7,339,991,028

17 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	84,387,400	66,517,040
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	16,063,155	14,923,155
- Phải trả các đội thi công và nhà thầu phụ	6,191,300,167	4,215,279,438
- Phải trả tiền thù lao Hội đồng quản trị	1,302,540,000	1,002,000,000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	292,609,935	47,792,950
	7,886,900,657	5,346,512,583

18 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	-	272,201,146
	-	272,201,146

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu VND	Quỹ Đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	112,000,000,000	39,135,328,891	68,854,071,184	219,989,400,075
Lãi trong năm trước	-	-	67,860,093,543	67,860,093,543
Trích lập các quỹ	-	16,654,455,487	(16,654,455,487)	-
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	-	-	(13,440,000,000)	(13,440,000,000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi & ban điều hành	-	-	(4,663,247,537)	(4,663,247,537)
Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2014	-	-	(13,440,000,000)	(13,440,000,000)
Số dư cuối năm trước	112,000,000,000	55,789,784,378	88,516,461,703	256,306,246,081
Số dư đầu năm nay	112,000,000,000	55,789,784,378	88,516,461,703	256,306,246,081
Lãi trong năm trước	-	-	101,287,113,188	101,287,113,188
Trích lập các quỹ	-	19,387,100,435	(19,387,100,435)	-
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	-	-	(13,440,000,000)	(13,440,000,000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(3,590,203,784)	(3,590,203,784)
Trích quỹ thưởng ban điều hành	-	-	(1,436,081,514)	(1,436,081,514)
Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2015	-	-	(13,440,000,000)	(13,440,000,000)
Số dư cuối năm nay	112,000,000,000	75,176,884,813	138,510,189,158	325,687,073,971

Theo Nghị quyết số 13/NQ-HDQT ngày 19/10/2015, Hội đồng quản trị Công ty đã Quyết nghị việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2015 với tỷ lệ 12% vốn điều lệ (một cổ phiếu nhận 1.200 đồng).

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 01/NQ-ĐHCĐ-2015 ngày 27 tháng 04 năm 2015, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế năm 2014 (đã điều chỉnh theo KTNN)	100.00	67,860,093,543
Trích Quỹ đầu tư phát triển	28.57	19,387,100,435
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	5.29	3,590,203,784
Trích quỹ thưởng ban điều hành	2.12	1,436,081,514
Chi trả cổ tức 24%/vốn điều lệ (tương ứng mỗi cổ phần nhận 2.400 đồng)	39.61	26,880,000,000
- Đã tạm ứng 12% trong năm 2014		13,440,000,000
- Chia 12% còn lại trong năm 2015		13,440,000,000
Lợi nhuận còn lại năm 2014 chưa phân phối	24.41	16,566,707,810

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ %	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND
- Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH MTV	51.00	57,120,000,000	51.00	57,120,000,000
- America LLC	6.88	7,709,300,000	6.88	7,709,300,000
- Cổ đông khác	42.12	47,170,700,000	42.12	47,170,700,000
	100	112,000,000,000	100	112,000,000,000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	112,000,000,000	112,000,000,000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	112,000,000,000	112,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	13,440,000,000	13,440,000,000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay</i>	13,440,000,000	13,440,000,000

d) Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11,200,000	11,200,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11,200,000	11,200,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11,200,000	11,200,000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phần.		

f) Các quỹ của công ty

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	75,176,884,813	55,789,784,378
	75,176,884,813	55,789,784,378

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Xây dựng U&I	12,148,500	12,148,500
- Võ Anh Phương	3,466,000	3,466,000
- Phạm Duy Diệp	496,337	496,337
- Nguyễn Vương Hồng Phú	5,331,000	5,331,000
- Trường Trung học Kinh tế	26,100,000	26,100,000
- Cơ sở trà Thanh Đào	3,750,000	3,750,000
- Công ty TNHH Đông Á	11,000	11,000
- Công ty Cổ phần Lê Nguyễn	720,000	720,000
- Ông Khuru Văn Khương	247,016	247,016
- Công ty TNHH Minh Nhựt	145,124	145,124
- Công ty TNHH Ngọc Thái Khang	2,887,592	2,887,592
- Công ty TNHH Bảo Ngọc	4,547,733	4,547,733
- Công ty TNHH Khải Thành	4,515,543	4,515,543
- Nguyễn Thị Thanh Loan	9,284,880	9,284,880
- Công ty TNHH Minh Châu	826,945	826,945
- Công ty TNHH Xây dựng Hải Long	183,611,848	183,611,848
- Công ty TNHH Lê Phúc Vinh	363,348,930	363,348,930
- Công ty CP Đầu tư Thương mại & Xây dựng giao thông 1	4,784,388	4,784,388
- Công ty TNHH MTV Phan Vũ	338,690	338,690
- Võ Thị Lý Em	32,780	32,780
- Phạm Minh Chánh	213,140	213,140
- Nguyễn Hoàng Lê	1,155,213	1,155,213
- Các khoản công nợ trước cổ phần hóa	114,014,787	114,014,787
- Công ty TNHH Xây dựng Đồng Long (*)	33,505,980	-
- Công ty TNHH Xây dựng Vân Hải (*)	484,735,894	-
- Công ty TNHH Tư vấn Khai Nam (*)	35,185,130	-
- Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng Nam Trung Việt (*)	78,833,844	-
	1,374,238,294	741,977,446

(*) Nợ khó đòi xử lý trong năm 2015 theo theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 07 năm 2015 của Hội đồng Quản trị.

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	324,106,906,461	263,187,085,613
Doanh thu bán hàng hóa	56,611,116,741	48,225,907,734
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5,711,614,152	4,368,659,222
Doanh thu kinh doanh bất động sản	6,937,820,036	6,143,684,378
Doanh thu hợp đồng xây dựng	164,059,375,351	131,842,296,692
- <i>Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong năm</i>	<i>164,059,375,351</i>	<i>131,842,296,692</i>
- <i>Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập báo cáo tài chính</i>	<i>437,930,951,713</i>	<i>520,059,402,623</i>
	557,426,832,741	453,767,633,639

22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
- Hàng bán bị trả lại	19,531,084	106,816,243
	19,531,084	106,816,243

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	202,699,303,865	176,547,416,285
Giá vốn của hàng hóa đã bán	53,003,304,974	46,223,534,581
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	3,176,502,706	3,109,855,405
Giá vốn kinh doanh bất động sản	6,621,018,506	6,301,903,908
Giá vốn hoạt động xây dựng	147,573,353,424	115,684,037,498
Hoàn nhập/Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(72,397,501)	100,657,245
	413,001,085,974	347,967,404,922

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4,964,307,582	5,940,353,986
Cổ tức, lợi nhuận được chia	23,549,833	23,462,473
	4,987,857,415	5,963,816,459

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	325,805,793	590,072,664
	325,805,793	590,072,664

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên	699,520,854	511,781,226
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8,205,965,627	8,304,749,201
	8,905,486,481	8,816,530,427

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	117,392,115	21,720,243
Chi phí nhân công	9,340,318,923	8,849,049,696
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,055,116,118	1,341,917,242
Chi phí dự phòng	293,482,411	345,998,985
Thuế, phí, lệ phí	11,084,176	11,084,176
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,808,970,324	501,225,771
Chi phí khác bằng tiền	2,800,756,757	1,969,971,822
	15,427,120,824	13,040,967,935

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	720,000,000
Thu nhập từ tiền đền bù đường Mỹ Phước Tân Vạn	1,905,920,000	-
Hoàn nhập chi phí khu dân cư Nguyễn Văn Tiết	-	285,643,450
Hoàn nhập chi phí bảo hành công trình	272,201,146	-
Thu nhập từ vi phạm hợp đồng	195,608,224	-
Thu nhập phát sinh từ nợ khó đòi đã xử lý	70,000,000	-
Thu nhập khác	569,208,552	374,663,179
	3,012,937,922	1,380,306,629

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản	-	4,436,364
Khoản phạt vi phạm hành chính	143,977,849	124,972,776
Chi phí di dời trạm điện	127,272,727	-
Chi phí khác	17,803,289	545,625,293
	289,053,865	675,034,433

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	127,142,742,527	90,073,149,633
Các khoản điều chỉnh tăng	12,686,965,014	6,510,323,594
Các khoản điều chỉnh giảm	(7,041,732,822)	(592,404,136)
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	132,787,974,719	95,991,069,091
Thuế suất thuế TNDN	22%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 22%)	29,213,354,438	21,118,035,200
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	38,153,255
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	6,855,390,155	15,028,719,883
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(22,879,248,128)	(29,329,518,183)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động kinh doanh chính	13,189,496,465	6,855,390,155
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản		
Tổng lợi nhuận kế toán từ hoạt động kinh doanh bất động sản	316,801,530	(158,219,530)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế Thu nhập doanh nghiệp	316,801,530	(158,219,530)
Thuế suất thuế TNDN	22%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 22%)	69,696,337	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm của HĐKD bất động sản	-	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm của HĐKD bất động sản	(69,696,337)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của HĐKD bất động sản	-	-
Tổng Chi phí thuế TNDN hiện hành	29,283,050,775	21,118,035,200
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	13,189,496,465	6,855,390,155

31 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	22%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2,173,818,546	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2,173,818,546	-

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	22%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	936,801,360
	-	936,801,360

c) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	936,801,360
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(2,173,818,546)	-
Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(936,801,360)	-
	(3,110,619,906)	936,801,360

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	101,287,113,188	67,860,093,543
Các khoản điều chỉnh	(7,090,097,923)	-
- <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi và ban điều hành được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	(7,090,097,923)	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	94,197,015,265	67,860,093,543
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	11,200,000	11,200,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8,410	6,059

Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của Công ty để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Năm 2015, theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, số dự tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được loại ra khi tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu. Theo Nghị Quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2015 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2015, Công ty dự tính phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng ban điều hành với tỷ lệ 7% lợi nhuận sau thuế năm 2015.

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	142,881,747,074	134,955,313,764
Chi phí nhân công	55,674,041,964	51,007,210,955
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8,328,343,015	8,938,848,505
Chi phí dịch vụ mua ngoài	133,782,221,734	112,440,711,707
Chi phí khác bằng tiền	29,292,912,990	27,201,798,803
	369,959,266,777	334,543,883,734

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị ghi sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21,859,220,439	-	9,861,328,609	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	176,587,317,502	(1,238,527,584)	153,028,161,231	(1,577,306,021)
Các khoản cho vay	86,209,563,356	-	60,000,000,000	-
Đầu tư ngắn hạn	2,902,583,363	-	-	-
Đầu tư dài hạn	200,887,800	-	200,887,800	-
	287,759,572,460	(1,238,527,584)	223,090,377,640	(1,577,306,021)

	Giá trị ghi sổ kế toán	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	12,154,496,722	16,372,825,193
Phải trả người bán, phải trả khác	35,356,294,085	34,024,241,455
Chi phí phải trả	16,460,369,845	7,339,991,028
	63,971,160,652	57,737,057,676

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21,859,220,439	-	-	21,859,220,439
Phải thu khách hàng, phải thu khác	175,348,789,918	-	-	175,348,789,918
Các khoản cho vay	86,209,563,356	-	-	86,209,563,356
Đầu tư ngắn hạn	2,902,583,363	-	-	2,902,583,363
Đầu tư dài hạn	-	200,887,800	-	200,887,800
	286,320,157,076	200,887,800	-	286,521,044,876
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9,861,328,609	-	-	9,861,328,609
Phải thu khách hàng, phải thu khác	151,450,855,210	-	-	151,450,855,210
Các khoản cho vay	60,000,000,000	-	-	60,000,000,000
Đầu tư dài hạn	-	200,887,800	-	200,887,800
	221,312,183,819	200,887,800	-	221,513,071,619

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21,859,220,439	-	-	21,859,220,439
Phải thu khách hàng, phải thu khác	175,348,789,918	-	-	175,348,789,918
Các khoản cho vay	86,209,563,356	-	-	86,209,563,356
Đầu tư ngắn hạn	2,902,583,363	-	-	2,902,583,363
Đầu tư dài hạn	-	200,887,800	-	200,887,800
	286,320,157,076	200,887,800	-	286,521,044,876
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9,861,328,609	-	-	9,861,328,609
Phải thu khách hàng, phải thu khác	151,450,855,210	-	-	151,450,855,210
Các khoản cho vay	60,000,000,000	-	-	60,000,000,000
Đầu tư dài hạn	-	200,887,800	-	200,887,800
	221,312,183,819	200,887,800	-	221,513,071,619

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2015				
Vay và nợ	12,154,496,722	-	-	12,154,496,722
Phải trả người bán, phải trả khác	35,356,294,085	-	-	35,356,294,085
Chi phí phải trả	16,460,369,845	-	-	16,460,369,845
	63,971,160,652	-	-	63,971,160,652
Tại ngày 01/01/2015				
Vay và nợ	16,372,825,193	-	-	16,372,825,193
Phải trả người bán, phải trả khác	34,024,241,455	-	-	34,024,241,455
Chi phí phải trả	7,339,991,028	-	-	7,339,991,028
	57,737,057,676	-	-	57,737,057,676

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo giấy phép khai thác khoáng sản số 23/GP-UBND ngày 18/01/2016, UBND tỉnh Bình Dương đã quyết định cho phép Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 khai thác đá xây dựng tại mỏ đá xây dựng Tân Đông Hiệp thuộc phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, khu vực khai thác có diện tích 116.950m², công suất khai thác 908.155 m³/năm. Thời hạn khai thác đến 31/12/2017.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

36 . THÔNG TIN KHÁC

Công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác khoáng sản (khai thác đá). Theo điều 77 Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010 và Nghị định số 203/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính Phủ, Công ty sẽ phải nộp phí cấp quyền khai thác khoáng sản căn cứ vào Thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ Cơ quan thuế.

Từ năm 2013, Công ty đã trích trước khoản phải phí cấp quyền khai thác khoáng sản từ khi Luật khoáng sản năm 2010 có hiệu lực. Theo Quyết định số 2370/QĐ-UBND ngày 18/09/2015, UBND tỉnh Bình Dương đã phê duyệt giá trị tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với mỏ đá của Công ty, theo đó phí cấp quyền khai thác khoáng sản qua các năm phải nộp như sau:

Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	Giá trị	Số đã nộp	Số còn phải nộp tại
			31/12/2015
	VND	VND	VND
Năm 2013	10,951,988,130	-	10,951,988,130 (*)
Năm 2014	3,221,030,340	(3,221,030,340)	-
Năm 2015	7,986,260,880	(7,986,260,880)	-
Cộng	22,159,279,350	(11,207,291,220)	10,951,988,130

(*) Khoản phí tính từ năm 2011 - thời điểm Luật Khoáng sản có hiệu lực đến năm 2013. Theo Quyết định nêu trên, khoản phí này tạm thời Ngân sách Nhà nước chưa thu cho đến khi có văn bản yêu cầu nộp của Cơ quan có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

39 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu kỳ này.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2014 căn cứ Báo cáo Kiểm toán Nhà nước ngày 25 tháng 09 năm 2015.

Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính được điều chỉnh và phân loại cụ thể như sau:

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014			Số liệu điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước và điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC			
Mã Số	Khoản mục	Số tiền	Mã Số	Khoản mục	Số tiền	Thay đổi
a) Bảng Cân đối kế toán			a) Bảng Cân đối kế toán			
121	Đầu tư ngắn hạn	60,000,000,000	123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	60,000,000,000	-
131	Phải thu của khách hàng	135,373,715,273	131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	135,373,715,273	-
132	Trả trước cho người bán	950,177,571	132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	950,177,571	-
135	Các khoản phải thu khác	1,110,230,166	136	Phải thu ngắn hạn khác	17,654,445,958	16,544,215,792
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1,577,306,021)	137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1,577,306,021)	-
141	Hàng tồn kho	61,207,435,045	141	Hàng tồn kho	60,264,243,062	(943,191,983)
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(264,715,480)	149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(253,667,506)	11,047,974
158	Tài sản ngắn hạn khác	15,052,508,943	155	Tài sản ngắn hạn khác	-	(15,052,508,943)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	753,452,925	242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	753,452,925	-
258	Đầu tư dài hạn khác	200,887,800	253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	200,887,800	-

39 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014			Số liệu điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước và điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC			
Mã Số	Khoản mục	Số tiền	Mã Số	Khoản mục	Số tiền	Thay đổi
311	Vay và nợ ngắn hạn	16,372,825,193	320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16,372,825,193	-
312	Phải trả người bán	28,677,728,872	311	Phải trả người bán ngắn hạn	28,677,728,872	-
313	Người mua trả tiền trước	8,505,807,030	312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	8,505,807,030	-
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	27,312,875,935	313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	34,579,606,217	7,266,730,282
315	Phải trả người lao động	10,028,204,569	314	Phải trả người lao động	10,028,204,569	-
316	Chi phí phải trả	10,097,513,923	315	Chi phí phải trả ngắn hạn	7,339,991,028	(2,757,522,895)
319	Các khoản phải trả, phải nộp khác	5,632,156,033	319	Phải trả ngắn hạn khác	5,346,512,583	(285,643,450)
320	Dự phòng phải trả ngắn hạn	929,021,462	321	Dự phòng phải trả ngắn hạn	272,201,146	(656,820,316)
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5,560,080,842	322	Quỹ khen thưởng phúc lợi	5,560,080,842	-
335	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	936,801,360	936,801,360
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	112,000,000,000	411	Vốn góp của chủ sở hữu	112,000,000,000	-
			411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	112,000,000,000	-
417	Quỹ đầu tư phát triển	43,917,892,930	418	Quỹ đầu tư phát triển	55,789,784,378	11,871,891,448
418	Quỹ dự phòng tài chính	11,871,891,448				(11,871,891,448)
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	92,460,443,844	421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	88,516,461,703	(3,943,982,141)
			421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	20,656,368,160	(3,943,982,141)
			421b	LNST chưa phân phối năm nay	67,860,093,543	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

39 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Số liệu điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước
và điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã Số	Khoản mục	Số tiền	Mã Số	Khoản mục	Số tiền	Thay đổi
b) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh			b) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh			
11	4. Giá vốn hàng bán	343,567,250,600	11	4. Giá vốn hàng bán	347,967,404,922	4,400,154,322
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch	110,093,566,796	20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	105,693,412,474	(4,400,154,322)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	4,472,109,610	21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	5,963,816,459	1,491,706,849
24	8. Chi phí bán hàng	8,816,530,427	25	8. Chi phí bán hàng	8,816,530,427	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	13,040,967,935	26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	13,040,967,935	-
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	92,118,105,380	30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh	89,209,657,907	(2,908,447,473)
31	11. Thu nhập khác	1,094,663,179	31	11. Thu nhập khác	1,380,306,629	285,643,450
32	12. Chi phí khác	667,349,345	32	12. Chi phí khác	675,034,433	7,685,088
40	13. Lợi nhuận khác	427,313,834	40	13. Lợi nhuận khác	705,272,196	277,958,362
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	92,545,419,214	50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	89,914,930,103	(2,630,489,111)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20,741,343,530	51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21,118,035,200	376,691,670
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	936,801,360	936,801,360
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	71,804,075,684	60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	67,860,093,543	(3,943,982,141)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6,411	70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6,059	(352)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

39 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014


Số liệu điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước
và điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã Số	Khoản mục	Số tiền	Mã Số	Khoản mục	Số tiền	Thay đổi
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	68,048,652,994	33	3. Tiền thu từ đi vay	68,048,652,994	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(81,361,703,791)	34	4. Tiền trả nợ gốc vay	(81,361,703,791)	-

Người lập


 Đỗ Việt Cường

Kế toán trưởng


 Nguyễn Xuân Hiếu


Xác nhận của người đại diện theo pháp luật của Công ty

Tổng Giám Đốc



Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng 3-2

45A Nguyễn Văn Tiết – P.Lái Thiêu – TX.Thuận An - Bình Dương

Số điện thoại : 0650.3759446

Số fax : 0650.3755605

Website: www.cic32.com.vn

Email: ctydt-xaydung32@vnn.vn





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: 45A Nguyễn Văn Tiết - Lái Thiêu - Thuận An - Bình Dương

Điện thoại: 0650.3759446

Fax: 0650.3755605

Website: www.cic32.com.vn

Email: ctydt-xaydung32@vnn.vn

